

ThS. ĐẬU CÔNG HIỆP, ThS. MAI THỊ MAI
(Đồng chủ biên)

NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VỚI ĐẢNG CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

**(NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG Á
VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM)**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung:	VĂN THỊ THANH HƯƠNG NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH NGUYỄN VIỆT HÀ
Trình bày bìa:	PHẠM THUYẾT LIỄU
Chế bản vi tính:	LÊ MINH ĐỨC
Đọc sách mẫu:	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH BÍCH LIỄU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 2266-2021/CXBIPH/13-23/CTQG.
Số quyết định xuất bản: 425-QĐ/NXBCTQG, ngày 29/6/2021.
Nộp lưu chiểu: tháng 7 năm 2021.
Mã ISBN: 978-604-57-6898-3.

**NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN
VỚI ĐẢNG CHÍNH TRỊ
VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI**

(NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG Á
VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM)

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Nhà nước kiến tạo phát triển với đảng chính trị và các tổ chức xã hội (Nghiên cứu điển hình một số nước Đông Á và gợi mở cho Việt Nam) / Đậu Công Hiệp, Mai Thị Mai (ch.b.), Hà Thị Phương Trà, Lê Thị Hồng Hạnh. - H. : Chính trị Quốc gia, 2021. - 196tr. ; 19cm

ISBN 9786045766262

1. Nhà nước 2. Đảng chính trị 3. Tổ chức xã hội
320.1 - dc23

CTL0247p-CIP

ThS. ĐẬU CÔNG HIỆP, ThS. MAI THỊ MAI
(Đồng chủ biên)

**NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN
VỚI ĐẢNG CHÍNH TRỊ
VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI**
(NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG Á
VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

TẬP THỂ TÁC GIẢ

ThS. Đậu Công Hiệp - ThS. Mai Thị Mai

(Đồng chủ biên)

ThS. Đậu Công Hiệp (viết chung Chương I, II, III)

ThS. Mai Thị Mai (viết chung Chương II)

ThS. Hà Thị Phương Trà (viết chung Chương III)

ThS. Lê Thị Hồng Hạnh (viết chung Chương I)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nhà nước kiến tạo phát triển là một hình thức nhà nước có vai trò to lớn trong việc dẫn dắt, thúc đẩy phát triển kinh tế ở tốc độ cao, được nhiều quốc gia vận dụng. Việc nghiên cứu mô hình Nhà nước kiến tạo phát triển nói chung và mối quan hệ giữa nó với đảng chính trị cũng như các tổ chức xã hội nói riêng ở các nước Đông Á có nét văn hóa tương đồng như Nhật Bản, Hàn Quốc,... có ý nghĩa tham khảo cho việc thúc đẩy quá trình xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam hiện nay.

Nhằm cung cấp tài liệu nghiên cứu cho bạn đọc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Nhà nước kiến tạo phát triển với đảng chính trị và các tổ chức xã hội (nghiên cứu điển hình một số nước Đông Á và gợi mở cho Việt Nam)*** của tập thể tác giả do ThS. Đậu Công Hiệp và ThS. Mai Thị Mai đồng chủ biên.

Cuốn sách tập trung làm rõ đặc điểm, lịch sử hình thành, vai trò của Nhà nước kiến tạo phát triển; chỉ ra mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và đảng chính trị, giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và các tổ chức xã

hội ở một số nước Đông Á và đưa ra những gợi mở cho Việt Nam trong việc xây dựng “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo và phát triển, liêm chính, hành động”.

Tuy các tác giả đã rất cố gắng nhưng đây là một vấn đề mới, có thể có những ý kiến khác nhau. Nhà xuất bản và các tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của độc giả.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Nhà nước kiến tạo phát triển là một chủ đề tương đối nóng ở Việt Nam, đặc biệt là sau những phát biểu mang tính chính trị gần đây của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về “chính phủ kiến tạo, liêm chính” và nhu cầu hoàn thiện về mặt lý luận liên quan tới vấn đề này. Thực tế cho thấy, mô hình Nhà nước kiến tạo phát triển đã và đang được vận dụng với rất nhiều thành quả đạt được ở các nước châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, v.v.. Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đang bước qua một giai đoạn mới sau khi đạt mức thu nhập trung bình, vấn đề tìm một hướng đi về cả mặt chính sách lẫn thể chế nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế là hết sức cần thiết. Vì vậy, tìm tới Nhà nước kiến tạo phát triển như một mô hình thành công đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn lịch sử là điều hoàn toàn hợp lý trong việc đổi mới hệ thống chính trị nói chung cũng như nhà nước nói riêng.

Lần đầu tiên được đề cập trong cuốn sách “MITI và sự thần kỳ Nhật Bản: Chính sách tăng trưởng công nghiệp

giai đoạn 1925-1975¹”, xuất bản năm 1982, cho đến nay, trong hành trình hơn 30 năm của khái niệm này, rất nhiều nội dung đã được làm rõ xoay quanh Nhà nước kiến tạo phát triển. Nhiều khía cạnh nghiên cứu đã dần được lấp đầy nhằm làm sáng tỏ vấn đề này cũng như mở rộng phạm vi ứng dụng của Nhà nước kiến tạo phát triển. Trong bối cảnh đó, việc phát triển các nghiên cứu ở Việt Nam về Nhà nước kiến tạo phát triển không những góp phần bổ sung thêm tư liệu nghiên cứu mà còn là một bước cập nhật hóa nghiên cứu trên thế giới đến với Việt Nam.

Hiện nay ở Việt Nam đã có những công trình tiếp cận vấn đề Nhà nước kiến tạo phát triển dưới những góc độ cơ bản như khái niệm, đặc trưng, nhu cầu, v.v.. Tuy nhiên, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển với đảng chính trị và tổ chức xã hội hiện vẫn chưa được quan tâm nhiều. Bên cạnh ý nghĩa về mặt khoa học trong việc bổ sung những khía cạnh mới về Nhà nước kiến tạo phát triển, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và đảng chính trị, tổ chức xã hội còn có những ý nghĩa thực tiễn như sau:

- Đáp ứng được nhu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nền kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về

1. Chalmers Johnson: *MITI and the Japanese Miracle: The Growth of Industrial Policy, 1925-1975*, Stanford University Press, 1982.

hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cụ thể, Nghị quyết đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với nền kinh tế: Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Tăng cường lãnh đạo việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội. Như vậy, Đảng tiếp tục duy trì vai trò quan trọng trong lãnh đạo Nhà nước thực hiện các chính sách và chiến lược kinh tế. Trong bối cảnh Nhà nước kiến tạo phát triển, vai trò của Nhà nước sẽ trở nên tích cực theo hướng thúc đẩy thị trường phát triển theo đúng quy luật của nó. Vì vậy, sự lãnh đạo của Đảng cũng cần có những chuyển đổi phù hợp nhằm đáp ứng những thay đổi này.

- Việt Nam là một nước duy trì chế độ chính trị một đảng, với vị trí lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được hiến định. Thực tế cho thấy, mô hình chính trị này rất tương thích với việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển bởi nó bảo đảm sự tập trung và nhất quán trong chỉ đạo điều hành, đặc biệt là với các chính sách kinh tế lớn. Ngược lại, với các nước tổ chức theo mô hình đa đảng, tam quyền phân lập, vai trò của Nhà nước mờ nhạt hơn nhiều so với tư nhân; chủ nghĩa tự do được đề cao và thị trường tự vận hành theo nguyên lý “Bàn tay vô hình”. Như vậy, triển vọng của việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển

là rất rõ ràng trong hoàn cảnh thể chế chính trị một đảng ở Việt Nam luôn ổn định.

- Đối với khía cạnh tổ chức xã hội, có thể thấy sự phát triển của các tổ chức xã hội ở Việt Nam đang bước vào một kỷ nguyên mới, cả về số lượng lẫn phạm vi hoạt động. Sự phát triển của các tổ chức xã hội, đặc biệt là các tổ chức do người dân tự lập nên được xác định như một xu thế không thể đi ngược khi quá trình dân chủ hóa diễn ra. Tuy nhiên, trong bối cảnh Nhà nước kiến tạo phát triển, vai trò của nhà nước gia tăng khiến các tổ chức xã hội cần phải có sự thích ứng để có thể tồn tại và phát huy vai trò của mình. Thực tiễn cho thấy ở các nhà nước kiến tạo phát triển giai đoạn đầu, sự điều hành của nhà nước thường khiến cho các tổ chức xã hội trở nên chậm phát triển. Tuy nhiên, gần đây xu hướng xuất hiện các nhà nước kiến tạo phát triển dân chủ (democratic developmental state) đã cho thấy sự dung hòa giữa mô hình Nhà nước kiến tạo phát triển nguyên bản với xu hướng dân chủ hóa. Đây có thể xem như một hướng đi cần thiết cho Nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam, vừa đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế, vừa đáp ứng xu hướng phát triển của các tổ chức xã hội.

Nhìn chung, thông qua việc nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển với đảng chính trị và các tổ chức xã hội, chúng ta có thể thấy được xu hướng phát triển của mô hình này. Một mặt, Nhà nước kiến tạo phát triển cần có sự dẫn dắt và thống lĩnh của Đảng lãnh đạo,

với xu hướng tập trung cao; mặt khác, sự tăng trưởng kinh tế mà Nhà nước kiến tạo phát triển mang đến lại thúc đẩy dân chủ hóa và sự tham gia của các tổ chức xã hội. Như vậy, để tìm được điểm cân bằng trong chính sách của Nhà nước kiến tạo phát triển trong bối cảnh Việt Nam đang bước đầu vận dụng mô hình này, cần quan tâm điều chỉnh nhằm hài hòa cả hai mối quan hệ trên của Nhà nước kiến tạo phát triển. Đây sẽ là một phương hướng quan trọng, cần được làm rõ trong quá trình xây dựng Nhà nước kiến tạo ở Việt Nam. Cuốn sách này ra đời nhằm đáp ứng một phần những nhu cầu về mặt lý luận nói trên. Nhóm tác giả đã tập trung nghiên cứu vào các hình mẫu tiêu biểu của Nhà nước kiến tạo phát triển, đặc biệt ở khu vực Đông Á để làm rõ điều đó. Tuy nhiên, với một mức độ phức tạp trong các đối tượng mà nghiên cứu này hướng tới, chắc chắn cuốn sách sẽ còn những hạn chế nhất định, rất mong sẽ nhận được sự phản hồi và bổ túc từ quý độc giả.

Nhóm tác giả

Chương I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

Nhà nước kiến tạo phát triển là một vấn đề đang được quan tâm, đặc biệt là sau những phát biểu của người đứng đầu Chính phủ Việt Nam¹. Xét từ góc độ thực tiễn, các quốc gia được cho là theo đuổi và xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển đã trở thành hình mẫu của một nền kinh tế mà ở đó vai trò của nhà nước thực sự là hết sức nổi bật. Vì vậy, trong một thời gian dài từ khi khái niệm “Nhà nước kiến tạo phát triển” được nhắc tới, các học giả đã cố công nghiên cứu và khái quát những vấn đề lý luận xung quanh nó. Ở Việt Nam, việc nghiên cứu lý luận về Nhà nước kiến tạo phát triển có hai ý nghĩa quan trọng: (1) Đáp ứng nhu cầu về nhận thức trong giai đoạn Việt Nam đang cần có sự học tập những mô hình phát triển kinh tế thành công; (2) Bổ sung thêm những góc độ

1. <http://www.nhandan.com.vn/hangthang/chinh-tri/item/31846702-nha-nuoc-kien-tao-phat-trien.html>, <http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Thu-tuong-dat-hang-Hoc-vien-Chinh-tri-quoc-gia-Ho-Chi-Minh/20179/27046.vgp>. Truy cập ngày 26/02/2019.

lý luận về nhà nước mà cách tiếp cận truyền thống dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin chưa đề cập nhiều.

I. KHÁI NIỆM NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

Được đề cập lần đầu tiên trong cuốn sách “*MITI và sự thần kỳ Nhật Bản: Chính sách tăng trưởng công nghiệp giai đoạn 1925-1975*”¹, xuất bản năm 1982, cho đến nay, trong hành trình hơn 30 năm của khái niệm này, rất nhiều nội dung đã được làm rõ xoay quanh Nhà nước kiến tạo phát triển. Nhiều khía cạnh nghiên cứu đã dần được lấp đầy nhằm làm sáng tỏ vấn đề này cũng như mở rộng phạm vi ứng dụng của Nhà nước kiến tạo phát triển. Hiện đã có định nghĩa được đặt ra để mô tả Nhà nước kiến tạo phát triển như: “*Nhà nước kiến tạo phát triển có thể được hiểu là Nhà nước ưu tiên cho phát triển kinh tế, tăng năng suất và khả năng cạnh tranh về mặt công nghệ và về mặt quản trị, nó được dẫn dắt bởi nhóm chức nghiệp ưu tú có năng lực quản lý lãnh đạo thông qua việc hoạch định chính sách công nghiệp và nhóm này được hệ thống chính trị hỗ trợ bằng việc tạo ra một khoảng tự do cần thiết để sáng tạo*”². Nói chung, khi đề

1. Chalmers Johnson: *MITI and the Japanese Miracle: The Growth of Industrial Policy, 1925-1975*, Stanford University Press, 1982.

2. Yin Wah Chueds: *The Asian developmental state, Reexaminations and new departures*, Palgrave Macmillan, 2016, tr. 1.

cập khái niệm Nhà nước kiến tạo phát triển thì không thể không nói tới khía cạnh phát triển, bởi thuật ngữ tiếng Anh gốc được sử dụng là *Developmental state* chỉ nhắc tới yếu tố phát triển, còn việc chuyển ngữ bổ sung thêm từ kiến tạo là nhằm tránh gây nhầm lẫn với một khái niệm cũng thường được sử dụng, đó là Nước phát triển (Developed country)¹.

Nhìn chung, mặc dù khái niệm Nhà nước kiến tạo phát triển được đề cập tương đối muộn, và đặc biệt là gần với thực tiễn của các nhà nước ở Đông Á, nơi chứng kiến sự phát triển thần kỳ trong những năm hậu chiến; nhưng chủ thuyết cho sự tồn tại của nó đã được hình thành sớm hơn, với chủ thuyết phát triển (developmentalism) trong kinh tế học. G. Myrdal đã lên án các nước kém phát triển ở Nam Á là Nhà nước mềm (soft state), ít có vai trò thúc đẩy nền kinh tế và nhấn mạnh việc cải cách thể chế để đạt được điều này². Nhìn chung, cả trong lý thuyết của chủ nghĩa phát triển lẫn trong thực tiễn của một số nước Đông Á, vai trò can thiệp của nhà nước đối với nền kinh tế là điểm cần thiết cho sự phát triển.

1. Vũ Công Giao: *Nhà nước kiến tạo phát triển: mô hình và triển vọng*, http://tcnn.vn/Plus.aspx/vi/News/125/0/1010067/0/38326/Nha_nuoc_kien_tao_phat_trien_mo_hinh_va_trien_vong. Truy cập ngày 26/02/2018.

2. A. Gélédan: *Lịch sử tư tưởng kinh tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, t. 2, tr. 561.

Như vậy, vấn đề cốt lõi trong việc hình thành khái niệm Nhà nước kiến tạo phát triển - đó là sự can thiệp của nhà nước. Để thấy rõ hơn về khái niệm này, theo nhóm tác giả phải đi sâu vào nguồn gốc của nó, nghĩa là nghiên cứu xem sự can thiệp của nhà nước có thể ảnh hưởng tới những khái niệm như thế nào. Nhà nước ở đây được xem xét với tư cách một chủ thể có khả năng can thiệp và tác động sâu sắc tới nền kinh tế và từ đó mà các khái niệm như “Nhà nước tối thiểu”, “Nhà nước phúc lợi”, “Nhà nước kiến tạo phát triển” và “Nhà nước chỉ huy” được đặt ra nhằm mô tả các xu hướng và mức độ can thiệp của nhà nước đối với kinh tế. Nói chung, mỗi cách tiếp cận hay mỗi hệ quy chiếu về Nhà nước sẽ tạo ra những khái niệm liên quan đến nhau (Xem Bảng 1).

Bảng 1. Khái niệm nhà nước từ các hệ quy chiếu

Hệ quy chiếu	Các khái niệm liên quan
Kiểu nhà nước	Nhà nước chủ nô, Nhà nước phong kiến, Nhà nước tư sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa
Hình thức chính thể của nhà nước	Nhà nước cộng hòa (và các biến dạng của nó như Nhà nước cộng hòa quý tộc, Nhà nước cộng hòa dân chủ), Nhà nước quân chủ (và các biến dạng của nó như Nhà nước quân chủ chuyên chế, Nhà nước quân chủ hạn chế)
Hình thức cấu trúc của nhà nước	Nhà nước liên bang, Nhà nước đơn nhất

Tôn giáo và Nhà nước	Nhà nước thế tục, Nhà nước thần quyền, Nhà nước tôn giáo - dân sự, Nhà nước tôn giáo - dân tộc ¹
Mức độ can thiệp của nhà nước	Nhà nước tối thiểu, Nhà nước phúc lợi, Nhà nước kiến tạo phát triển, Nhà nước chỉ huy

Việc nghiên cứu một khái niệm về Nhà nước, do đó sẽ phải gắn với việc nghiên cứu các khái niệm khác cùng nằm trong một hệ quy chiếu với nó. Ở đây, nhóm tác giả trình bày một cách khái quát về các khái niệm còn lại trong hệ quy chiếu “Mức độ can thiệp của nhà nước” trước khi rút ra những kết luận cuối cùng về Nhà nước kiến tạo phát triển.

- Về Nhà nước tối thiểu:

Không chỉ được quan tâm bởi các nhà kinh tế học mà còn được nhiều nhà tư tưởng đề cập², quan niệm về

1. Đỗ Quang Hưng: *Về xây dựng Nhà nước pháp quyền về tôn giáo*, Tạp chí *Mặt trận*, ngày 16/8/2018.

2. Có thể kể tới nhà tư tưởng Robert Nozick tác giả cuốn sách *Anarchy, State and Utopia*, hay nữ nhà văn Ayn Rand trong các phát biểu của bà. Xem thêm: Jonathan Wolff: *Robert Nozick: Property, Justice and the Minimal State*, John Wiley & Sons, 2013. Nguyên văn: “a minimal state, limited to the narrow functions of protection against force, theft, fraud, enforcement of contracts, and so on.” và Edward P. Stringham, *Anarchy and the Law: The Political Economy of Choice*, Transaction Publishers, 2011, tr. 522. Nguyên văn: “The objectivists, headed by Ayn Rand, may be viewed as a variant of minarchism. Not only do they advocate a minimal state but, also like the minarchists, oppose taxation as a form of involuntary servitude.”

Nhà nước tối thiểu hướng tới việc Nhà nước phải giới hạn cả về phạm vi lẫn cường độ những hoạt động của mình và nhường lại cho sự chủ động của cá nhân, công dân và các tổ chức xã hội. Có ý kiến cho rằng, Nhà nước tối thiểu, *“hay còn được biết đến như một “nhà nước canh đêm” (nightwatchman state), một Nhà nước cảnh sát, là một nhà nước chỉ thực hiện chức năng bảo vệ, duy trì hòa bình, trật tự, bảo đảm mạng sống và sự tự do của cá nhân”*¹. Điểm mấu chốt về lý thuyết Nhà nước tối thiểu chính là ở tính đúng đắn của nhà nước tối thiểu. Đầu tiên, lý thuyết Nhà nước tối thiểu chống lại chủ nghĩa vô chính phủ (Anachism) và khẳng định tính cần thiết và hợp lẽ phải của nhà nước. Sự tồn tại của nhà nước là bắt buộc, bởi theo John Locke sẽ không bao giờ có được sự yên ổn vô tổ chức bởi con người là khác biệt về khả năng, quan điểm và đầy mâu thuẫn nên cần có một tổ chức bảo đảm cho quyền lợi chung².

Tiếp theo đó, đứng trên nền tảng lý luận về bản chất của con người là tự do, lý thuyết Nhà nước tối thiểu được

1. M. J. Vinod, Meena Deshpande: *Contemporary political theory*, PHI Learning Pvt. Ltd, 2013, tr. 251. Nguyên văn: *“It is also known as a “nightwatchman state”, a police state. The state performs only the protective functions. Maintenance of peace and order, protecting the lives and liberties of the individuals are considered the main functions of the state”*.

2. John Locke: *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2015, tr. 146.

bảo vệ với lập luận rằng, tất cả mọi sự mở rộng cả về quy mô quyền lực lẫn phạm vi ảnh hưởng của nhà nước sẽ có xu hướng xâm phạm tới quyền tự do của cá nhân. Bên cạnh đó, xã hội và đặc biệt là thị trường có khả năng tự điều tiết về mặt lợi ích và do đó tự hướng tới thịnh vượng và sự cân bằng. Lý luận trên được củng cố bởi lý thuyết “Bàn tay vô hình” của Adam Smith¹ và “Trật tự tự phát” của Hayek² và chống lại việc nhà nước can thiệp sâu vào đời sống xã hội, đặc biệt là kinh tế.

Tiếp cận dưới góc độ tính hiệu quả, có thể thấy, một nhà nước hiệu quả phải đạt được sự “tối đa về lợi nhuận và tối thiểu về chi phí”. Nói về một nhà nước công chính và bền vững, Bastiat cho nó là: *“một chính phủ cực kỳ đơn giản, dễ được chấp nhận, không tốn kém, nhỏ gọn”*³. Bởi theo ông, ở một nhà nước ít sự can thiệp như vậy, mọi người sẽ có quyền tự do làm mọi điều mình muốn, họ không phải cảm ơn nhà nước vì thành công của mình và cũng sẽ không thể phàn nàn nhà nước khi họ thất bại.

1. Trong tác phẩm *Bàn về của cải của các quốc gia*, Adam Smith đã gọi sự tự điều chỉnh của thị trường nơi mọi cá thể đều hướng tới sự tối đa hóa lợi nhuận là “Bàn tay vô hình”.

2. Theo quan niệm của Hayek, thị trường tồn tại một dạng trật tự khách quan đó - là sự tổng hợp và tự điều chỉnh của tất cả cá thể tham gia vào thị trường.

3. Claude Federic Bastiat: *Luật pháp*, Phạm Nguyên Trường dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2015, tr. 47.

- Nhà nước chỉ huy:

Ngược lại với lý thuyết Nhà nước tối thiểu là những dòng tư tưởng đòi hỏi Nhà nước phải mở rộng sự can thiệp của mình, thậm chí không dừng lại ở nền kinh tế. Một trong những trào lưu đưa tư tưởng này lên đến cực điểm đó chính là chủ nghĩa xã hội (socialism) và trên thực tế khái niệm Nhà nước chỉ huy cũng thường gắn chặt với chủ nghĩa xã hội. Bằng những lý luận triết học duy vật biện chứng, kinh tế chính trị học, C. Mác đã vạch ra một con đường cho sự tồn tại của Nhà nước xã hội chủ nghĩa sau này. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác cho rằng, sự tiến hóa của xã hội xảy ra bởi động lực là sự tiến hóa về kinh tế, và cụ thể là của lực lượng sản xuất với hệ quả là các phương thức sản xuất lần lượt thay thế nhau và cuối cùng đạt tới hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong cuốn Chống Duyrinh, Ph. Ăngghen đã tổng kết: *“đại công nghiệp đã phát triển những mâu thuẫn trước đây vẫn còn ngái ngủ trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thành những sự đối lập quá rõ rệt đến mức có thể nói rằng người ta có thể sờ thấy được cái ngày sụp đổ đang đến gần của phương thức sản xuất đó”*¹. Vai trò của nhà nước đối với nền kinh tế cũng được phát triển rất nhiều bởi

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.20, tr.369.

Lênin. Một cách tổng quát, quan điểm của Lênin về kinh tế xã hội chủ nghĩa có thể được trình bày như sau: “*phải phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động... thực hiện nghiêm ngặt chế độ hạch toán kinh tế, quản lý nền kinh tế theo kế hoạch, thống nhất, tập trung trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân*”¹. Ở đó, ảnh hưởng của nhà nước là bao trùm lên đời sống kinh tế, bao gồm tất cả việc tổ chức, điều phối sản xuất bởi Nhà nước. Xã hội đó được Lênin mô tả trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng* nổi tiếng như sau: “*toàn thể công dân thành người lao động và nhân viên của một “xanh-đi-ca” lớn duy nhất, tức là toàn bộ nhà nước*”². Ở xã hội đó, không có sự phân biệt giữa đời sống xã hội và đời sống chính trị, mà chúng lại hòa nhập với nhau theo hướng nhà nước kiểm soát toàn bộ xã hội. Nhà nước theo quan niệm của Lênin, là bộ máy chuyên chính của giai cấp vô sản, được thiết lập trên nền tảng là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Luận cứ mang tính chất kinh tế nhằm củng cố cho việc nhà nước phải can thiệp và điều hành toàn diện nền kinh tế đó là do nhu cầu xây dựng quan hệ sản xuất tiên tiến dựa trên chế độ sở hữu công về tư liệu sản xuất.

1. Mai Ngọc Cường: *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1996, tr. 121.

2. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t. 33, tr. 120.

Thậm chí, có thể khẳng định chức năng phát triển lực lượng sản xuất nhằm sớm xây dựng chủ nghĩa cộng sản là “*chức năng quan trọng của nhà nước xã hội chủ nghĩa, quan trọng hơn cả việc đập tan sự phản kháng của giai cấp tư sản*”¹. Trên thực tế, các nhà nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô (cũ) và một số nước khác trong giai đoạn đầu, đặc biệt là thời kỳ Chiến tranh lạnh thường được coi là một hình mẫu của Nhà nước chỉ huy².

- Nhà nước phúc lợi:

Một khái niệm mang tính ảnh hưởng lớn về Nhà nước phúc lợi được Asa Briggs trình bày như sau: “*Nhà nước phúc lợi là một nhà nước mà ở đó quyền lực được sử dụng nhằm cải biến cuộc chơi của các thế lực thị trường theo một cách phi tự do. Đầu tiên là bằng việc bảo đảm mức thu nhập của cá nhân và gia đình dù không quan tâm đến giá trị thị trường của công việc và tài sản của họ.*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 429.

2. Chẳng hạn theo một số nghiên cứu như:

Lê Thị Thu Mai: *Nhà nước kiến tạo phát triển từ lý luận đến thực tiễn*, <http://tapchimattran.vn/nguyen-cuu/nha-nuoc-kien-tao-phat-trien-tu-ly-thuyet-den-thuc-tien-9929.html>. Truy cập ngày 24/02/2018.

Ngô Huy Đức, Nguyễn Thị Thanh Dung: *Nhà nước kiến tạo phát triển - khái niệm và thực tế*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 11/2016.

Thứ hai là bằng cách thu hẹp sự mất an toàn với việc cho phép các cá nhân và gia đình được hưởng những “dự phòng xã hội” nhất định như khi ốm đau, già cả và thất nghiệp. Và thứ ba là bằng cách bảo đảm rằng tất cả công dân bất chấp sự khác biệt về giai cấp và hoàn cảnh được hưởng những dịch vụ xã hội tiêu chuẩn”¹. Định nghĩa về Nhà nước phúc lợi phản ánh rõ nét sự can thiệp của nhà nước vào đời sống và nền kinh tế. Nhà nước phúc lợi có xu hướng sử dụng quyền lực và nguồn lực của mình vào việc cải biến những khía cạnh nhất định của xã hội. Đây là điều hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa tự do vốn đề cao sự tự chịu trách nhiệm của cá nhân, đặc biệt trong việc chấp nhận những người “không làm mà vẫn có ăn”. Mặc khác, sự can thiệp của Nhà nước phúc lợi cũng có giới hạn trong phạm vi nhất định. Do vậy, một số tác giả thường tránh đề cập việc nhấn mạnh vào sự can thiệp của nhà nước mà chỉ cố gắng liệt kê những điểm tốt đẹp của nhà nước này. Chẳng hạn ở hai khái niệm sau: “Nhà nước phúc lợi dùng để chỉ Nhà nước với các chính sách được thiết kế để bảo vệ các mối nguy thông thường mà phần lớn xã hội hay gặp phải”, hay “nhà nước phúc lợi là nhà nước tập trung các chức năng của mình vào lĩnh

1. Dẫn theo Jochen Clasen, Nico A. Siegel: *Investigating Welfare State Change: The “dependent Variable Problem” in Comparative Analysis*, Edward Elgar Publishing, 2007, tr. 25.

vực giáo dục, y tế, nhà ở, cứu trợ đói nghèo và bảo hiểm xã hội”¹.

Về tính hợp lý của Nhà nước phúc lợi, nghiên cứu nổi bật của Robert E. Goodin² chỉ ra nguy cơ bất công xã hội của các nhóm dễ bị tổn thương và quyền của họ trong việc được thụ hưởng các giá trị bình đẳng. Còn về mặt kinh tế và phát triển, những lý lẽ tồn tại của nhà nước phúc lợi có thể kể tới như: (1) An sinh xã hội có thể tạo nên một thị trường lao động tích cực. Vì vậy, an sinh xã hội có thể coi là một khoản đầu tư có lợi nhuận; (2) Việc chú trọng đến giáo dục là tiền đề cho phát triển bền vững. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư lâu dài và hiệu quả; (3) Chăm sóc sức khỏe cho gia đình và trẻ em là cần thiết cho tương lai. Đây cũng là sự bảo đảm cho một thị trường lao động lành mạnh, hiệu quả và nhân bản³.

Nói chung, các khái niệm về Nhà nước từ hệ quy chiếu “Mức độ can thiệp của nhà nước” đều hình thành trên nền tảng các lý thuyết tương ứng. Mỗi lý thuyết lại tìm cách cổ vũ và lý giải cho một mức độ khác nhau của sự can thiệp đó. Nếu Nhà nước tối thiểu cho rằng cần

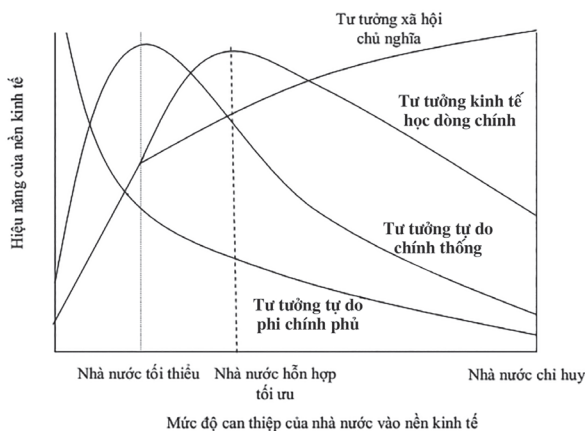
1. Dẫn theo Artur Ursanov, Eline Chivot: *Beyond the Welfare State*, The Hague Centre for Strategic Studies, tr. 17.

2. Robert E. Goodin: *Reasons for Welfare, The Political Theory of the Welfare State*, Princeton University Press, 1988.

3. Đinh Công Tuấn: *Một số bài học rút ra từ mô hình phát triển Bắc Âu*, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 1/2012.

hạn chế tối đa sự can thiệp của nhà nước thì Nhà nước chỉ huy lại cần một nhà nước can thiệp và chi phối xã hội tuyệt đối. Còn nếu Nhà nước phúc lợi cần sự bổ sung và bù đắp về phúc lợi xã hội từ phía Nhà nước thì Nhà nước kiến tạo phát triển lại sử dụng nguồn lực và chính sách cho phát triển kinh tế. Ở góc độ kinh tế học, việc nghiên cứu mức độ can thiệp của nhà nước luôn gắn với hiệu năng của nền kinh tế hay cụ thể hơn là mối quan hệ giữa hai đại lượng này khi chúng thay đổi. Sơ đồ sau¹ cho thấy sự biến thiên trong mối quan hệ đó:

Sơ đồ 1. Mức độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế



1. Đinh Tuấn Minh: *Nền kinh tế thị trường tự do tuyệt đối: tại sao không?*, Kỷ yếu hội thảo: *Những khía cạnh triết học trong nền tảng kinh tế thị trường tại Việt Nam*, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 95.

Trong hình này, trước hết cần chú ý vào hai đường biểu thị cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa và tư tưởng tự do chính thống là hai tư tưởng nền tảng cho Nhà nước chỉ huy và Nhà nước tối thiểu; còn tư tưởng tự do phi chính phủ ủng hộ cho tình trạng không nhà nước ở đây không bàn tới. Mô hình Nhà nước hỗn hợp tối ưu chính là một biểu hiện của Nhà nước kiến tạo phát triển. Cụ thể, khi xem xét hai đường này với tư cách hai hàm số biểu thị cho mối quan hệ giữa hai đại lượng “Mức độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế” và “Hiệu năng của nền kinh tế”, cần khảo sát tính đơn điệu của chúng trên những khoảng nhất định. Với tư tưởng xã hội chủ nghĩa, dễ thấy đây là một đường đồng biến. Theo đó, khi mức độ can thiệp của nhà nước càng tăng thì hiệu năng của nền kinh tế cũng tăng theo, và khi đạt tới mức cao nhất thì có thể gọi đó là trạng thái Nhà nước chỉ huy. Đường biểu thị tư tưởng tự do chính thống lại phức tạp hơn. Trong đoạn đầu tiên, từ trạng thái vô chính phủ, hiệu năng của nền kinh tế tăng dần đến mức tối ưu khi nhà nước ở trạng thái Nhà nước tối thiểu, với mức độ can thiệp tương đối thấp. Sau đó hàm số trở nên nghịch biến, tức là hiệu năng của nền kinh tế sẽ giảm dần khi nhà nước gia tăng mức độ can thiệp. Riêng đối với đường miêu tả tư tưởng kinh tế học dòng chính, hay tương ứng với nó là Nhà nước kiến tạo phát triển, về tính đơn điệu và

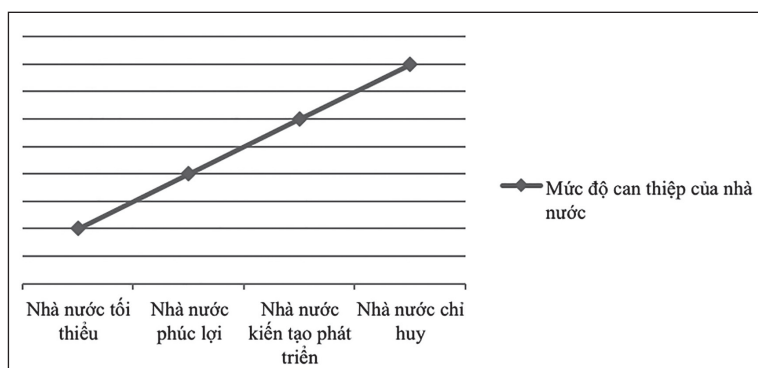
hình thức, nó giống với Nhà nước tối thiểu nhưng có xu hướng tịnh tiến về bên phải. Tức là nó cho rằng sự can thiệp của nhà nước phải ở mức tương đối lớn hơn so với Nhà nước tối thiểu nhưng cũng không thể quá lớn như Nhà nước chỉ huy, nếu không sẽ phản tác dụng.

Tổng kết lại, mức độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế chính là một hệ quy chiếu giúp chúng ta tạo ra khá nhiều khái niệm thú vị về nhà nước. Chẳng hạn, Nhà nước tối thiểu luôn có gắng duy trì mức can thiệp thấp nhất còn đối với Nhà nước chỉ huy thì lại ngược lại hoàn toàn. Đối với trường hợp Nhà nước phúc lợi và Nhà nước kiến tạo phát triển, để so sánh mức độ can thiệp của nhà nước cần phải xem xét sâu sắc hơn về những khía cạnh can thiệp cụ thể của chúng. Esping Anderson¹ cho rằng, Nhà nước phúc lợi tồn tại chủ yếu ở những nước có nền tảng kinh tế đã phát triển, dân trí cao và chính sách phúc lợi tương đối ổn định. Ngược lại, các nhà nước kiến tạo phát triển đa phần gắn với giai đoạn

1. Dẫn theo Edward Webster, Khayaat Fakier: *From welfare state to development state: an introduction to the debates on the labour market and social security in South Africa*, ICDD Research Cluster 4.2. Work, Livelihood and Economic Security in the 21 century 1st Workshop - Kassel - April 2010. https://www.uni-kassel.de/einrichtungen/fileadmin/datas/einrichtungen/icdd/Research/Webster/1stWorkshop_Kassel_Fakier_and_Webster.pdf. Truy cập ngày 27/02/2018.

công nghiệp hóa, đòi hỏi nhà nước thường xuyên thay đổi, cập nhật về chính sách sao cho phù hợp với sự chuyển biến của thị trường. Mặt khác, các chính sách lớn của Nhà nước phúc lợi vốn không tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến tổng sản lượng của nền kinh tế như các chính sách công nghiệp, xuất - nhập khẩu, tiền tệ mà Nhà nước kiến tạo phát triển chú trọng. Vì vậy, có thể khẳng định mức độ can thiệp của Nhà nước kiến tạo phát triển là cao hơn so với Nhà nước phúc lợi. Tóm lại, nếu so sánh dựa trên mức độ can thiệp thì Nhà nước tối thiểu là ít nhất, sau đó là Nhà nước phúc lợi, lớn hơn là Nhà nước kiến tạo phát triển và cuối cùng cao nhất là Nhà nước chỉ huy. Điều này thể hiện ở sơ đồ sau:

Sơ đồ 2. Khái niệm về nhà nước nhìn từ mức độ can thiệp



Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu các lý thuyết về Nhà nước từ góc độ kinh tế nói chung và Nhà nước kiến tạo phát triển nói riêng có nhiều ý nghĩa. Đặc biệt sau những năm vận hành nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu bước khởi đầu của quá trình đổi mới với việc nhận diện *“tình trạng tập trung quan liêu còn nặng”*¹ và phải *“thử nghiệm, tìm tòi về cách làm ăn mới nhằm khai thác khả năng tiềm tàng của nền kinh tế để phát triển sản xuất, cải tiến lưu thông, phân phối, đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân”*². Từ đó đến nay, vấn đề cải cách thể chế kinh tế và tương ứng với nó là một thể chế chính trị tương xứng vẫn còn rất thời sự. Đây không phải là việc riêng của Việt Nam mà nhìn chung, như Francis Fukuyama³ đã chỉ ra, quy mô của nhà nước như thế nào vẫn là một cuộc tranh cãi dai dẳng, trong khi đó quy mô của nhà nước ở các nước đang phát triển thường là quá lớn. Thực tế cho thấy, yếu tố quy mô của nhà

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới* (Khóa VI, VII, VIII, IX, X), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 21.

3. Dẫn theo Huỳnh Thế Du: *Luận giải về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Cambridge, 2013, http://viet-studies.info/kinhte/201329_HuynhTheDu.pdf. Truy cập ngày 27/02/2018.

nước cũng luôn phải xem xét cùng với yếu tố hiệu quả can thiệp của nhà nước. Dù ở quy mô lớn hay nhỏ, quan trọng nhất, dù Nhà nước can thiệp như thế nào thì cũng phải phù hợp với yêu cầu và quy luật của thị trường¹. Nhìn chung, việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn là một hướng đi và mục tiêu quan trọng của Việt Nam trong thời gian tới, với những khuyến nghị cụ thể như: bảo đảm các quyền tài sản, bảo đảm cạnh tranh và quan trọng là chuyển đổi nhà nước từ vị thế một “nhà sản xuất” sang một chủ thể điều tiết là hỗ trợ². Điều này là rất gần với một tư duy về Nhà nước kiến tạo phát triển đã được trình bày ở trên.

II. NỀN TẢNG VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

Về lý luận cũng như thực tiễn, một số yếu tố được coi

1. Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Thị Hồng Điệp, Nguyễn Anh Thu, *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: Nhận thức và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Cộng sản, 14/4/2017.

<http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=44415&print=true>. Truy cập ngày 27/02/2018.

2. Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam: *Việt Nam 2035 - Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ - Báo cáo tổng quan*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr. 116-118.

là nền tảng cho sự tồn tại và thành công của Nhà nước kiến tạo có thể kể tới như:

- Trước tiên là những yếu tố nội tại của các nước Đông Á. Một trong những điều cần quan tâm đó chính là nhu cầu phát triển kinh tế của các quốc gia ở khu vực này. Dĩ nhiên là tất cả các nền kinh tế đều có nhu cầu phát triển nhưng một điều cần phân biệt đó là động lực phát triển của các nước Đông Á là rất to lớn, và trong đó yếu tố dân tộc chủ nghĩa là một tác nhân thúc đẩy cho động lực này càng trở nên mạnh mẽ hơn. Thật vậy, về mặt bối cảnh, Nhật Bản là một nước thua trận sau chiến tranh và chịu sức ép của việc phải tái thiết đất nước cũng như đưa Nhật Bản trở thành một quốc gia có vị thế về kinh tế. Theo Michael Schuman, động lực đem lại những thành quả kinh tế thần kỳ của Nhật Bản chính là do chủ nghĩa dân tộc và tâm lý thua trận này¹. Là một nhân chứng của thời kỳ này, nhà văn Nhật Bản Murakami thuật lại những năm 1960 là một thời kỳ “nghèo nhưng giàu lý tưởng”, khi mà tất cả mọi người “đều chăm chỉ làm việc và tin tưởng ngày mai trời sẽ rạng”². Đối với

1. Theo <https://iapss.org/2015/07/18/the-japanese-developmental-state-a-review-of-the-miracle/>

2. Sinda Gregory, Toshifumi Miyawaki: *Haruki Murakami: Tôi tự tạo ra quy tắc cho mình*, bài phỏng vấn trên tờ *The Review of Contemporary Fiction*, Vol. XXII, No. 2, 2003.

Hàn Quốc, xuất phát điểm của quốc gia này vào đầu những năm 60 của thế kỷ XX được xác định là ngang với Cônggô - một nước rất nghèo ở châu Phi, và thậm chí ở thời điểm đó, nhiều người cho rằng Hàn Quốc sẽ không bao giờ sánh được với Philíppin¹. Căng thẳng liên Triều khiến chính quyền quân sự Hàn Quốc phải nỗ lực hết sức để chạy đua về mặt kinh tế và đồng thời là về mặt vũ trang để có đủ khả năng chống lại sự uy hiếp của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên. Vì thế, quá trình công nghiệp hóa ở đất nước này được coi trọng hàng đầu và thực tế đã đem lại một sự phát triển ngoạn mục. Nói tóm lại, yếu tố đầu tiên phải quan tâm đó là một động lực phát triển kinh tế cao độ cùng với chủ nghĩa dân tộc tạo nên một xã hội vận hành một cách thống nhất vì mục tiêu phát triển. Trong một bối cảnh mà tất cả xã hội đều chung nhau một lý tưởng phát triển kinh tế như vậy thì những gì được coi là cản trở cho điều này cũng có thể bị gạt bỏ dù chúng là những giá trị cốt lõi và tốt đẹp. Điển hình là vấn đề quyền con người. John Minns chỉ ra rằng quá trình công nghiệp hóa ở Hàn Quốc có một mặt xấu và bi kịch của nó, chính là sự bóc lột thậm tệ tầng lớp

1. Bộ môn Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội: *Mô hình Nhà nước kiến tạo phát triển qua nghiên cứu của các học giả nước ngoài*, tài liệu tham khảo, 2017, tr. 193.

lao động¹. Sự bóc lột này thể hiện một phần ở chỗ, các tổ chức bảo vệ quyền lợi người lao động cũng như những phong trào cổ vũ cho điều đó bị kìm kẹp với rất nhiều vụ bắt bớ (lên tới 30.000 người và trong đó có 11.000 công đoàn viên) cũng như ám sát (hơn 1.000 người)². Còn giáo sư Choe Hyondok thì lý giải rằng, những người chống lại chính sách của nhà nước và đòi hỏi dân chủ đều bị quy kết là “cộng sản” và tước các quyền tồn tại trong xã hội³. Tóm lại, việc đưa yếu tố phát triển kinh tế lên hàng đầu có thể mở đường cho Nhà nước kiến tạo phát triển tồn tại và vận hành với mức độ chuyên chế cao, kéo theo đó là việc lơ là hay thậm chí cản trở nền dân chủ cũng như quyền con người khi những giá trị đó bị gạt đi để tập trung vào phát triển kinh tế. Phải nói rằng, việc thiếu dân chủ và tôn trọng quyền con người là một cái giá phải trả của sự phát triển kinh tế theo xu hướng của Nhà nước kiến tạo phát triển. Ziya Onis - Giáo sư kinh tế

1. John Minns: *Of miracles and models: the rise and decline of the developmental state in South Korea*, Third World Quarterly, Vol. 22, No. 6, 2001.

2. Bruce Cumings: *Origins of the Korean War, Vol. 1: Liberation and the Emergence of Separate Regimes, 1945-1947* (Studies of the East Asian Institute), Princeton University Publishing house, 1981, tr. 379.

3. Choe Hyondok, *Xã hội dân sự và kinh tế thị trường ở Hàn Quốc. Nguyên lý “công tính” trong bối cảnh chủ nghĩa tự do mới*, tạp chí *Triết học*, số 4/2009.

chính trị Đại học Manchester lý giải rằng từ bản chất, Nhà nước kiến tạo dẫn tới những sự quan tâm hơn bình thường tới các nhóm kinh tế cá biệt thuộc cả công lẫn tư, điều mà khó có thể chấp nhận với một nền tự do và dân chủ theo đa số¹. Trong nền kinh tế thị trường, có lúc phải chấp nhận sự thật rằng động lực và tác nhân chính đưa nó phát triển chỉ từ một nhóm nhỏ. Đôi khi sự đòi hỏi quyền dân chủ của quần chúng nhân dân chính là một trở lực ngăn cản đất nước phát triển. Vì vậy, nhà nước, trong một số trường hợp, cần phải chấp nhận hy sinh quyền lợi của một bộ phận xã hội nhất định.

- Về các yếu tố bên ngoài hay là bối cảnh cho sự tồn tại của Nhà nước kiến tạo phát triển, chúng ta cũng cần phải chú ý tới những vấn đề sau. Đầu tiên là bối cảnh chính trị thời kỳ Chiến tranh lạnh, với xu hướng phân chia thế giới thành hai cực bao gồm chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản. Các nhà nước kiến tạo phát triển ở Đông Á đều nằm trong khối tư bản chủ nghĩa và được hưởng lợi rất nhiều từ điều này. Đối với Hàn Quốc, bên cạnh viện trợ từ Mỹ, đất nước này cũng được hưởng lợi từ chiến tranh Việt Nam khi thị trường sản xuất công nghiệp ngày càng mở rộng. Việc đưa quân vào chiến trường Việt Nam đã giúp tăng nguồn ngoại tệ cho đất

1. Ziya Onis: *The Logic of the Developmental State*, Comparative Politics, Vol. 24, No. 1 (Oct., 1991), tr. 119.

nước này¹. John Minns cũng chỉ ra rằng việc Hàn Quốc là một đồng minh quan trọng của Mỹ có một giá trị cực kỳ to lớn khi Chính phủ Hàn Quốc đứng ra bảo lãnh cho các khoản vay nước ngoài (chủ yếu là từ Mỹ và các nước thuộc khối tư bản) để các tập đoàn lớn có đủ vốn đầu tư². Tương tự như vậy, ở Nhật Bản, một mặt Kế hoạch Marshall giúp tái thiết phần nào đất nước này thời hậu chiến, mặt khác, quốc gia này được quyền tiếp cận các thị trường quan trọng ở châu Âu và Bắc Mỹ trong khi không phải mở cửa thị trường của mình và duy trì kiểm soát hệ thống tài chính trong nước³. Sự ưu đãi này khiến Nhật Bản có thể tập trung đầu tư vào xuất khẩu mà không cần lo lắng vào việc phải đối phó với dòng chảy nhập khẩu ngược lại về phía mình. Một yếu tố khác góp phần tạo nền tảng cho sự tồn tại của Nhà nước kiến tạo phát triển là sự tồn tại của chủ nghĩa bảo hộ. Trào lưu tự do hóa kinh tế thời kỳ này vẫn chưa thực sự nở rộ và ngược lại, các nhà nước kiến tạo phát triển ở Đông Á vẫn tận dụng tốt chính sách bảo hộ để phần nào giúp

1. Hoàng Văn Hiến, Lê Nam Trung Hiếu: *Tác động của chiến tranh Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế Hàn Quốc (1965 - 1971)*, Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Khoa học Huế, tập 3, số 2/2005.

2. John Minns, *tlđđ*.

3. Mark Beeson: *Developmental States in East Asia: A comparison of the Japanese and Chinese Experiences*, Asian perspective 33(2):5-39, January 2009.

nền kinh tế còn yếu ớt của mình chống lại sức ép từ bên ngoài. William Mass và Hideaki Miyajima chỉ ra rằng, để đạt được bước phát triển ngoạn mục về kinh tế, Nhật Bản đã tập trung vào bảo hộ và bao cấp chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp nặng và hóa chất¹. Các chính sách bảo hộ thể hiện ở những khoản trợ cấp, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, điều phối và bảo vệ các đầu tư công nghệ. Tóm lại, việc chủ nghĩa bảo hộ được chấp nhận chính là một yếu tố giúp các nhà nước kiến tạo phát triển thực hiện và duy trì chính sách của mình. Tất nhiên là, bên cạnh đó thì yếu tố người thực thi các chính sách cũng vô cùng quan trọng.

Tóm lại, các yếu tố được coi là nền tảng cho sự tồn tại của Nhà nước kiến tạo phát triển bao gồm: (1) Động lực phát triển kinh tế kết hợp với chủ nghĩa dân tộc; (2) Trật tự thế giới lưỡng cực và những lợi ích từ khối tư bản; và (3) Chủ nghĩa bảo hộ được chấp nhận. Cả ba yếu tố trên đều tạo nên nền tảng cho một nhà nước có vai trò to lớn trong việc dẫn dắt nền kinh tế. Nó cũng góp phần tạo ra những đặc trưng của Nhà nước kiến tạo phát triển. Nói đến đặc trưng của Nhà nước kiến tạo phát triển, có thể

1. William Mass, Hideaki Miyajima: *The organization of the developmental state: fostering private capabilities and the roots of the Japanese miracle*, Business and Economic History, Vol. 22, No. 1, (Fall 1993).

thấy các học giả khá đồng tình với việc xác định những yếu tố đặc thù của mô hình này. Bảng sau chỉ ra những điểm chung trong quan niệm của Chalmers Johnson¹, Adrian Leftwich² và Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP)³ xung quanh vấn đề này.

Bảng 2. Một số quan niệm về đặc trưng của Nhà nước kiến tạo phát triển

Chalmers Johnson	Adrian Leftwich	UNDP
Có các quy tắc quản trị ổn định và vững chắc do giới tinh hoa chính trị - quan liêu lập nên.	Có một tầng lớp quan liêu tinh hoa gần gũi với Nhà nước. Các chính sách phát triển chịu ảnh hưởng của giới này.	Giới lãnh đạo mạnh mẽ, có tầm nhìn xa trông rộng, có khả năng và có cam kết lớn.

1. Chalmers Johnson: *Political Institutions and Economic Performance: The Government-Business Relationship in Japan, South Korea, and Taiwan*, in *Asian economic development: Present and future*, Cornell University Press, 1985, tr. 73-89.

2. Adrian Leftwich: *Bringing politics back in: Towards a model of the developmental state*, The Journal of Development Studies, Volume 31, 1995 - Issue 3.

3. UNDP: *Democratization in a Developmental state: The case of Ethiopia - Issues, Challenges and Prospects*, 2012, tr. 7.

<http://www.et.undp.org/content/dam/ethiopia/docs/Democratization%20in%20a%20Developmental%20State.pdf>. Truy cập ngày 26/02/2018.

Nhà nước có vị thế tương đối tự chủ trước các sức ép chính trị từ xã hội mà có thể gây trở ngại đến các chính sách kinh tế.	Nhà nước có tính độc lập tương đối trước áp lực của các giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội và đặt lợi ích quốc gia lên trên lợi ích của các nhóm này.	Bộ máy quan liêu không bị chính trị hóa, được tách biệt và không bị ảnh hưởng bởi các cuộc bầu cử và các áp lực kinh doanh.
Có một chính phủ mạnh, thậm chí chuyên chế.	Chính quyền mạnh và kiểm soát chặt xã hội ở thời kỳ đầu.	Bộ máy quan liêu mạnh.
Nhà nước đầu tư mạnh vào giáo dục, y tế và thực hiện các chính sách công bằng xã hội.	Các quyền dân sự bị hạn chế nhưng được người dân ủng hộ nhờ phân phối tương đối công bằng những lợi ích từ sự phát triển.	Tập trung vào nâng cao năng lực con người bằng cách đầu tư vào các chính sách xã hội để thúc đẩy giáo dục, sức khỏe, nhà ở.

Nói chung, chúng ta cần chú ý đến một số vấn đề như:

- Nhà nước kiến tạo phát triển đạt được mục tiêu của mình dựa trên việc thiết lập một nhà nước mạnh, có sức can thiệp lớn do đội ngũ tinh hoa lãnh đạo.

- Các kế hoạch và hoạt động điều phối kinh tế được thực hiện trên cơ sở gắn kết chặt chẽ giữa nhà nước và khối tư nhân với đa số là giới doanh nhân.

- Bộ máy nhà nước có tính chuyên chế tương đối cao với sự kiểm soát xã hội mạnh nhưng lại duy trì sự ủng hộ bằng cách đầu tư nhất định những thành quả phát triển vào các chính sách an sinh xã hội.

Những điều trên phần nào ảnh hưởng tới nội dung lớn mà chúng ta đang xem xét, tức là mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển với đảng chính trị và các tổ chức xã hội. Điều đó thể hiện ở những điều sau:

Thứ nhất, đội ngũ lãnh đạo Nhà nước kiến tạo phát triển phải đạt đến một trình độ tinh hoa nhất định, và để có thể duy trì được sự lãnh đạo của mình, họ cũng cần có những sách lược linh hoạt, được tổ chức một cách đoàn kết, có một phương thức lãnh đạo hiệu quả. Điều này thể hiện trong mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển với đảng chính trị. Thời kỳ cầm quyền dài của một đảng chính trị cũng là một biểu hiện cho thấy các nhà nước kiến tạo phát triển có liên hệ chặt chẽ với đảng cầm quyền. Việc duy trì một hệ thống chính sách ổn định và thống nhất là nguyên nhân chính dẫn đến sự tăng trưởng kinh tế bởi trong bối cảnh một nền kinh tế non yếu và kiệt quệ, những biến động về chính trị có thể tác động lớn tới các thành tố của nền kinh tế đó.

Thứ hai, với một bộ máy chuyên chế như vậy, nhà nước có thể gây dựng một đội ngũ kỹ trị để tách quản lý ra khỏi chính trị. Vai trò của giới tri thức tinh hoa là

rất lớn bởi họ phải tự tìm một con đường riêng cho sự phát triển đất nước¹. Nhờ vậy nhà nước không những kiểm soát chặt mà còn tác động sâu vào kinh tế, thậm chí đến từng doanh nghiệp. Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế Nhật Bản (MITI) thậm chí đã gây sức ép khiến hãng General Motor của Mỹ phải thỏa thuận lại với hãng Isuzu theo hướng cho phép Isuzu tự chủ hơn khi hợp tác².

- *Thứ ba*, mức độ chuyên chế của nhà nước kết hợp với việc nhà nước đó có mối liên hệ chặt chẽ với một thiểu số giàu có dễ khiến nhà nước trở nên mất dân chủ. Một trong những biểu hiện của điều đó là đời sống hội đoàn, với trọng tâm là các tổ chức xã hội tự nguyện do người dân lập nên bị đè nén. Với những tổ chức mang tính “vô thưởng vô phạt”, không ảnh hưởng gì tới quyền lợi của nhà nước hay giới cầm quyền, điều mà họ nhận được là sự thờ ơ từ phía chính quyền, hay thậm chí là bị từ chối bởi vì sự tồn tại của họ làm phân tán sự quan tâm của nhà nước. Còn với những tổ chức cạnh tranh với quyền lợi của nhà nước, hay thậm chí đi ngược lại với quyền lợi đó

1. Viện Phát triển quốc tế Harvard: *Việt Nam cải cách kinh tế theo hướng rộng bay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 78.

2. Nasir Tyabji: *Japanese Miracle: Review Article of Chalmers Johnson MITI and the Japanese Miracle: The Growth of Industrial Policy, 1925-75*, Social Scientist, Vol. 12, No. 4 (Apr., 1984), tr. 85.

(như các công đoàn chẳng hạn) thì nhà nước sẵn sàng đàn áp và tiêu diệt chúng.

Tóm lại, trong những bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa nhất định, Nhà nước kiến tạo phát triển đã tồn tại với tư cách vừa là một xu hướng khách quan của thời đại, vừa là một sản phẩm chủ quan do những nước Đông Á tạo ra. Nếu không có chủ nghĩa dân tộc kết hợp với bảo hộ đặt trong một trật tự thế giới lưỡng cực, chắc hẳn Nhà nước kiến tạo phát triển đã không thể tồn tại. Nếu thiếu những đặc trưng này, có thể khẳng định rằng Nhà nước kiến tạo phát triển cũng không thể tồn tại và mang lại nhiều thành quả đến vậy.

III. VAI TRÒ VÀ QUY LUẬT TỒN TẠI CỦA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

Nhìn từ góc độ kinh tế học thể chế mới (new institutional economics), nhà nước được coi là một hệ thống song hành và bổ trợ lẫn nhau cùng với thị trường và xã hội. Ở đó, vai trò của Nhà nước kiến tạo phát triển là tạo dựng các thể chế hỗ trợ cho các khiếm khuyết của thị trường và xã hội chứ không phải thay thế và kiểm soát chúng¹. Bên cạnh đó, Nhà nước kiến tạo phát triển biểu hiện sự thích ứng cao của nhà nước đối với nhu cầu

1. Đinh Tuấn Minh, Phạm Thế Anh: *Từ Nhà nước điều hành sang Nhà nước kiến tạo phát triển*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2017, tr. 17.

phát triển của nền kinh tế, điều mà có sự thay đổi rất nhanh chóng. Do đó, thích nghi với bối cảnh và tăng cường năng lực thể chế là hai yêu cầu rất quan trọng đặt ra cho Nhà nước kiến tạo phát triển. Kinh tế học thể chế với cách tiếp cận năng lực (capability approach) của Armatia Sen¹ nhấn mạnh vào tính hiệu quả của nhà nước trong phát triển. Để làm rõ vấn đề này, một nghiên cứu đã chỉ ra, vào những năm 60 của thế kỷ XX, sự chênh lệch về thu nhập giữa các nước Đông Á và các nước Nam Xahara châu Phi chỉ ở dưới mức 1.000 tỷ đôla Mỹ nhưng đến năm 1992, sự chênh lệch này đã lên mức hơn 3.000 tỷ đôla Mỹ. Trong đó, mức chênh lệch được tạo ra do các chính sách rơi vào khoảng 800 tỷ đôla Mỹ và do năng lực của nhà nước vào khoảng 500 tỷ đôla Mỹ². Rõ ràng rằng, vấn đề năng lực quản trị của nhà nước có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế rất lớn và đây luôn là một đại lượng được quan tâm khi đánh giá sự phát triển của một nền kinh tế.

Bên cạnh đó, Nhà nước kiến tạo phát triển tồn tại dựa trên những nền tảng nhất định, bao gồm cả những

1. Nguyễn Thị Lê: *Phát triển con người trên thế giới: khái niệm và đo lường*, Tạp chí *Nghiên cứu con người*, số 1/2014.

2. Ngân hàng Thế giới: *Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 1997 - Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 48.

yếu tố nội tại cũng như ngoại tác. Chúng là cơ sở tạo nên những thành công cũng như đặc trưng của hình mẫu này ở các nước Đông Á. Nhưng cần phải thấy rằng, những yếu tố trên cũng không bất biến mà trái lại chúng luôn thay đổi theo một chiều hướng rõ rệt. Điều này làm cho các nhà nước theo hình mẫu này cũng phải có những chuyển đổi tương ứng. Qua việc khảo sát những thay đổi này, chúng ta có thể rút ra những vấn đề mang tính quy luật trong sự vận động của Nhà nước kiến tạo phát triển.

- *Thứ nhất*, một xu hướng không thể tránh khỏi đó là trào lưu dân chủ hóa. Động lực quan trọng nhất của quá trình dân chủ hóa chính là sự phát triển của nền kinh tế và có thể lý giải với 5 luận điểm¹: (1) Kinh tế phát triển sẽ làm hình thành tầng lớp trung lưu với vai trò là chỗ dựa cho dân chủ; (2) Kinh tế phát triển sẽ thay đổi tư duy của xã hội theo hướng tôn trọng tự do cá nhân và quyền tự quyết; (3) Kinh tế phát triển giúp nâng cao dân trí và ý thức của người dân về quyền làm chủ; (4) Kinh tế phát triển làm giàu khu vực tư và hoạt động độc lập với Nhà nước; và (5) Kinh tế phát triển thúc đẩy mở cửa và hội nhập với nền dân chủ thế giới. Trong khi đó, Nhà nước kiến tạo phát triển là một hình mẫu hướng

1. Lê Thị Thu Mai: *Dân chủ hóa ở Hàn Quốc, Nhật Bản và những giá trị tham khảo đối với Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2016.

tới sự phát triển kinh tế dựa trên một bộ máy quản lý có phân chuyên chế. Như vậy, ở đây có một mâu thuẫn nội tại xảy ra khi mà hệ quả của một Nhà nước như vậy lại đóng vai trò như một tác nhân làm triệt thoái đi một đặc trưng cơ bản của nó là tính chuyên chế cao. Trên thực tiễn, có thể thấy những mầm mống dân chủ hóa đã bắt đầu nảy sinh trong các nhà nước kiến tạo phát triển ở Đông Á ngay trong giai đoạn phát triển hoàng kim của nó. Ở Nhật Bản, những năm cuối thập niên 60 và đầu 70 của thế kỷ XX đã chứng kiến sự bùng nổ của những phong trào phản kháng của sinh viên vốn chịu ảnh hưởng nhiều từ phong trào dân quyền ở Mỹ và hình mẫu nhà cách mạng Che Guevara¹. Còn ở Hàn Quốc, phong trào dân chủ cũng nhen nhóm và gặp phải sự đàn áp từ phía chính quyền quân sự với đỉnh điểm là năm 1980 khi đụng độ giữa quân đội với dân thường đã khiến hàng trăm người chết². Nói chung, nhu cầu dân chủ hóa tăng cao từ xã hội đã phần nào khiến nhà nước phải chuyển biến và thích nghi theo hướng tôn trọng hơn các quyền con người, đặc biệt là các quyền chính trị như tự

1. http://chimviet.free.fr/vannhat/nguyennamtran/GiaoTrinhLSNhatBan/NNT_GTLichSuNB_4_ch07.htm

2. Nguyễn Trung Hiếu: *Mô hình “chính phủ kiến tạo” của Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam*, Chương trình Nghiên cứu Kinh tế học mở rộng thuộc VEPR. <https://broadeneconomics.org/2018/07/02/mo-hinh-chinh-phu-kien-tao-cua-han-quoc-va-bai-hoc-cho-viet-nam-nguyen-trung-hieu/>

do lập hội¹. Bên cạnh việc phát triển kinh tế thì tiến trình dân chủ hóa còn được thúc đẩy bởi một động lực khác đó là nhu cầu minh bạch hóa nhằm chống tham nhũng. Tom Ginsburg nhận định các nhà nước Đông Á thời kỳ này “*mang tính xơ cứng, tham nhũng và kém minh bạch*”². Quay trở lại một trong những đặc trưng cơ bản của Nhà nước kiến tạo phát triển, đó là sự liên kết chặt chẽ giữa giới tinh hoa chính trị và giới tư nhân. Đây có thể coi là mầm mống cho tham nhũng có thể nảy sinh. Thực tế mối liên kết này có tác dụng ở chỗ, nó khiến cho chính sách kinh tế của nhà nước có thể phát huy hết sức trong việc thúc đẩy một vài đơn vị kinh tế tư nhân hàng đầu phát triển nhưng nguy cơ tham nhũng cũng sinh ra từ đây. Ở Nhật Bản, thập niên 70 của thế kỷ XX chứng kiến sự phơi bày của tham nhũng với những sự kiện như Thủ tướng Tanaka Kakuei phải từ chức vì nhận tiền bất hợp pháp. Tệ nạn tham nhũng tràn lan đến độ người ta gọi nó dưới tên “kim quyền chính trị” (kinken seiji)³. Bộ máy

1. Xem thêm Đẩu Công Hiệp: *Bàn về mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và xã hội dân sự*, Tạp chí Pháp luật và phát triển, số 4/2018.

2. Tom Ginsburg: *Dismalting the “developmental state”? Administrative procedure reform in Japan and Korea*, American journal of comparative law, Vol. 49, No. 4, 2001.

3. http://chimviet.free.fr/vannhat/nguyennamtran/GiaoTrinhLSNhatBan/NNT_GTLichSuNB_4_ch07.htm

nhà nước ở Nhật Bản cũng như ở Hàn Quốc cũng có những mối liên hệ chặt chẽ với các tập đoàn kinh tế lớn với tên gọi *keiretsu* ở Nhật Bản và *chaebol* ở Hàn Quốc¹. Nguy cơ tham nhũng xuất phát từ các tập đoàn này rất lớn và thực tế đã có nhiều vụ việc được điều tra, xử lý. Vấn đề chống tham nhũng, tăng cường quản trị và dân chủ hóa có liên hệ chặt chẽ với nhau, ở đó, hiện tượng tham nhũng tràn lan chính là động lực để xu hướng đòi hỏi dân chủ hóa, minh bạch hóa diễn ra. Và khi đó, nhà nước sẽ không thể tiếp tục duy trì một mức độ chuyên chế cao như trước nữa bởi áp lực từ xã hội là rất lớn.

Thứ hai, sự suy thoái của các nhà nước kiến tạo phát triển trong bối cảnh kinh tế, chính trị mới. Như đã trình bày, có rất nhiều yếu tố mang tính chất chính trị tác động đến sự thành công của các nhà nước Đông Á. Tuy nhiên, những yếu tố này đang dần có sự thay đổi. Shigehisa Kabahara chỉ ra rằng, sau khi kết thúc Chiến tranh lạnh, chính sách của Mỹ bắt đầu có sự thay đổi theo hướng “gia tăng chỉ trích, thực thi áp lực” đối với đồng minh Nhật Bản và Hàn Quốc². Điều này có nghĩa

1. Vũ Hoàng Nam: *Kinh nghiệm phát triển tập đoàn kinh tế ở một số nước trong khu vực*, Tạp chí *Kinh tế đối ngoại*, 11/2013.

2. Shigehisa Kasahara: *The Asian developmental state and the flying geese paradigm*, United Nation conference on trade and development, November 2013.

là các chính sách đối ngoại của Mỹ đã không còn khoan dung mà dần định hướng mối quan hệ kinh tế giữa các nước theo hướng tự do hóa. Bối cảnh toàn cầu hóa, tự do hóa về kinh tế khiến chủ nghĩa bảo hộ bị suy yếu. Cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 và sau này là khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 khiến một lần nữa người ta phải nhìn nhận lại vai trò của nhà nước. Ở Hàn Quốc, chính từ việc nhà nước cho phép các *chaebol* vay nợ quá nhiều mà khi khủng hoảng tài chính năm 1997 xảy ra, rất nhiều khoản nợ trong số đó đã trở thành thảm họa. Việc Quỹ tiền tệ quốc tế vào cuộc giải cứu cho kinh tế Hàn Quốc đi kèm với một điều kiện: Hàn Quốc phải mở cửa hoàn toàn thị trường cho hàng hóa và nhà đầu tư nước ngoài, mô hình bảo hộ sụp đổ hoàn toàn¹. Bên cạnh đó, xu hướng toàn cầu hóa, theo đó là hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA) được ký kết với nhiều điều kiện khác nhau cũng phần nào thay đổi các điều kiện cơ bản cho sự can thiệp sâu của nhà nước. Xu hướng toàn cầu hóa làm cho vai trò của nhà nước trở nên kém quan trọng và thay vào đó là vai trò của các đại công ty xuyên quốc gia². Cụ thể, việc nhà nước tận dụng những quy

1. John Minns, *Tlđđ*.

2. Trịnh Quốc Toàn, Vũ Công Giao: *Nhà nước kiến tạo phát triển - Lý luận, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017, tr. 64.

định mang tính bảo hộ để đem lại ưu thế cho các công ty, doanh nghiệp trong nước là điều không thể chấp nhận được trong bối cảnh một sân chơi tự do kinh tế toàn cầu.

Thứ ba, sự biến đổi hướng đến những hình mẫu an toàn với phúc lợi xã hội ngày càng cao hơn. Trước những sự biến đổi của ngoại cảnh, các nhà nước vốn áp dụng hình mẫu kiến tạo phát triển nay đã có những sự thay đổi và thích nghi nhất định. Các quốc gia cụ thể lại lựa chọn một hướng đi và xu thế khác nhau. Chẳng hạn, hiện nay Hàn Quốc đã chuyển dần theo hướng “nhà nước điều tiết”¹. Trong đó, một “nhà nước điều tiết” (Regulatory state), theo David Levi-Faur là một nhà nước quản trị cấp tiến, ở đó nhà nước sử dụng hệ thống quy tắc để duy trì và thực thi chính sách ở tầm vĩ mô mà ít có sự can thiệp trực tiếp². Tuy nhiên, một điểm chung của các nhà nước Đông Á khi chuyển mình đó là đều theo hướng gia tăng phúc lợi xã hội. Có thể thấy, đây cũng là một vấn đề mang tính quy luật bởi sự phát triển kinh tế luôn kéo theo nhu cầu phân chia một phần thành quả này cho

1. Ngô Huy Đức, Trương Thị Thanh Dung: *Nhà nước kiến tạo phát triển - khái niệm và thực tế*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, tháng 06/2017.

2. Davi Levi-Faur: *States making & market building for the global South: The developmental state vs. The regulatory state*, Jerusalem Papers in Regulation and Governance, Working paper No. 44, July 2012.

an sinh xã hội. Điều đó có thể tóm tắt như một phương châm: “tăng trưởng trước, phân phối sau”¹. Việc gia tăng phúc lợi đem lại nhiều lợi ích, đặc biệt nó thể hiện vai trò của nhà nước đối với xã hội.

Dựa trên quy luật này, chúng ta thấy rằng, mặc dù Nhà nước kiến tạo là một hình mẫu tốt đẹp nhưng vẫn cần tham khảo những điểm mấu chốt của các lý thuyết khác về Nhà nước đã được trình bày ở phần đầu tiên. Chẳng hạn, đối với lý thuyết Nhà nước tối thiểu, lý tưởng bảo đảm quyền tự do của công dân gắn với sự hạn chế can thiệp của nhà nước là rất quan trọng. Vì vậy, dù xây dựng một Nhà nước kiến tạo phát triển nhưng không nên duy trì sự can thiệp của nhà nước với cùng một mức độ trong mọi hoàn cảnh mà cần điều tiết theo hướng: khi thị trường tự điều chỉnh được thì nhà nước tối giản hóa sự can thiệp, khi thị trường mất cân bằng thì nhà nước can thiệp theo hướng thận trọng². Bên cạnh đó cũng cần thấy rằng Việt Nam vừa chuyển đổi theo hướng thoát ra khỏi hình bóng của một Nhà nước chỉ huy. Điều này cũng có lợi cho việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển, bởi di sản của nó là một hệ thống chính trị nhất nguyên,

1. Phạm Thị Hồng Điệp: *Mô hình nhà nước phúc lợi kiểu Đông Á và những gợi ý cho Việt Nam*, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Chuyên san *Kinh tế và kinh doanh*, số 4/2014.

2. Trịnh Quốc Toàn, Vũ Công Giao, *Sdd*, tr. 422.

tập trung, nhất quán và có tính bền vững cao¹. Thực tế, đội ngũ chính trị tinh hoa, có uy tín và thời gian lãnh đạo dài của Nhà nước chỉ huy có thể trở thành trụ cột cho việc hình thành chủ nghĩa phát triển. Điển hình như ở Trung Quốc, theo phân tích của tác giả Trần Văn Thọ, giới lãnh đạo từ Đặng Tiểu Bình với phương châm: “*Thực tiễn là thước đo chân lý*” thể hiện qua câu nói nổi tiếng: “*Mèo trắng hay mèo đen không quan trọng, miễn là nó bắt được chuột*” đã khước từ những lý luận giáo điều để khởi đầu cho cải cách phát triển². Đây là một quan điểm có giá trị tham khảo.

Thứ tư, lý thuyết Nhà nước phúc lợi cũng để lại cho chúng ta những bài học đáng quý. Có thể khẳng định, phát triển và phúc lợi phải song hành với nhau. Đó là biểu hiện của việc công bằng hóa trong phân bổ thành quả phát triển, tránh sự tích tụ vào các lợi ích nhóm. Hiện các nhà nước kiến tạo phát triển ở Đông Á có mức chi tiêu cho phúc lợi xã hội thấp hơn so với các quốc gia ở Tây Âu và Bắc Mỹ. Cụ thể trong giai đoạn 1970-2000, mức chi tiêu cho phúc lợi xã hội của khu vực Đông Á chỉ

1. Vũ Công Giao: *Những thuận lợi và thách thức với việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam*, Tạp chí Công thương, số 7/2017.

2. Trần Văn Thọ: *Cú sốc thời gian và kinh tế Việt Nam*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2016, tr. 63.

chiếm 6,2% GDP và 29,6% chi ngân sách thì con số tương ứng của khu vực Tây Âu là 20,3% và 55,8%¹. Tuy nhiên, nhìn vào cách thức chi tiêu thì tỷ trọng phúc lợi của các nước ở Đông Á chủ yếu là dành cho giáo dục và y tế, còn lao động, việc làm thì ở mức thấp hơn. Điều đó cho thấy rằng, rõ ràng Nhà nước kiến tạo phát triển không thể có mức độ phúc lợi như Nhà nước phúc lợi bởi nó phải phân bổ nguồn lực để thúc đẩy phát triển, nhưng hoạt động an sinh xã hội không vì thế mà bị lơ là, thậm chí còn có sự tập trung vào một số yếu tố nhất định.

Việc xác định Nhà nước kiến tạo phát triển với tư cách là cột mốc đứng giữa Nhà nước tối thiểu và Nhà nước chỉ huy, xét về mặt mức độ can thiệp của nhà nước là vấn đề rất quan trọng về mặt lý luận giúp chúng ta nhận thức ra được vai trò của hình mẫu này. Trên thực tế thì các mô hình thử nghiệm của cả Nhà nước tối thiểu lẫn Nhà nước chỉ huy đều gặp thất bại khi cố gắng duy trì tính cực đoan của mình. Tác giả Barry Buzan đã chỉ ra rằng, hai xu hướng này nếu được đẩy đến mức cực đoan thì đều thất bại và gây ra rối loạn cho xã hội. Ông viết: *Một sự rối loạn có thể chỉ ra mức độ xa cách giữa công dân và chính phủ ngày càng gia tăng khi một Nhà nước tối đa đã theo đuổi lợi ích của mình quá mức và*

1. Phạm Thị Hồng Điệp: *Mô hình Nhà nước phúc lợi kiểu Đông Á và những gợi ý cho Việt Nam*, Tlđđ, tr. 31.

tồn hại đến lợi ích của cá nhân. Thật không may, điều này cũng có thể xảy ra khi Nhà nước tối thiểu thất bại trong việc ngăn chặn mâu thuẫn giữa công dân trong nước mình”¹. Điều đó cho thấy rõ ràng rằng, nếu coi Nhà nước tối thiểu và Nhà nước chỉ huy là hai điểm cực thì ở giữa nó sẽ có những điểm khác cân bằng hơn. Hiếm có nhà nước nào trong thực tế đạt tới sự tối thiểu tuyệt đối cũng như chỉ huy tuyệt đối. Một ví dụ khá gần gũi là ở chính Việt Nam trong thời kỳ xóa bỏ kinh tế thị trường để thiết lập kinh tế kế hoạch hóa tập trung, hay vẫn được gọi nôm na là “thời bao cấp”, thì trên thực tế thị trường vẫn tồn tại dưới dạng “chợ đen”². Hay ngược lại, ở Mỹ dù thị trường tự do phát triển nhưng trước nguy cơ khủng hoảng, năm 1933, Quốc hội đã ban hành Đạo luật Glass-Steagall để can thiệp vào hệ thống ngân hàng và bảo hiểm nhằm tránh các doanh nghiệp này lao vào các

1. Barry Buzan: *People, states, and fear: The national security problem in international relations*, University of North Carolina Press, 1983, tr. 23. Nguyên văn: “Such disorder could well indicate a degree of falling out between citizens and government arising where a maximal state had pursued its own interests to the excessive detriment of the mass of individual interests within it. Unfortunately, it could also indicate the failure of a minimal state to contain the contradictions among its citizens.”

2. Đời sống thời bao cấp (bài 7): Chợ đen. <https://thethaovanhoa.vn/van-hoa-giai-tri/doi-song-thoi-bao-cap-bai-7-cho-den-n20140611153441454.htm>. Truy cập ngày 24/02/2018.

khoản đầu tư đầy rủi ro¹. Nói chung, mức độ can thiệp của nhà nước vào đời sống xã hội, trong đó có nền kinh tế, không cố định mà luôn có sự thay đổi nhằm thích nghi với sự phát triển của xã hội. Nếu lấy Nhà nước tối thiểu và Nhà nước chỉ huy làm hai điểm cực thì ở giữa chúng vẫn còn những trạng thái khác khả dĩ trở thành sự lựa chọn cho một đất nước trong những điều kiện nhất định, mà trong đó Nhà nước kiến tạo phát triển là một điểm đáng lưu ý.

IV. NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN TRONG BỐI CẢNH CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY

Mặc dù chưa có một cơ sở chính trị vững chắc (thể hiện qua chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) cho sự thiết lập Nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam nhưng chúng ta cũng cần có những sự đối chiếu cần thiết giữa lý thuyết này với những gì đang diễn ra ở Việt Nam để có được những nhận định hợp lý. Có thể là quá sớm để đưa ra một chứng minh rằng, Nhà nước kiến tạo phát triển là một hình mẫu cần thiết và

1. <https://vi.talkingofmoney.com/how-did-glass-steagall-act-affect-commercial-and-investment-banking>. Truy cập ngày 24/02/2018.

là cách thức duy nhất cho Việt Nam, nhưng chắc hẳn việc nghiên cứu lý thuyết về nó sẽ là vô bổ nếu không có những đối chiếu cần thiết với thực trạng đất nước chúng ta. Như đã trình bày, Nhà nước kiến tạo phát triển được khái niệm hóa dựa trên mức độ can thiệp của nhà nước, và theo nhóm tác giả điều này là gần gũi nhất với vấn đề chức năng của nhà nước. Khoa học pháp lý Việt Nam nhìn nhận chức năng của nhà nước là các phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước và thường phân chia nó thành chức năng đối nội và đối ngoại. Ở đây, nói đến chức năng đối nội, Nhà nước Việt Nam hướng tới sự quản lý tập trung đối với nhiều lĩnh vực. Điều này được cụ thể hóa bằng các nhiệm vụ quản lý trên nhiều mặt như kinh tế, văn hóa, xã hội. Dưới góc nhìn của nhóm tác giả, sự can thiệp và tác động của nhà nước đối với xã hội Việt Nam hiện nay thể hiện ở một số điểm sau:

- *Thứ nhất*, Nhà nước kiểm soát chặt chẽ hầu hết các mặt của xã hội. Điều này thể hiện: Nhà nước thường xuyên thực hiện thẩm định, cấp phép, kiểm tra, thanh tra các hoạt động trên nhiều mặt như kinh tế, văn hóa, thể thao, v.v.. Nhìn chung, ở trong bất kỳ khía cạnh nào, sự kiểm soát của Nhà nước đối với các hoạt động của người dân đều rất chặt chẽ.

- *Thứ hai*, Nhà nước tham gia trực tiếp vào đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội với tư cách một chủ thể. Điều

này thể hiện qua việc, Nhà nước thành lập các cơ quan, tổ chức thực hiện các vai trò tương tự như các thiết chế của thị trường, như các công ty, tập đoàn kinh tế, hãng phim truyện, đoàn nghệ thuật, nhà xuất bản nhà nước, bệnh viện công, v.v.. Dưới góc độ này, Nhà nước trực tiếp tham gia bỏ vốn đầu tư, sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ của thị trường.

- *Thứ ba*, Nhà nước thường xuyên vận dụng các chính sách kinh tế vĩ mô thông qua các công cụ kinh tế như thuế, lương, tiền để điều chỉnh hướng phát triển của nền kinh tế. Các chính sách này được coi như một công cụ để chống lại khủng hoảng nhưng cũng có nguy cơ đi ngược lại các quy luật khách quan của thị trường.

Trong quá trình thực hiện những sự can thiệp nêu trên của Nhà nước Việt Nam, có một số yếu tố bất cập đã nảy sinh như:

- Sự kiểm soát quá mức cần thiết của Nhà nước sinh ra một hệ thống hành chính công phức tạp và chồng chéo. Đây là một bất cập lớn hiện nay bởi vì nền hành chính như vậy mang lại nhiều trở lực cho sự phát triển. Trước hết là nó tạo ra một bộ máy tốn kém, thiếu hiệu quả với chi phí cho nguồn nhân lực vận hành bộ máy trở thành một gánh nặng cho ngân sách. Thứ hai, về cơ bản nền hành chính Việt Nam vẫn là một nền hành chính

truyền thống¹, tức là nặng về tư duy quản lý ôm đồm. Điều này phần nào làm giảm bớt sự tự chủ của người dân khi phải xin phép, báo cáo, chờ thẩm định quá nhiều. Cuối cùng, các thủ tục hành chính quá nhiều và phiền hà khiến cho nền kinh tế phần nào bị giảm hiệu quả. Có thể nói, những hạn chế bất cập của nền hành chính Việt Nam là do Nhà nước đã kiểm soát xã hội quá chặt chẽ. Thậm chí, trong hoạt động hoạch định và xây dựng chính sách, chủ yếu chúng ta vẫn còn tiếp cận dựa trên nhu cầu, và đặc biệt là nhu cầu quản lý² mà chưa có sự ứng dụng của các phương pháp tiếp cận tiên tiến như tiếp cận dựa trên quyền. Điều này phần nào cũng phản ánh tư duy nặng về bao cấp của cả một hệ thống các cơ quan nhà nước ở Việt Nam.

- Việc Nhà nước dùng nhiều nguồn lực của mình để tham gia trực tiếp vào thị trường không mang hiệu quả như mong muốn. Thực tế cho thấy, việc tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước dùng nguồn vốn nhà nước chủ yếu từ tiền thuế của ngân sách để đầu tư kinh tế không những không mang lại hiệu quả mà còn gây rất nhiều thiệt hại.

1. Theo Lê Như Thanh: *Những thách thức đối với nền hành chính công Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Tạp chí *Quản lý nhà nước*, số 10/2014, tr. 20.

2. Xem thêm Vũ Công Giao, Ngô Minh Hương (Đồng chủ biên): *Tiếp cận dựa trên quyền - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016, tr. 15.

Theo một báo cáo (tháng 7/2016) của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội cho thấy một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã thua lỗ và gây tổn thất tới hàng chục nghìn tỷ đồng¹. Bên cạnh đó, trong các lĩnh vực văn hóa, giải trí, khoa học, xã hội, sự tham gia của Nhà nước cũng thiếu hiệu quả, đơn cử như các bộ phim truyện do các hãng phim nhà nước làm ra không có người xem², hay các đề tài khoa học do Nhà nước đầu tư nghiên cứu xong chỉ để “xếp ngăn kéo”³, v.v.. Những bất cập nói trên không chỉ gây ra tổn thất và lãng phí về mặt kinh tế, không những gây ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn xã hội nói chung mà phần nào còn làm giảm đi niềm tin của người dân vào Nhà nước đối với việc sử dụng tiền từ ngân sách.

- Về các chính sách kinh tế vĩ mô, sự vận dụng của Nhà nước Việt Nam trong thời gian gần đây chủ yếu hướng tới việc giải quyết ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới và ổn định lại những sự sụp đổ của thị trường sau một giai đoạn phát triển nóng ở nửa cuối thập kỷ trước. Được đánh giá là có nhiều thành công

1. Xem thêm tại: <http://nld.com.vn/kinh-te/tap-doan-nha-nuoc-thua-lo-chon-von-ca-chuc-ngan-ti-dong-20160711100646857.htm>. Truy cập ngày 24/9/2016.

2. Theo <http://dantri.com.vn/van-hoa/vi-sao-phim-nha-nuoc-do-tien-nhieu-van-chet-20160422141417008.htm>.

3. Theo <http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/nguyen-cuu-khoa-hoc-de-xep-ngan-keo-20150612233339071.htm>.

trong việc ổn định nền kinh tế những các chính sách kinh tế vĩ mô của Việt Nam vẫn còn tiềm ẩn các yếu tố thuộc về lợi ích nhóm¹, đó là chưa kể đến các nguy cơ đến từ việc nợ công tăng cao và đồng tiền mất giá. Thực tế cho thấy, sự can thiệp về mặt chính sách của Nhà nước chỉ cần thiết và phù hợp khi xảy ra sự thất bại của thị trường mà điển hình là tình trạng khủng hoảng của nền kinh tế. Còn trong trường hợp thị trường đã ổn định, Nhà nước cần giảm bớt những ảnh hưởng không cần thiết của mình để tạo nên một thị trường tự do cho các chủ thể kinh doanh có thể thực hiện công việc của mình một cách thuận lợi.

Tóm lại, có thể đánh giá mức độ can thiệp của Nhà nước đối với thị trường và xã hội ở Việt Nam hiện nay tuy đã có những chuyển biến tích cực song Nhà nước vẫn còn can thiệp sâu chưa thực sự phù hợp với xu hướng của mô hình kinh tế thị trường hiện tại. Chức năng của Nhà nước, trong đó trực tiếp nhất là chức năng đối nội vẫn còn ảnh hưởng của tính bao cấp. Nguyên nhân do Nhà nước không chỉ thắt chặt quản lý, điều khiển nền kinh tế, xã hội mà còn trực tiếp tham gia vào thị trường. Do vậy, sự chuyển hướng từ tư duy đến thực tiễn về chức năng của Nhà nước là một thử nghiệm rất cần thiết.

1. Theo: <http://vneconomy.vn/thoi-su/loi-ich-nhom-va-cai-cach-the-che-20120831112155300.htm>.

Trong bối cảnh một nền kinh tế chuyển đổi, điều không chỉ thấy ở Việt Nam mà còn là xu hướng chung của các nước châu Á, thì việc xây dựng thị trường tự do và con đường “*từ chính phủ kiểm soát đến thị trường chi phối*”¹ đang là lựa chọn cần thiết và đúng đắn. Rõ ràng rằng việc giới hạn bớt sự can thiệp của Nhà nước đối với xã hội, trong đó có thị trường, là một nhu cầu vô cùng cấp thiết. Điều đó nằm ở tư duy xây dựng nhà nước theo hướng giảm bớt các chức năng của nó, đặc biệt là đối với chức năng kinh tế, xã hội chứ không phải tư duy theo hướng tăng cường quản lý, giám sát. Sự chuyển biến vai trò của Nhà nước từ một bộ máy điều hành sang một thiết chế kiến tạo phát triển là một hướng đi mà ở đó việc thu hẹp các chức năng, cắt bỏ các nhiệm vụ không cần thiết là một điều đúng đắn.

Sau 30 năm đổi mới, đời sống của Nhân dân ngày càng được tăng cao, kéo theo nhu cầu đảm bảo tự do cá nhân, tự do sáng tạo, tự do mưu sinh đặt ra yêu cầu nhà nước phải chuyển đổi vị thế từ “dẫn đường” sang “mở đường”, trong đó cần đặc biệt coi trọng việc tạo điều kiện cho động lực cá nhân được phát huy. Bên cạnh đó, cùng với những thách thức về kinh tế do hội nhập mang lại, việc sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, cũng đòi

1. John Naisbitt: *Tám xu hướng phát triển của châu Á đang làm thay đổi thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 196.

hỏi Nhà nước phải đảm bảo phúc lợi, cắt giảm đầu tư kém hiệu quả. Việc không ngừng đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức và phương thức hoạt động chắc chắn sẽ đưa Việt Nam tới gần Nhà nước kiến tạo phát triển hơn nữa.

* *

*

Tóm lại, qua nghiên cứu lý luận về Nhà nước kiến tạo phát triển, chúng ta có thể nhìn nhận ra một số ý sau đây:

- Khái niệm Nhà nước kiến tạo phát triển trước hết được xây dựng trên nền tảng các lý thuyết về sự can thiệp của nhà nước. Trong đó, Nhà nước kiến tạo phát triển là một hình mẫu mà ở đó nhà nước dành một sự tác động tương đối lớn đối với xã hội và đặc biệt là nền kinh tế, nhất là trong việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển dựa vào cách ủng hộ và định hướng cho một bộ phận nhất định của nó.

- Với sự ủng hộ và định hướng đó, Nhà nước kiến tạo phát triển tạo nên một mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà nước với khối tư nhân, thông qua sự lãnh đạo của đội ngũ tinh hoa và phần nào kiểm soát chặt chẽ những bộ phận của xã hội có tiếng nói trái chiều. Để có thể làm được điều đó, Nhà nước kiến tạo khích lệ tinh thần dân tộc, bám chặt chủ nghĩa bảo hộ và tận dụng trật tự thế

giới lưỡng cực với sự ủng hộ từ nền kinh tế hàng đầu thế giới là Hoa Kỳ.

- Bằng chính sách trên, Nhà nước kiến tạo phát triển đã tạo nên những kỳ tích kinh tế với sự phát triển vượt bậc. Thành quả của nó được đem ra tái đầu tư cho xã hội thông qua phúc lợi và qua đó làm gia tăng mức sống cho người dân. Với việc người dân ngày càng giàu lên, ý thức về quyền dân chủ của họ cũng tăng theo. Chính điều này cùng với sự thay đổi của bối cảnh kinh tế quốc tế đã làm cho Nhà nước kiến tạo phát triển phải chuyển mình theo hướng từ bỏ chuyên chế. Những dấu ấn của nó cũng dần phai nhạt đi và gần như đã chuyển sang một hình mẫu mới.

- Việc Việt Nam đang có những điều chỉnh theo hướng xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng đồng nghĩa với việc chúng ta chấp nhận giảm bớt sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường. Trong quá trình đó, việc quan tâm tới hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển là hoàn toàn cần thiết, nhất là trong bối cảnh nhu cầu phát triển kinh tế đang hết sức bức thiết như ngày nay.

Chương II

MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VỚI ĐẢNG CHÍNH TRỊ

Với tư cách lực lượng lãnh đạo nhà nước, đảng chính trị (hay còn gọi là chính đảng) tồn tại như một hiện tượng phổ biến ở các quốc gia. Xét một cách tổng thể, đảng chính trị là một đoàn thể được lập ra với mục đích thu hút phiếu của cử tri cho đảng viên và sau đó đưa vào khuôn phép hàng ngũ những đảng viên nào đã đắc cử¹. Trong một thể chế dân chủ, người dân được quyền lựa chọn lãnh đạo thông qua bầu cử tự do. Bên cạnh đó, những người có cùng quan điểm chính trị và đường lối lãnh đạo có thể tập hợp với nhau thành một chính đảng để hỗ trợ lẫn nhau. Có thể nói, dân chủ là môi trường cho đảng chính trị tồn tại bởi vì mặc dù trong thể chế quân chủ, các phe phái chính trị vẫn có thể tồn tại nhưng chắc chắn không thể có một hình hài và đời sống sinh động như các chính đảng trong thể chế dân chủ. Nhìn chung, vai trò của các đảng chính trị với nhà nước thể hiện ở

1. Lê Đình Chân: *Luật Hiến pháp khuôn mẫu dân chủ*, Tủ sách Đại học, Sài Gòn, 1975, t. 2, tr. 92.

chỗ¹: (1) thu nạp, chỉ định và vận động tranh cử để bầu lên các quan chức; (2) xây dựng đường lối, chính sách cho chính phủ nếu họ là đảng nắm đa số; (3) chỉ trích hoặc đề xuất các chính sách thay thế nếu họ là đảng đối lập; (4) huy động các nhóm lợi ích ủng hộ các chính sách chung; giải thích cho công chúng về những vấn đề công; (4) xây dựng cơ cấu và nguyên tắc tiến hành tranh luận chính trị trong xã hội. Nói chung, mối quan hệ giữa nhà nước và đảng chính trị chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong đó có cả cách thức tổ chức bộ máy nhà nước² lẫn xu hướng vận động của nhà nước. Với một Nhà nước kiến tạo phát triển, sự ổn định về chính sách và lực lượng lãnh đạo, vai trò cầm quyền của giới tinh hoa được coi trọng, nhà nước

1. *Tóm lược dân chủ (Democracy in Brief)*, Ấn phẩm của Chương trình thông tin quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tr. 31. <https://photos.state.gov/libraries/vietnam/8616/ebook/democracy-in-brief-vn.pdf>.

2. Nhìn từ góc độ tổ chức bộ máy nhà nước, ở những nước theo mô hình cộng hòa đại nghị, đảng nắm đa số ghế trong Nghị viện đồng thời lãnh đạo chính phủ nên gần như nhà nước nằm dưới sự lãnh đạo của một đảng chính trị. Còn trong những nước theo mô hình cộng hòa tổng thống, với việc áp dụng triệt để nguyên tắc phân chia quyền lực, các nhánh quyền hành pháp và lập pháp có thể thuộc về các đảng khác nhau và do đó không đảng nào thực sự nắm quyền chỉ huy toàn bộ nhà nước. Ở mô hình cộng hòa lưỡng tính, ảnh hưởng chính trị của các đảng phái dường như lại được điều hòa hơn. Xem thêm Phan Trung Lý, Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Sỹ Dũng (Chủ biên): *Một số vấn đề cơ bản của hiến pháp các nước trên thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.

có mức độ chuyên chế tương đối cao, chắc chắn mối quan hệ giữa nhà nước đó với đảng chính trị sẽ có những điểm đặc sắc. Trong phần này, nhóm tác giả nghiên cứu vấn đề đó từ lý luận đến thực tiễn trước khi đưa ra một góc nhìn tham khảo cho việc vận dụng ở Việt Nam.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VÀ ĐẢNG CHÍNH TRỊ

Một trong những yếu tố đặc trưng thường được nói tới của Nhà nước kiến tạo phát triển là có một chính quyền mạnh, thậm chí chuyên chế¹. Bằng một bộ máy có tính chất như vậy, Nhà nước kiến tạo phát triển có thể tập trung vào việc thiết lập và triển khai một cách thống nhất các chính sách kinh tế quan trọng của mình. Và rõ ràng, để có được một bộ máy như thế thì nhà nước phải được thiết lập dựa trên một thể chế chính trị ít có bất đồng, ổn định và tập quyền cao, với các dạng thức có thể

1. Chalmers Johnson: *Political Institutions and Economic Performance: The Government-Business Relationship in Japan, South Korea, and Taiwan*, in *Asian economic development: Present and future*, Cornell University Press, 1985, tr. 73-89. Adrian Leftwich, *Bringing politics back in: Towards a model of the developmental state*, The Journal of Development Studies, Volume 31, 1995 - Issue 3. UNDP, *Democratization in a Developmental state: The case of Ethiopia - Issues, Challenges and Prospects*, 2012, p. 7.

nhắc tới như chế độ độc đảng (single-party regime), hay chế độ đảng cầm quyền (dominant-party rule)¹. Thông thường mà nói, ở các nhà nước kiến tạo phát triển Đông Á, sự tồn tại của nhiều đảng phái chính trị là được chấp nhận. Vì vậy, dưới chế độ đảng cầm quyền có thể phân chia các đảng chính trị hoạt động ở các quốc gia này thành hai loại: đảng cầm quyền và đảng đối lập. Trong đó, đảng cầm quyền được hiểu là đảng có ưu thế và nắm đa số quyền lực trong việc vận hành nhà nước còn đảng đối lập được hiểu là đảng thiểu số và ít có ảnh hưởng tới các hoạt động của nhà nước. Dưới đây sẽ phân tích và lý giải mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển với từng bộ phận trên của đảng chính trị.

1. Nhà nước kiến tạo phát triển và đảng cầm quyền

Nói đến mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển với đảng cầm quyền, một giả thiết có thể được đặt ra dựa trên những đặc trưng của nó - đó là Nhà nước sẽ bị đảng cầm quyền chi phối một cách tối đa. Vấn đề là sự chi phối này diễn ra ở những góc độ nào và với

1. Edward Webb: *Totalitarianism and Authoritarianism*, trích trong John T. Ishiyama and Marijke Breuning, *21st Century Political Science, A Reference Handbook*, Thousand Oaks, CA: SAGE Publications, 2011, tr. 249 - 257.

mức độ cụ thể như thế nào. Để giải quyết vấn đề này có thể dựa vào cách thức lãnh đạo Nhà nước của một đảng cầm quyền, với những phương diện cụ thể như sau: (1) Đảng quyết định các vấn đề lớn về tổ chức bộ máy Nhà nước và nhân sự; (2) Đảng đề ra đường lối, chủ trương và phương hướng lớn về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; (3) Đảng đưa các chủ trương, chính sách thể chế hóa thành pháp luật của nhà nước; và (4) Đảng theo dõi, kiểm tra hoạt động của các cơ quan Nhà nước¹. Cụ thể, mối quan hệ này được thể hiện trên một số khía cạnh như sau:

- Về tổ chức và nhân sự:

Nhìn từ góc độ chung nhất, đó là hình thức chính thể, mặc dù các nhà nước kiến tạo phát triển chứng kiến sự đa dạng về mặt hình thức chính thể², nhưng chúng lại có một điểm chung là không nước nào áp dụng một cách triệt để nguyên tắc phân chia quyền lực như Hoa Kỳ. Ở đây, có thể giải thích dựa trên một trong những điểm yếu của chính thể tổng thống, đó là ở chỗ nó rất dễ rơi vào tình thế bế tắc của chính quyền, khi quốc hội

1. Xem Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2016, tr. 361.

2. Đối với Hàn Quốc, Xingapo, hình thức chính thể của các nước này là cộng hòa lưỡng tính, trong khi đó Nhật Bản là một nước quân chủ đại nghị.

và tổng thống có quan điểm trái ngược nhau do chúng thuộc về các đảng khác nhau¹. Ấy là chưa kể việc nguồn gốc quyền lực của các nhánh quyền cũng có sự độc lập với nhau khiến cho sự gắn bó theo hướng thân tình giữa các cơ quan lập pháp và hành pháp rất khó xảy ra. Trong điều kiện Nhà nước kiến tạo phát triển theo đuổi một hệ chính sách mang tính nhất quán, sẽ rất khó khăn để triển khai nó nếu thiếu sự đồng lòng giữa các cơ quan Nhà nước. Thậm chí, sự kiểm soát đối với nhánh tư pháp của nhà nước cũng không kém phần chặt chẽ. Cơ quan tư pháp được kỳ vọng như một cơ chế chống lại sự bất công không những gây ra bởi cá nhân mà còn từ cả Nhà nước nữa². Vì thế, việc các đảng cầm quyền trong Nhà nước kiến tạo phát triển tìm cách chi phối nhánh tư pháp chính là cách để ngăn ngừa việc người dân tìm đến tòa án nhằm chống lại những hành vi bất công từ phía chính quyền. Bảng dưới đây³ cho thấy phần nào tình hình này

1. Xem Nguyễn Đăng Dung: *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2013, tr. 145.

2. Xem Nguyễn Đăng Dung: *Ý tưởng về một nhà nước chịu trách nhiệm*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2007, tr. 329.

3. Theo David Kar Wor Ma: *Explaining judicial independence in the east asian developmental states: the case of Taiwan*, A thesis submitted to the faculty at the University of North Carolina at Chapel Hill in partial fulfillment of the requirements for the degree of Doctor of Philosophy in the Department of Political Science of the College of Arts & Sciences, 2015, p. 45.

ở Đài Loan (Trung Quốc), nơi mà Nhà nước kiến tạo phát triển đạt cực thịnh vào giai đoạn cuối những năm 80 đến cuối những năm 90 thế kỷ XX.

**Bảng 3. Lãnh đạo Tư pháp viện Đài Loan
(Trung Quốc) từ năm 1987**

Tên	Nhiệm kỳ	Đảng	Nền tảng	Thâm niên	Năng lực
Lín Yang-kang	1987-1994	KMT ¹	Kiểm nhiệm	x	
Shih Chi-yang	1994-1999	KMT	Kiểm nhiệm, Giáo sư luật	x	x
Weng Yue-sheng	1999-2007	Không	Giáo sư luật		x
Lai In-jaw	2007-2010	Không	Kiểm nhiệm, Giáo sư luật		x
Rai Hau-min	2010-2016	Không	Luật sư		x

Dựa vào bảng trên có thể thấy, trong thời kỳ theo đuổi hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển, Quốc dân đảng ở Đài Loan (Trung Quốc) đã đưa người của mình vào ghế lãnh đạo tòa án và việc lựa chọn này hầu hết dựa vào thâm niên cũng như vị trí của họ trong đảng. Sau đó,

1. Tức Kuomintang, hay là Quốc dân đảng.

những người không đảng phái, không có nền tảng kiêm nhiệm chức danh trong nhánh hành pháp mới được lựa chọn hoàn toàn dựa trên năng lực. Thực tế này phần nào phản ánh việc các nguyên tắc cơ bản của một nền pháp quyền, đó là sự phân chia quyền lực và độc lập tư pháp đã không thực sự được coi trọng ở các nhà nước kiến tạo phát triển¹. Điều này có một phần nguyên nhân từ việc đảng cầm quyền ở các nhà nước này mong muốn kiểm soát một cách chặt chẽ Nhà nước, tránh mất đi quyền lợi chính trị của mình.

Về vấn đề nhân sự, một trong những đặc trưng của Nhà nước kiến tạo phát triển đó là việc sử dụng đội ngũ tinh hoa. Trên thực tế, các đảng chính trị thường tập hợp đội ngũ dựa trên một đường lối hay một ý thức hệ nào đó. Đối với các nhà nước kiến tạo phát triển, chủ thuyết phát triển đã tạo nên một sự đồng thuận lớn của các trí thức tinh hoa². Đội ngũ tinh hoa được chiêu nạp và sử dụng dưới một đường lối duy nhất, đó là hướng tới sự

1. Riêng Đài Loan (Trung Quốc) theo đuổi một nguyên tắc tổ chức đặc biệt với tên gọi “Ngũ quyền hiến pháp” chứ không phải mô hình tam quyền phân lập thông thường. Xem thêm Tô Văn Hòa, *Đậu Công Hiệp: Tư tưởng “ngũ quyền hiến pháp” của Tôn Trung Sơn và sự vận dụng trong Hiến pháp Đài Loan năm 1946*, Tạp chí Luật học, tháng 12/2016.

2. Pauline Debanes, Sébastien Lechevalier: *Resurgence of the Concept of the Developmental State: Which Empirical Reality for Which Theoretical Revival?*, Critique internationale, No. 63, 2014.

phát triển. Nguyên nhân khiến cho đảng cầm quyền ở các nhà nước kiến tạo phát triển dễ dàng tìm kiếm được sự ủng hộ của giới tinh hoa có thể tóm lại trong vài ý như sau: (1) Chủ nghĩa tập thể được đề cao trong khi chủ nghĩa cá nhân bị coi là một điều xấu¹ phần nào làm tăng cường sự gắn kết của giới tinh hoa khi họ được quy tụ dưới một bộ máy lãnh đạo biết lắng nghe và sử dụng mình; (2) Giới tinh hoa được quy tụ và sử dụng bởi một đội ngũ lãnh đạo mạnh và có sức ảnh hưởng lớn² và (3) Giới tinh hoa được tạo một môi trường làm việc và thăng tiến hợp lý. Một điển hình cho sự thành công trong chính sách nhân sự là ở Xingapo, trong giai đoạn đầu, Đảng Hành động nhân dân (PAP) đã thông qua các mối quan hệ gần gũi của Viện Raffle cũng như qua các cá nhân để kết nối những người xuất sắc, có tư tưởng giống nhau và phần lớn là gốc Hoa để tạo nên nhóm thân cận với lãnh tụ Lý Quang Diệu³. Thực tiễn cho thấy, chính sách dùng người của các nước có sự khác biệt nhất định (điều này

1. Điển hình như ở xã hội Nhật Bản, xem thêm M. Y. Yoshino: *Hệ thống quản lý của Nhật Bản - Truyền thống và sự đổi mới*, Viện Kinh tế thế giới, Hà Nội, 1987, tr. 85.

2. Điển hình như các nhà lãnh đạo ở Xingapo (Lý Quang Diệu), Hàn Quốc (Park Chung Hee).

3. Kum Byung Kook, Ezra F. Vogel: *Kỷ nguyên Park Chung Hee và quá trình phát triển thần kỳ của Hàn Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr. 816.

sẽ được làm rõ hơn ở phần sau) nhưng tất cả đều hướng tới sự gắn kết và tổ chức hiệu quả nhất năng lực của đội ngũ tinh hoa xã hội nhằm mục đích cuối cùng là tạo nên một bộ máy nhà nước có thể thực thi một cách nhanh gọn và chính xác các chính sách phát triển.

- Về chủ trương, đường lối của đảng cầm quyền và sự thể chế hóa của chúng:

Phải nói rằng, đặc trưng của các nhà nước kiến tạo phát triển là ở các chính sách thúc đẩy kinh tế phát triển. Tuy nhiên, không có mẫu số chung nào cho các chính sách này mà chúng được hình thành một cách rất đa dạng tùy theo thực tế các nước. Trong khi Nhật Bản và Hàn Quốc đầu tư mạnh mẽ vào công nghiệp thì Xingapo lại chọn cách mở cửa cho các công ty đa quốc gia còn Đài Loan (Trung Quốc) lại hỗ trợ tập trung vào các công ty vừa và nhỏ trong lĩnh vực công nghệ. Bản thân mỗi nước trong từng giai đoạn, từng quá trình phát triển lại có những chính sách đa dạng khác nhau. Chúng có thể là chính sách thuế, chính sách tín dụng, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp mới nổi, chính sách tỷ giá, v.v. nhưng phải nói rằng, sự vận dụng một cách chính xác và phù hợp của mỗi chính sách trong từng giai đoạn mới là mấu chốt cho sự thành công của các nhà nước này. Để có được sự vận dụng đó, vấn đề đặt ra là bằng cách nào Nhà nước có thể nắm bắt và sớm đề ra được những chính

sách đúng đắn nhất. Chìa khóa không chỉ nằm ở năng lực của đội ngũ kỹ trị mà chủ yếu là nằm ở sự gắn kết giữa Nhà nước với giới doanh nghiệp. Linh hồn của phát triển là doanh nghiệp và đây cũng là nơi xuất phát các chính sách kinh tế bởi các chính sách này phải xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp và phục vụ cho nhu cầu đó một cách tốt nhất. Chính các doanh nghiệp được ưu ái và hỗ trợ sẽ phải nắm bắt cơ hội mà Nhà nước có thể tạo ra cho mình. Vì vậy, thông qua mối liên hệ giữa giới doanh nghiệp với các nhà chính trị, những chính sách thích hợp có thể được đề ra và thi hành nhanh chóng. Một ví dụ điển hình, đó là ở Đài Loan (Trung Quốc) vào những năm 80 của thế kỷ XX có Văn phòng Phát triển công nghiệp (IDB) bao gồm khoảng 200 kỹ sư, chuyên gia, nhà kinh tế. Họ phải đến giám sát các doanh nghiệp trong ngành mà mình quan tâm ít nhất vài ngày trong một tháng. Mục đích của việc giám sát này là để tìm kiếm các chính sách và biện pháp hành chính phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp¹. Có một đặc thù trong mối quan hệ phức tạp giữa các chính trị gia, công chức với doanh

1. Robert H. Wade: *Bringing the State Back In: Lessons from East Asia's Development Experience*, This article is published simultaneously in the book *Towards a prosperous wider Europe. Macroeconomic policies for a growing neighborhood*, edited by Michael Dauderstädt, Friedrich-Ebert-Foundation, Bonn, 2005.

ng nghiệp trong Nhà nước kiến tạo phát triển đó là tính kỷ cương rất cao¹. Mặc dù duy trì một mối liên hệ thân cận với doanh nghiệp nhưng điều đó không có nghĩa là giới chính trị biến các doanh nghiệp thành sân sau và phục vụ tham nhũng. Nhà nước thưởng cho doanh nghiệp quản lý tốt và trừng phạt doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả. Vì vậy, xét về bản chất, mối quan hệ này vẫn giữ được mức độ trong sáng, lành mạnh nhất định và tham nhũng không bùng phát quá mức. Các chính sách cấp phép, cho vay là cách thức chủ yếu mà Nhà nước sử dụng để kích thích doanh nghiệp.

Xét về vấn đề thể chế hóa và thực thi chính sách, việc đảng cầm quyền nắm trong tay bộ máy Nhà nước, đặc biệt là nhánh lập pháp và hành pháp là con đường thuận tiện nhất để thực hiện điều này. Quá trình cầm quyền lâu dài của một đảng lại khiến cho gần như đảng và Nhà nước hợp nhất với nhau. Với điều này, chính sách của đảng cầm quyền sẽ nhanh chóng được chuyển hóa thành pháp luật và thực thi tốt hơn. Nền tảng về chính trị vững chắc chính là một trong những yếu tố làm tăng tính hiệu quả của các chính sách công nghiệp. Mặc dù đề ra đời các chính sách, một vấn đề không thể tránh khỏi đó là những tranh cãi trong nội bộ đảng, điển hình như

1. Ziya Onis: *The Logic of the Developmental State*, Comparative Politics, Vol. 24, No. 1 (Oct., 1991).

là về trật tự công nghiệp ở Nhật Bản trong những năm 60¹ của thế kỷ XX, nhưng một khi đã được thể chế hóa, chúng sẽ được thực thi nghiêm túc. Đây cũng chính là một điểm mạnh trong mô hình quản trị của Nhà nước kiến tạo khi nó được một đảng cầm quyền kiểm soát và vận hành một cách chặt chẽ.

2. Nhà nước kiến tạo phát triển và đảng đối lập

Ở các nhà nước kiến tạo phát triển châu Á, hiện tượng liên minh các đảng phái để hình thành chính phủ thường không xảy ra do ưu thế quá lớn của một đảng cầm quyền liên tục. Vì vậy, tính chất “đối lập” của các đảng thiểu số lại càng thể hiện rõ ràng. Hiện tượng các đảng nhỏ liên minh hay thỏa hiệp với đảng lớn như vẫn xảy ra ở các nước Italia, Đức² là không nhiều và phần nào khiến cho mâu thuẫn giữa các đảng đối lập với đảng cầm quyền trở nên gay gắt hơn. Nhà nước, do bị kiểm soát bởi đảng cầm quyền, cũng trở nên cứng rắn hơn với các lực lượng mang tính đối lập này. Vai trò của đảng đối lập với một Nhà nước nói chung thể hiện ở hai khía cạnh cơ bản, đó là kiểm chế và cộng tác. Mặt kiểm chế thể hiện các đảng

1. Ryotaro Komiya, Masahiro Okuno, Kotaro Suzumura: *Chính sách công nghiệp Nhật Bản*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 107.

2. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Luật hiến pháp nước ngoài*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2015, tr. 182.

đối lập có thể làm được những việc như: (1) Đưa ra các ý kiến phủ nhận và vạch ra những điều sai trái của chính quyền; (2) Tăng cường sự minh bạch của chính quyền khi gây sức ép buộc họ phải công khai tranh luận; (3) Hỗ trợ cho nguyên tắc phân chia quyền lực thông qua việc tận dụng xu thế kiểm chế, đối trọng giữa các cơ quan; và (4) Tạo nên môi trường cạnh tranh chính trị, qua đó làm lành mạnh hóa các hoạt động chính trị. Mặt cộng tác thể hiện ở: (1) Giúp chính quyền thu lượm được những dấu hiệu về niềm tin của công chúng dành cho mình; (2) Tạo nên không khí đoàn kết nhờ sự đồng thuận với chính quyền trong những trường hợp tối cần thiết; và (3) Cho phép một đất nước xoay chiều, đổi hướng mà không làm tổn thương đến sự liên tục của sinh hoạt chính trị¹. Dựa vào những khía cạnh trên, chúng ta có thể thấy mối liên hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển với đảng đối lập được biểu hiện như sau:

- *Thứ nhất*, việc Nhà nước kiến tạo phát triển thường không ủng hộ các đảng đối lập có thể được giải thích một cách dễ hiểu. Trước hết các đảng đối lập có xu hướng chống lại sự lãnh đạo của đảng cầm quyền với Nhà nước. Khi các đảng cầm quyền đã nắm giữ Nhà nước quá lâu và quen dần với việc đó, họ sẽ dần tìm cách làm yếu đi sự

1. Nguyễn Văn Bông: *Luật hiến pháp và chính trị học*, Sài Gòn, 1967.

cạnh tranh của đảng đối lập. Mỗi quốc gia, mỗi thời kỳ lại có những cách thức khác nhau để kiềm chế sự cạnh tranh của phe đối lập, và cách thức để kiềm chế đối lập đơn giản nhất là không cho chúng tồn tại và chặn tiếng nói của chúng. Chẳng hạn ở Xingapo, Lý Quang Diệu đã tìm cách duy trì sự lãnh đạo của PAP thông qua thao túng các khu vực bầu cử và kiểm soát hệ thống báo chí chính thống. Ông giải thích cho điều này như sau: *“Tự do báo chí, tự do truyền thông tin tức đều phải lệ thuộc vào nhu cầu bảo vệ sự toàn vẹn của Xingapo”*¹. Hệ quả của một hệ thống chính trị mà Nhà nước gắn bó khăng khít với đảng cầm quyền đồng thời có xu hướng kiềm tỏa đối lập là sự tồn tại lâu dài của chính quyền đơn đảng. Để bảo vệ cho điều này, các học giả cũng như chính trị gia trình bày những quan điểm mang màu sắc của thuyết vị lợi (utilitarianism)², chẳng hạn như là hệ thống đa đảng có thể làm chậm quy trình ra quyết định và sự nhanh nhạy khi điều hành đất nước vượt qua một môi

1. <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/quoc-te/2015-03-24/liem-chinh-trung-thuc-va-nhung-di-san-khong-lo-cua-ly-quang-dieu-19112.aspx>

2. Thuyết vị lợi hay chủ nghĩa vị lợi là một đường lối đề cao việc đáp ứng những nhu cầu cấp thiết trước mắt và có xu hướng lãng quên những giá trị xa vời. Xem thêm: Đỗ Minh Hợp, Trần Thanh Giang, *Chủ nghĩa vị lợi nhìn từ góc độ đạo đức học*, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 2010, tr. 149-155.

trường và thế giới luôn biến động¹. Bên cạnh đó, trong bối cảnh các nhà nước kiến tạo phát triển có sự gắn bó sâu sắc với giới doanh nghiệp, những yêu sách của đảng đối lập có thể tác động trực tiếp và mạnh mẽ tới quyền lợi kinh tế của họ. Vì thế nên Nhà nước lại càng có xu thế chống lại tiếng nói đối lập một cách mạnh mẽ hơn. Một sự thật khách quan đó là với một hình mẫu theo đuổi sự phát triển dựa vào việc hỗ trợ cho một thiểu số chủ tư bản, tiếng nói đối lập lại càng có khả năng gia tăng vì những bất công mà Nhà nước đó gây ra. Vì vậy, Nhà nước lại càng e ngại những sự vạch trần bất công mà các lực lượng đối lập có thể gây ra. Phản ứng của các đảng đối lập cũng rất đa dạng, có thể là tổ chức các phong trào biểu tình như ở Hàn Quốc hoặc đơn giản là tẩy chay bầu cử bằng cách kêu gọi cử tri không đi bầu như ở Xingapo².

- *Thứ hai*, sự tác động ngược lại của các đảng phái chính trị đối lập tới Nhà nước kiến tạo phát triển cũng thể hiện những điểm rất đặc biệt. Cần phải thấy rằng,

1. Multi-party political system could ruin Singapore: Ong Ye Kung, TODAY, ngày 24/01/2017.

2. Một cách trái ngược, sự tẩy chay của các đảng nhỏ đối lập tại Xingapo như Đảng xã hội chủ nghĩa Barisan, Liên đoàn người Mã Lai.v.v. lại không mang lại thành công mà còn khiến cho PAP giữ vị trí lãnh đạo của mình một cách liên tục trong nhiều năm. Theo Stephanie Ho, *History of general elections in Singapore*, singaporeinfopedia, http://eresources.nlb.gov.sg/infopedia/articles/SIP_549_2004-12-28.html

mầm mống của sự đổi lập luôn luôn tồn tại trong mọi xã hội, đặc biệt là trong bối cảnh xã hội đó bị cai trị bởi một Nhà nước có xu hướng can thiệp và chấp nhận sự bất công (ít nhất là trong kinh tế). Vì vậy, thực sự các nhà nước không thể nào dập tắt được sự đổi lập mà ngược lại, các đảng đổi lập luôn tìm cách để vươn lên và vượt qua mọi thử thách. Thực tế cho thấy, các đảng đổi lập ở Nhật Bản, Hàn Quốc đã dần thay thế các đảng cầm quyền truyền thống trong thời gian thối trào của hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển. Điều này có thể được giải thích như sau: (1) Các đảng cầm quyền bị mất niềm tin vào khả năng lãnh đạo đất nước sau khi trào lưu tự do hóa kinh tế bắt đầu và cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 nổ ra¹; (2) Các phong trào đổi lập đòi hỏi dân chủ hóa, bình đẳng trong chính sách kinh tế, gia tăng phúc lợi xã hội ngày càng gây nên sức ép tới sự lãnh đạo của các đảng chính trị truyền thống. Các đảng đổi lập thường tận dụng sự ủng hộ từ những thành phần có xu hướng đòi hỏi dân chủ và chống bất công xã hội như sinh viên, nhà báo, công nhân để thực hiện các phong trào nhằm giành lấy chính quyền. Quá trình này đôi khi gây ra những biến động xã hội to lớn và phần nào khiến

1. Theo Carlos Aguiar de Medeiros: *The Political Economy of the Rise and Decline of Developmental States*. Panoeconomicus, 2011, vol. 58, issue 1, pp. 43-56.

Nhà nước không còn mang đúng hình mẫu kiến tạo phát triển của nó nữa. Việc giải quyết những mâu thuẫn này làm cho những đặc trưng cơ bản của hình mẫu này phai mờ dần đi. Đó có thể coi là một hướng tác động của đảng đối lập ở các nhà nước kiến tạo phát triển. Sự lên ngôi của các đảng đối lập cũng là dấu chấm cho giai đoạn các quốc gia theo đuổi hình mẫu này và hướng tới một con đường dân chủ hơn.

Mối quan hệ giữa đảng chính trị với Nhà nước kiến tạo phát triển thể hiện một cách rõ nét các đặc trưng của hình mẫu Nhà nước này. *Thứ nhất*, sự gắn bó giữa đảng cầm quyền với Nhà nước và việc đảng đối lập bị đè nén chính là cơ sở để một Nhà nước kiến tạo phát triển trở nên chuyên chế hơn. *Thứ hai*, việc duy trì sự lãnh đạo dài lâu của một đảng cầm quyền sẽ tạo nên một đội ngũ tinh hoa trong bộ máy Nhà nước. Lý Quang Diệu giải thích điều này như sau: “*Vấn đề lớn nhất với hệ thống lưỡng đảng là một khi nó đã hình thành, những người giỏi nhất sẽ chọn không tham dự vào chính trị. Được bầu sẽ là một canh bạc. Những chiến dịch tranh cử sẽ có xu hướng trở nên vô văn hóa, thậm chí ác hiểm một cách không cần thiết. Nếu bạn có tài và đang làm tốt công việc của mình, tại sao bạn lại mạo hiểm - không chỉ lợi ích của chính mình mà còn của gia đình - bằng việc ra tranh cử? Bạn có lẽ sẽ thích tránh xa phiền phức và tận hưởng*

cuộc sống thoải mái của mình”¹. Tuy nhiên, chính những đặc trưng đó lại khiến Nhà nước kiến tạo phát triển rơi vào một vòng xoáy khủng hoảng. Thành quả của nó với một xã hội sung túc hơn trong khi chênh lệch giàu nghèo tăng cao đã gây ra sức ép để các thế lực đối lập tiến lên giành quyền kiểm soát Nhà nước. Và đây cũng là dấu chấm hết cho một hình mẫu đã từng được coi là lý tưởng cho sự phát triển.

II. THỰC TIỄN MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VÀ ĐẢNG CHÍNH TRỊ Ở MỘT SỐ QUỐC GIA

Đời sống chính trị ở các quốc gia đi theo hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển rất đa dạng, nó không chỉ chịu ảnh hưởng từ xu hướng đó mà còn từ các hoàn cảnh lịch sử, quan hệ quốc tế. Vì vậy, sự biểu hiện của mối quan hệ giữa Nhà nước với đảng chính trị ở đây cũng có những sự chênh lệch nhau nhất định.

1. Nhật Bản

Chính trị Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai có nhiều thay đổi và biến động lớn. Các đảng phái

1. Lee Kuan Yew: “Singapore: Politics”, in L.K. Yew, *One Man’s View of the World* (Singapore: Straits Times Press), 2013, pp. 205-216.

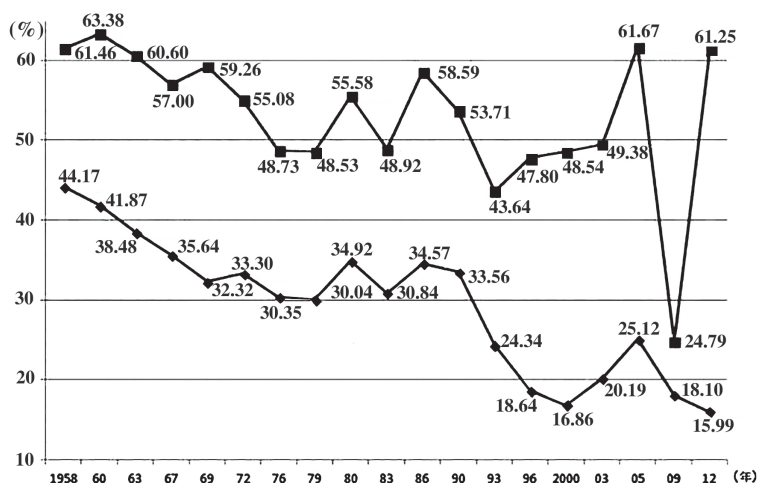
ra đời, sáp nhập và biến đổi trên nền tảng hai chính đảng lớn trước chiến tranh là Seiyukai và Minseito, đó là chưa kể các thành tố mới nổi như các đảng cánh tả và đảng cộng sản¹. Tuy nhiên, giai đoạn được coi là khởi đầu của Nhà nước kiến tạo phát triển lại gắn với một chính đảng mang tính cách bảo thủ, đó là Đảng Dân chủ tự do (LDP) với đường lối bảo thủ. Một cách tổng quát, lịch sử cho thấy một thời gian lãnh đạo lâu dài của Đảng này trên chính trường Nhật. Sơ đồ 3² cho thấy rằng, Đảng này duy trì một tỷ lệ ghế (đường phía trên) khá cao trong Hạ viện với số phiếu bầu (đường phía dưới) tỷ lệ thuận theo. Thời kỳ nắm quyền của LDP được xác định là từ năm 1955 đến năm 1993 khi Đảng này thất bại trong việc nắm đa số trong Hạ viện và buộc phải dừng bước trước liên minh Đảng Xã hội dân chủ, Đảng Phục sinh, Đảng Tiên phong, Komeito, Tân Đảng Nhật Bản, Đảng Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Liên minh xã hội dân chủ. Đó cũng là giai đoạn thoái lui của hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển. Có thể thấy, thời gian cầm quyền lâu dài của LDP đã phản ánh rõ nét một đặc trưng cơ bản trong mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển với

1. John W. Masland: *Post-War Government and Politics of Japan*, The Journal of Politics, Vol. 9, No. 4 (Nov., 1947), pp. 565-587.

2. <https://www.quora.com/Why-has-the-Liberal-Democratic-Party-of-Japan-been-in-power-for-so-long>

đảng cầm quyền. Ngay cả sau khi mất độc quyền lãnh đạo, Đảng này vẫn là một trong những tổ chức chính trị có ảnh hưởng lớn đối với Nhật Bản và đôi khi quay lại giành lấy chính trường trong thời gian tương đối dài¹.

Sơ đồ 3. Tỷ lệ dân biểu Hạ viện của LDP



Khác với các chính đảng của Mỹ vốn được tổ chức tương đối lỏng lẻo, trong những năm nắm quyền của mình, LDP đã thiết lập và xây dựng nên một bộ máy

1. LDP quay lại nắm quyền tiếp tục trong giai đoạn 1996-2009 và lại tiếp tục có xu hướng quay lại nắm chính trường trong những năm gần đây với chính sách tăng cường sức mạnh quân đội. Đảng này thường liên minh với đảng New Komeito trong trường hợp chưa nắm đủ đa số.

tinh vi với mục đích lãnh đạo Nhà nước một cách hoàn hảo nhất. Về mặt tổ chức¹, cơ quan cao nhất của LDP là Đại hội Đảng, họp thường kỳ vào tháng giêng hàng năm với thẩm quyền cao nhất nhưng thực tế lại chỉ mang tính hình thức vì trước khi họp đại hội, phần lớn công việc đã được thỏa thuận sẵn. Dưới sự lãnh đạo của chủ tịch đảng, các cơ quan có vai trò quyết định trong việc hình thành đường lối và chính sách của LDP là Hội đồng phụ trách các vấn đề chung với quyền phê chuẩn về nhân sự cũng như chính sách, Hội đồng nghiên cứu các vấn đề về chính sách có sự tham gia của các nhà khoa học để xây dựng các chính sách và dự luật. Để lãnh đạo Nhà nước và trực tiếp là Quốc hội (đặc biệt là Hạ viện), LDP còn thường tổ chức cuộc họp toàn thể các nghị sĩ của Đảng để quyết định nốt những vấn đề còn đang tranh cãi trước khi đưa ra một đề nghị thống nhất cho Hạ viện phê chuẩn.

Nhìn chung, mối quan hệ giữa Nhà nước và LDP trong thời kỳ Đảng này cầm quyền, và nhất là trong giai đoạn 1955-1993 được thể hiện như sau:

- Đầu tiên, LDP lãnh đạo toàn diện Nhà nước thông qua một đội ngũ chính trị gia và những nhà kỹ trị. Thẩm

1. <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2008/3330/Ve-dang-Dan-chu-tu-do-cam-quyen-o-Nhat-Ban.aspx>

quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Đảng là một tập thể chính trị gia trong Hội đồng phụ trách các vấn đề chung nhưng các chính sách được xây dựng chủ yếu bởi Hội đồng nghiên cứu các vấn đề về chính sách, nơi quy tụ cả các chuyên gia, nhà khoa học. Mối liên hệ giữa giới chính trị với giới đội ngũ thư lại tinh hoa rất đặc biệt. Trong khi giới thư lại tinh hoa được đưa vào bộ máy nhà nước (chẳng hạn như Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế - MITI hay Bộ Tài chính - MOF) có vai trò thực thi và vận hành các chính sách với mức độ tự chủ cao thì các chính trị gia đóng vai trò như một “van an toàn” nhằm bảo vệ cho đội ngũ đó tránh khỏi những ảnh hưởng chính trị không đáng có¹ từ đó giảm bớt sự chông chéo giữa đội ngũ chính trị và hành chính. Bên cạnh đó, đảng cầm quyền cũng là con đường tạo nên sự gắn kết công - tư, điều vốn được coi là yếu tố tạo nên thành công cho hình mẫu Nhật Bản. Sự liên kết này được giải thích bằng một chuỗi các thành tố, trong đó có cả sự tham gia của các tổ chức trung gian, sở hữu chéo giữa các doanh nghiệp và các hình thức liên kết doanh

1. Michio Muramatsu, Ellis S. Krauss: *The Conservative Policy Line and the Development of Patterned Pluralism*, “The Conservative Policy Line and the Development of Patterned Pluralism,” in Kozo Yamamura and Yasukichi Yasuba (eds.), *The Political Economy of Japan*, Stanford, Calif.: Stanford University Press, 1987, p. 225.

ngiệp như cartel¹. Tuy nhiên, trong đó không thể bỏ qua vai trò của giới chính trị và quan chức, cụ thể, rất nhiều chính sách của nước Nhật thời kỳ này ảnh hưởng từ các cựu quan chức đã tham gia vào các hãng tư nhân sau khi nghỉ hưu². Họ được gọi là *amakudari*, một từ có nghĩa gần như là “giáng phàm”³. Đây là con đường mà chính sách của nhà nước có thể thâm thấu và thi hành một cách triệt để nhất cho đến tận từng doanh nghiệp.

Nói chung, sự lãnh đạo của Đảng LDP đối với Nhà nước thể hiện một số điểm nổi bật như sau⁴: (1) Quá trình cầm quyền của LDP là sự tiếp nối và duy trì quyền lực của các lực lượng lãnh đạo trước đó. Từ trước chiến tranh, nước Nhật đã có một nền tảng kinh tế tương đối vững chắc với đội ngũ lãnh đạo hùng hậu. Việc Nhật Bản thua cuộc chỉ khiến giới quân sự bị mất quyền chứ không

1. William Mass, Hideaki Miyajima, *The Organization of the Developmental State: Fostering Private Capabilities and the Roots of the Japanese “Miracle”*, Business and economic history, Volume Twenty-two, no. 1, Fall 1993.

2. Nasir Tyabji: *Reviewed Work: MITI and the Japanese Miracle: The Growth of Industrial Policy, 1925-75* by Chalmers Johnson, Social Scientist Vol. 12, No. 4 (Apr., 1984), p. 84.

3. Peter B. Evans: *Predatory, Developmental, and Other Apparatuses: A Comparative Political Economy Perspective on the Third World State*, Sociological Forum, Vol. 4, No. 4, 1989, p. 574.

4. M. Y. Yoshino: *Hệ thống quản lý của Nhật Bản - Truyền thống và sự đổi mới*, Viện Kinh tế thế giới, Hà Nội, 1987, tr. 72 - 73.

chấm dứt dòng chảy quyền lực khi các cựu lãnh đạo bảo thủ trước chiến tranh lại phục hồi với tư cách LDP. Đây có thể coi là cơ sở chính trị quan trọng cho sự duy trì quyền lực của Đảng này. (2) Mặc dù chính nội bộ LDP cũng đối mặt với xung đột, bè phái nhưng với một mục đích và chương trình hành động chung, Đảng này đã duy trì được sự ổn định để tạo nên thành công mà rất ít đảng phái chính trị ở châu Á có thể đạt được. Bên cạnh đó sự ủng hộ của các tập đoàn kinh doanh cũng là một cơ sở vững chắc khác cho sự lãnh đạo của LDP trong nhiều chục năm.

- Tiếp theo, cần nhìn nhận tới cả mối quan hệ và tác động của các đảng đối lập đến Nhà nước Nhật Bản. Với tư cách là lực lượng đối lập, dĩ nhiên các đảng này luôn lăm le chiếm lấy quyền kiểm soát Nhà nước từ tay LDP. Để làm được điều đó, các đảng đối lập phải thực hiện những biện pháp và hoạt động khác nhau như¹:

(1) Đề ra những chính sách mà đảng cầm quyền chưa làm tốt. Một trong những xu hướng mà các đảng này thường nhắm đến là các chính sách an sinh xã hội. Việc các đảng đối lập nhấn mạnh vào những yếu tố như lương tối thiểu, trợ cấp hưu trí, trợ cấp trẻ em chính là sự tấn công vào các vấn đề xã hội mà chính quyền LDP

1. Hồ Việt Hạnh: *Đảng đối lập kiểm soát chính quyền - Tình huống chính trị đặc biệt của Nhật Bản*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 9/2009.

đang mắc phải như già hóa dân số, tỷ lệ sinh thấp. Đây có thể coi là những vấn đề mang tính thời đại chứ không đơn thuần do Nhà nước gây ra nhưng việc LDP không giải quyết tốt được chúng cũng là cơ hội cho các đảng đối lập chống lại.

(2) Tác động vào quá trình lập pháp. Khi số ghế trong Quốc hội của LDP giảm dần, các đảng đối lập đã liên tục gia tăng áp lực và yêu sách để LDP phải thỏa hiệp với họ. Sự thất bại của dự luật về các ngành đặc biệt, trong đó cho phép một số ngành cần tăng cường cạnh tranh quốc tế được tạo nên các liên minh thương mại đã bị phản đối do vi phạm nguyên tắc chống độc quyền là một minh chứng cho thấy sức mạnh từ các đảng đối lập đôi khi cũng khiến cho đảng cầm quyền phải xem xét lại dự tính của mình.

Tác động của các đảng đối lập là không thể coi thường, đặc biệt là ở chỗ nó có thể làm thay đổi đường lối của nhà nước mà trước hết là đảng cầm quyền truyền thống. Một minh chứng rõ ràng là chính LDP cũng phải có những sự thay đổi để tiếp tục duy trì quyền lực. Trong Cương lĩnh chính trị năm 1985, LDP đã thể hiện một số biến chuyển về chính sách so với thời kỳ trước. Đầu tiên là ở chỗ gia tăng phúc lợi với mong muốn tạo ra một “Nhà nước phúc lợi nhân dân”.

Tóm lại, đời sống chính trị ở Nhật Bản thể hiện một cách rõ nét những đặc trưng trong mối quan hệ giữa

đảng chính trị với Nhà nước kiến tạo phát triển. Tuy diễn biến của đời sống đó không xảy ra những biến cố lớn như ở Hàn Quốc (sẽ được đề cập ở phần sau), nhưng những mâu thuẫn là hết sức rõ ràng. Bản chất của Nhà nước kiến tạo phát triển là ở chỗ, nó tạo ra những xu hướng trái ngược và kéo theo đó là những đấu tranh không ngừng giữa bảo hộ và cạnh tranh, phát triển và an sinh, dân chủ và ổn định. Nhật Bản là nơi chứng kiến những yếu tố trên được đẩy vào vòng xoáy quyền lực của các thế lực chính trị. Nó cũng góp phần khiến cho Nhà nước kiến tạo phát triển ở nơi đây phát sinh, tồn tại, thăng hoa và suy vong.

2. Hàn Quốc

Một trong những điểm khác biệt nổi bật trong lịch sử Hàn Quốc và Nhật Bản thời kỳ đầu xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển đó là: nếu như giới quân phiệt Nhật bị mất hoàn toàn quyền lực và Nhà nước được lãnh đạo bởi giới chính trị thì nói đến Hàn Quốc không thể không nhắc tới thời kỳ độc tài quân sự nắm quyền trong một thời gian dài¹. Sinh ra từ sau chiến tranh Hàn Quốc - Nhật Bản với nhiều sĩ quan là những người đã từng đi

1. Thời kỳ này gắn với giai đoạn cầm quyền của nhà độc tài Park Chung Hee (1961-1979), xem thêm Lê Tùng Lâm: *Hàn Quốc dưới chế độ độc tài phát triển Park Chung Hee (1961-1979)*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.

lính cho Nhật, chế độ quân quản Hàn Quốc không ổn định về chính trị và nhiều cuộc đảo chính xảy ra¹ đã tác động một cách to lớn tới lịch sử Hàn Quốc giai đoạn này và góp phần tạo nên những nét đặc thù trong mối quan hệ giữa Nhà nước với đảng chính trị ở đất nước này. Một cách tổng quát, sự thiếu ổn định về chính trị ở Hàn Quốc có mầm mống từ sự thiếu chính danh của chính quyền quân sự và sự tranh chấp giữa các phe phái, đặc biệt là giữa phe đòi hỏi dân chủ với giới cầm quyền chuyên chế. Nếu như sự thay đổi về chính trị ở Nhật Bản diễn ra khá êm đềm và theo đúng luật chơi chính trị thì ở Hàn Quốc, sau khi Park Chung Hee bị ám sát, Đảng Dân chủ tự do (DRP) do Park Chung Hee lãnh đạo cũng bị xóa bỏ và thay thế. Dù vậy, trong một thời gian khá dài, Đảng này đã nắm quyền lãnh đạo gần như tuyệt đối. Bảng sau² cho thấy giai đoạn nắm quyền lâu dài của DRP tại Quốc hội Hàn Quốc.

1. Park Chung Hee lên nắm quyền sau một cuộc đảo chính năm 1961 và bị ám sát năm 1979. Kể từ đó đến khi ban hành Hiến pháp dân chủ (1987), Hàn Quốc lần lượt bị cai trị bởi Thủ tướng Choi Kyuhah, Tướng Chun Doohwan và Rho Taewoo. Xem thêm: Nguyễn Anh Thái (Chủ biên): *Lịch sử thế giới hiện đại (1917-1995)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013, tr. 312.

2. Tổng hợp từ: Aurel Croissant: *Electoral Politics in South Korea*, trích từ *Electoral politics in Southeast & East Asia*, Friedrich-Ebert-Stiftung, Office for Regional Co-Operation in Southeast Asia, Singapore, 2002, pp. 263-269.

**Bảng 4. Vị trí của DRP trong Quốc hội Hàn Quốc
(1963-1978)**

Năm	Tổng số ghế	Vai trò	Lãnh đạo Đảng
1963	110/175	Đa số	Park Chung Hee
1967	129/175	Đa số	Park Chung Hee
1971	113/204	Đa số	Park Chung Hee
1973	146/219	Đa số	Park Chung Hee
1978	145/231	Đa số	Park Chung Hee

Một kết quả tương tự cũng được biểu hiện trong các kỳ bầu cử tổng thống với việc Park Chung Hee nắm chức vụ này liên tục tới khi bị ám sát. Và mặc dù đảng bị giải thể vào năm 1980 nhưng trong 7 năm tiếp theo, Hàn Quốc vẫn được dẫn dắt bởi một chính đảng được coi là tiếp nối của DRP, đó là Đảng Dân chủ công lý (DJP). Đảng này lần lượt nắm 151/276 và 148/276 phiếu vào các cuộc bầu cử năm 1981, 1985 và trở thành đảng thiểu số vào năm 1988 với 125/299 phiếu. Như vậy, có thể thấy rằng, sự lãnh đạo của DRP (và sau đó là DJP) trong hơn một phần tư thế kỷ chính là một biểu hiện rõ ràng của sự lãnh đạo dài lâu của các đảng cầm quyền ở Nhà nước kiến tạo phát triển. Sự lãnh đạo này thể hiện ở chỗ, cả Quốc hội lẫn chức danh tổng thống đều do các đảng này kiểm soát. Mặc dù cả hai đều được hình thành thông qua các cuộc bầu cử phổ thông do chính thể của Hàn Quốc là

cộng hòa lưỡng tính¹ song vị thế chính trị của đảng cầm quyền được thể hiện rõ rệt khi họ chiến thắng ở cả hai cuộc bầu cử này. Để thấy được một cách sâu sắc hơn mối quan hệ giữa Nhà nước và đảng chính trị ở Hàn Quốc, có thể xem xét một số góc độ sau²:

- Sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền DRP đối với Nhà nước tương đối phức tạp. Đảng này được thiết lập nên trên cơ sở những sĩ quan quân đội thân cận với Park Chung Hee và phần lớn là những người tốt nghiệp Khóa 8, Học viện quân sự Hàn Quốc. Sau nhiều cuộc tranh giành quyền lực nội bộ, DRP đã trở thành một tổ chức xoay xung quanh lãnh tụ Park Chung Hee với những thiết chế đặc biệt để kiểm soát và vận hành Nhà nước. Qua đó, bộ máy Nhà nước thời kỳ này được mệnh danh như một Leviathan³ có sức mạnh to lớn. Để bảo vệ quyền lực của mình cũng như của đảng, Park Chung Hee

1. Bùi Tiến Đạt: *Nhận diện chính thể “cộng hòa lưỡng tính”*, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Chuyên san Kinh tế - Luật, số 23/2007.

2. Phần này nhóm tác giả tham khảo chủ yếu từ Kim Byung Kook, Ezra F. Vogel: *Kỷ nguyên Park Chung Hee và quá trình phát triển thần kỳ của Hàn Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.

3. Leviathan là tên một con thủy quái trong kinh thánh được học giả người Anh Thomas Hobbes dùng để miêu tả một chính quyền hùng mạnh với quyền lực mà không cá nhân hay nhóm nào có thể vượt qua được.

sử dụng Cơ quan tình báo trung ương Hàn Quốc (KCIA). KCIA không chỉ là tổ chức tiến hành những vụ bắt bớ mà còn là đầu mối trong việc tuyển chọn nhân sự cho bộ máy hành pháp. Tuy nhiên, Park Chung Hee chỉ coi KCIA như một bộ máy mật vụ chứ không hề tin tưởng nó trong các chính sách kinh tế. Cánh tay còn lại của ông chính là Nhà Xanh, tức phủ tổng thống với đội ngũ cố vấn và thư ký được coi như là “nội các thu nhỏ”. Đây là một cơ quan mang tính kỹ trị với 80% là các nhà kinh tế học giúp tổng thống đề ra những chính sách cao nhất và điều hành các cơ quan thi hành chúng. Về bộ máy hành pháp, hai cơ quan đóng vai trò quan trọng nhất trong việc vận hành các chính sách phát triển là Ban kế hoạch kinh tế (EPB) và Bộ Tài chính (MOF). Chúng được coi là đỉnh của kim tự tháp trong bộ máy quan liêu khi không chỉ có quyền trong việc hoạch định chính sách mà còn có thể tác động đến các cơ quan khác trong chính phủ. Các công chức ở đây cũng như nhiều cơ quan khác được hình thành thông qua hệ thống *teuk chae* (chỉ định đặc biệt) và *haengsi* (thi tuyển). Qua đó, các chính sách phát triển được thi hành một cách bài bản thông qua một hệ thống mang tính thứ bậc và chuyên chế. Sự lãnh đạo mạnh mẽ của DRP cũng như cá nhân Tổng thống Park Chung Hee được củng cố thông qua lần sửa đổi Hiến pháp vào

năm 1972, mở ra một thời kỳ gọi là *Hiến pháp Yushin*¹. Bản Hiến pháp này phá bỏ giới hạn hai nhiệm kỳ đối với tổng thống, thay thế chế độ tổng tuyển cử tổng thống sang bầu thông qua đại diện, cho phép tổng thống ban hành luật mà không cần Quốc hội cho phép trong trường hợp khẩn cấp và trao quyền chỉ định 1/3 đại biểu Quốc hội cho tổng thống. Rõ ràng rằng, Hiến pháp Yushin chính là biểu hiện đỉnh cao của sự kiểm soát mà DRP gây nên với Nhà nước. Các quy định nói trên rõ ràng đã bảo vệ sự lãnh đạo gần như tuyệt đối của Đảng này và Tổng thống Park Chung Hee. Trên cơ sở lãnh đạo và nhân sự như vậy, Nhà nước kiến tạo phát triển Hàn Quốc dưới sự chi phối của DRP có thể thỏa sức thi hành các chính sách của mình, đặc biệt là trong quan hệ với các doanh nghiệp. Ở Hàn Quốc, các doanh nghiệp lớn được gọi là các *chaebol* và liên hệ hết sức chặt chẽ với Nhà nước. Chính sách cơ bản thường được dùng để chống lưng cho các chaebol là chính sách tín dụng, với việc Nhà nước kiểm soát các khoản vay của doanh nghiệp, đôi

1. Yushin trong tiếng Hàn Quốc có nghĩa là “đổi mới” nhưng thường được liên hệ với Minh Trị Duy tân ở Nhật Bản ở chỗ Park Chung Hee có thể nắm quyền lực như một ông vua. Xem thêm Kyung Mo Seo, Tae Hyun Koh: *1972 Korea and Yushin*, Sungkyun Kwan University, 2015.

khi giãn nợ cho họ¹. Không giống như Nhật Bản với đội ngũ quan chức về hưu tham gia vào những tập đoàn lớn, những chaebol ở Hàn Quốc có mối quan hệ trực tiếp với Nhà nước. Cá nhân Park Chung Hee rất ưa các công ty lớn trong khi không thích các công ty vừa và nhỏ vì không đủ tiềm lực và không thích các công ty nước ngoài vì ký ức bị bóc lột bởi thực dân Nhật Bản. Ông cũng có cảm tình với những chaebol có chủ là đồng hương Gyeongsang với mình. Các chaebol cùng đoàn kết thông qua Liên đoàn công nghiệp Hàn Quốc (KFI) với thành phần là hầu hết những ông chủ và qua đó góp tiếng nói về nhu cầu của mình tới Nhà nước để có được chính sách tốt nhất. Nói chung, cá nhân Park Chung Hee và đội ngũ DRP có vai trò rất quan trọng trong việc tạo nên chính sách quản lý của nhà nước với những mối liên hệ chặt chẽ của mình với giới doanh nghiệp mà điển hình các chaebol.

- Ở khía cạnh còn lại, tức là các đảng đối lập, mối quan hệ giữa họ với Nhà nước cũng hết sức căng thẳng. Như đã trình bày, Hiến pháp Yushin đưa DRP lên một quyền lực gần như tuyệt đối và chính nó cũng tạo nên một môi trường pháp lý hết sức eo hẹp cho các đảng còn lại. Điều này đã báo hiệu cho một mối quan hệ không êm đềm giữa Nhà nước kiến tạo phát triển Hàn Quốc với các

1. Joseph E. Stiglitz, Shahid Yusuf: *Nhìn lại sự thần kỳ của các nước Đông Á*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2009, tr. 456-457.

đảng đối lập. Mầm mống của lực lượng đối lập được gọi là *chaeya*, có nghĩa là “ngoài lề”¹. Đây là những trí thức không đồng tình với DRP và hết sức ủng hộ cho Đảng dân chủ mới (NDP). Những người này đại diện cho chủ nghĩa phân phối công bằng và theo đuổi các giá trị tự do và đôi khi là dân túy. Phương thức đấu tranh của các đảng đối lập và giới trí thức cấp tiến ở Hàn Quốc rất đa dạng. Trước hết, họ sử dụng cơ quan ngôn luận là Tạp chí *Sasanggye*. Tạp chí này được coi là một “không gian truyền thông nơi những tranh luận phản biện được tập trung vào vị thế của cuộc cải cách quốc gia”². Thứ hai, họ tận dụng các cuộc bầu cử tổng thống và Quốc hội để khuếch trương tiếng nói của mình. Trong bối cảnh các tổ chức chính trị đối lập tăng cường cả về số lượng lẫn hoạt động, chính quyền DRP tìm cách đàn áp thông qua việc huy động lực lượng quân sự. Sự kiện chiến tranh Việt Nam chấm dứt vào năm 1975 làm gia tăng tâm lý lo ngại của chính quyền Park Chung Hee về chủ nghĩa cộng sản. Dựa vào tình thế đó, Park Chung Hee ban hành Sắc lệnh khẩn cấp bảo toàn an ninh quốc gia và

1. A. David Adesnik, Sunhyuk Kim: *If At First You Don't Succeed: The Puzzle of South Korea's Democratic Transition*, CDDRL Working Papers, July 2008.

2. Ah-reum Kim: *Formation of the Sasanggye Group and its Roles in Rebuilding South Korea, 1953-1959*, Chuyên san “Nghiên cứu tin tức”, Khoa Khoa học thông tin, Đại học Tokyo, 2014, No. 86.

trật tự công cộng (13/5/1975) cấm mọi hoạt động chống lại Hiến pháp Yushin. Sau cái chết của Park Chung Hee năm 1979, chính quyền quân sự có xu hướng lung lay bởi bất đồng nội bộ và hơn thế nữa lại chịu sự tấn công mạnh mẽ từ phía các đảng đối lập. Đảng cầm quyền đứng trước sự lựa chọn giữa việc đàn áp và có thể lặp lại cuộc thảm sát Kwangju mà hậu quả sẽ không thể lường trước với việc phải nhượng bộ¹. Cuối cùng, DRP phải chấp nhận dân chủ hóa để rồi tự giải tán và nhường chỗ cho chính quyền dân sự.

Mối quan hệ giữa Nhà nước và đảng cầm quyền ở Hàn Quốc trong giai đoạn này thể hiện một mối xung đột chính trị tương đối sâu sắc. Nhà nước kiến tạo phát triển là tác nhân gây ra những xung đột này do những đặc trưng về tính chuyên chế cao độ và sự bất bình đẳng kinh tế của nó. Ở Hàn Quốc, điều này lại càng thể hiện rõ rệt vì xuất phát điểm của nền kinh tế này thấp hơn rất nhiều so với Nhật Bản nên sự tăng trưởng vượt bậc càng dễ tạo ra bất công xã hội và chủ nghĩa tư bản thân hữu. Hình ảnh đảng đối lập lật đổ sự cầm quyền lâu dài của DRP ở Hàn Quốc chính là biểu hiện xác đáng cho xu thế dân chủ hóa chiến thắng độc tài.

1. John Minns: *Of miracles and models: the rise and decline of the developmental state in South Korea*, Third World Quarterly, Vol. 22, No. 6, 2001.

III. VẤN ĐỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ ĐẢNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

Ở Việt Nam, nỗ lực theo đuổi một mô hình kiến tạo phát triển tuy chưa được đề cập một cách rõ ràng nhưng một chủ thuyết phát triển dựa trên sự dẫn dắt của nhà nước cũng phần nào thể hiện qua những gì mà chúng ta đã thực hiện nhiều năm trở lại đây¹. Từ sau khi hoàn thành công việc thống nhất đất nước, mục tiêu phát triển kinh tế với sự định hướng và lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn được thể hiện một cách rõ rệt². Ngay cả sau khi chúng ta từ bỏ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung với một nền kinh tế chỉ huy bởi Nhà nước thì sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế vẫn rất mạnh mẽ. Trong khi đó, hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển vốn nhấn mạnh vào vai trò của nhà nước tỏ ra hữu hiệu và phần nào đó được ưa thích

1. Mark Beeson, Hung Hung Pham: *Developmentalism with Vietnamese Characteristics: The Persistence of State-led Development in East Asia*, Journal of Contemporary Asia Vol. 42, No. 4, November 2012, pp. 539-559.

2. Nguyễn Đức Luận: Đường lối kinh tế của Đảng từ khi đất nước hoàn toàn giải phóng đến nay (1975 - 2005), Hội thảo khoa học quốc gia: “Việt Nam những chặng đường lịch sử: 1954-1975, 1975-2005”, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, 2005.

ở Việt Nam. Vì thế, chúng ta rất cần nhận thức sâu hơn về mối quan hệ giữa Nhà nước và đảng chính trị để có thể rút ra những bài học cần thiết cho việc lựa chọn theo đuổi hình mẫu này như thế nào. Để giải quyết được điều đó, trước tiên cần có một cái nhìn tương đối tổng quan về tình hình đảng chính trị và mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước ở Việt Nam.

Hiến pháp khẳng định sự lãnh đạo và cầm quyền duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam¹. Sự khẳng định này đã tạo nên một ưu thế tuyệt đối cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong đời sống chính trị của đất nước. Chính vì thế, Đảng được coi là “hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị”². Giống như các đảng chính trị cầm quyền khác trên thế giới, sự lãnh đạo của Đảng cũng thể hiện qua những mặt như nhân sự và chính sách. Một mặt, Đảng đưa nhân sự của mình vào bộ máy Nhà nước thông qua bầu cử, mặt khác, Đảng đề ra các chính sách và thể chế hóa thành pháp luật cũng như hành động của Nhà nước. Để thực hiện được sự lãnh đạo đó, Đảng được

1. Nguyễn Thị Việt Hương: *Những nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và định hướng triển khai*, Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Kết quả và vấn đề triển khai thi hành Hiến pháp sửa đổi năm 2013*, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội, 2014.

2. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2018, tr. 136.

tổ chức một cách chặt chẽ, bài bản với nguyên tắc quan trọng nhất được ghi nhận trong Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hệ thống tổ chức Đảng được thiết lập ở khắp mọi nơi, trong đó có các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, địa bàn dân cư, doanh nghiệp, v.v.. theo đúng nguyên tắc nơi đâu có đảng viên (từ 3 trở lên), nơi đấy có tổ chức đảng. Đặc biệt, trong mối quan hệ với Nhà nước, sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện một cách nghiêm ngặt khi các đảng viên công tác trong bộ máy Nhà nước phải chấp hành đầy đủ những nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Sự lãnh đạo của Đảng qua thời gian cũng có những nhận thức và thay đổi nhất định. Nếu trong giai đoạn trước, sự lãnh đạo của Đảng có phần thắt chặt và khiến khoảng cách giữa Đảng và Nhà nước gần như không còn thì dần dần Đảng đã nhận thức được tầm quan trọng của việc phải uốn nắn lại sự can thiệp của mình vào Nhà nước. Ngay từ Đại hội III, năm 1960, Đảng đã thẳng thắn chỉ ra tình trạng: *“... có những cấp ủy đảng bao biện làm thay, can thiệp vụn vặt vào công việc của cơ quan Nhà nước. Có những cấp ủy và cán bộ, đảng viên coi thường chính quyền Nhà nước, không nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị, nghị quyết của cơ quan chính quyền cấp trên”*¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 21, tr. 713.

Đại hội IV năm 1976, của Đảng đã yêu cầu: Đảng viên và tổ chức đảng phải là người gương mẫu nhất trong việc chấp hành mọi quyết định của nhà nước. Điều này đã được ghi nhận trong Điều 4 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980 với quy định: “Các tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp”. Từ Đại hội VII đến Đại hội IX, Điều lệ Đảng đều thể hiện quan điểm Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, nhưng chưa khẳng định đó là một nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Đến Đại hội X, nhận thức của Đảng về vấn đề Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật có bước phát triển mới. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam do Đại hội X thông qua lần đầu tiên xác định: “Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật” là một trong các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Như vậy, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật là một quan điểm lớn, nhất quán của Đảng, đã được nêu lên và thực hiện, đến Đại hội X được phát triển thành một nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Đại hội XI của Đảng tiếp tục xác định Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật là một trong 5 nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Việc thiết lập một khuôn khổ hoạt động cho Đảng lãnh đạo là một bước phát triển về tư duy. Đó không phải là hạ thấp vai trò lãnh đạo của

Đảng mà là một yêu cầu khách quan, vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vừa giúp xây dựng đảng vững mạnh, thật sự xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội¹. Thật vậy, phương thức lãnh đạo của Đảng được đổi mới theo hướng dân chủ và pháp quyền, nghĩa là Đảng tôn trọng các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, tôn trọng Hiến pháp và pháp luật. Đảng lãnh đạo nhưng không áp đặt mà trên cơ sở dân chủ, phát huy dân chủ trong thảo luận, trao đổi nhằm tạo ra sự thống nhất chung². Đó là những nền tảng rất quan trọng để chúng ta nhìn nhận mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước trong trường hợp lựa chọn đi theo hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, sự lãnh đạo lâu dài của Đảng Cộng sản Việt Nam là cơ sở thuận lợi cho việc theo đuổi hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển.

Như đã thấy từ kinh nghiệm các nước Đông Á, sự cạnh tranh quyền lực trong giai đoạn đầu một đảng lên nắm quyền có thể gây ra những cản trở mà phải rất vất

1. Nguyễn Văn Giang, Nguyễn Đức Nhuận: *Về nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 3/2013.

2. Lê Hữu Nghĩa: *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở nước ta trong tình hình mới*, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 11/08/2017.

và mới vượt qua được. Lý Quang Diệu với PAP chính là một minh chứng cho điều này khi ông không được lòng cả Mỹ lẫn Malaixia trong cuộc bầu cử năm 1959¹. Việc các lực lượng chính trị tiến lên nắm lấy vai trò điều hành quốc gia đôi khi phải được tiến hành qua những thủ đoạn chính trị phức tạp. Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản với nền tảng tồn tại lâu dài, ra đời từ năm 1930, chính thức bước vào chính quyền từ năm 1945, và trở thành đảng chính trị duy nhất từ năm 1988², Đảng Cộng sản Việt Nam đã tạo nên một nền tảng lãnh đạo ổn định và dài lâu. Điều này phần nào phản ánh vị thế chính trị và niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Vì thế, các chính sách mang màu sắc “kiến tạo phát triển” nếu được áp dụng và cụ thể hóa trong hoạt động của Nhà nước thì chắc chắn sẽ nhận được sự ủng hộ từ người dân. Một trong những đặc trưng cần thiết của Nhà nước kiến tạo phát triển là sự ổn định về chính sách mà nền tảng là tính thống nhất trong quan điểm chính trị cho sự hình thành nên chính sách đó. Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng trong nhiều năm qua đã tạo nên

1. Lý Quang Diệu: *Hồi ký, Tập 1: Câu chuyện Singapore*, Nxb. Thế giới, 2017, tr. 316-335.

2. Sau khi hai đảng là Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam tuyên bố tự giải tán vào năm 1988, ở Việt Nam chỉ còn duy nhất một đảng chính trị hoạt động hợp pháp là Đảng Cộng sản Việt Nam.

một nền móng là tính đồng thuận cao trong xã hội trước mọi quyết sách của Đảng. Bản thân Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo của mình đã nhiều lần thi hành những chính sách mang tính can thiệp tới xã hội và thường không vấp phải sự phản ứng đáng kể. Có lẽ, điều này cũng gắn liền với những đặc điểm văn hóa mềm dẻo “tính trung dung, chiết trung, vừa phải”¹ của con người Việt Nam. Đây cũng có thể coi là nền tảng văn hóa cho việc những chính sách can thiệp có phần mạnh mẽ của nhà nước dễ được người dân chấp nhận. Điều này cùng với tinh thần dân tộc coi trọng lợi ích đất nước lên trên hết sẽ là cơ sở cho Đảng thực hiện và duy trì những chính sách theo hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển.

Thứ hai, ý thức hệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự dung hòa với chủ nghĩa phát triển.

Nền tảng tư tưởng của Nhà nước kiến tạo phát triển là chủ nghĩa phát triển (developmentalism) với nội dung hướng tới các nước có nền kinh tế ở trình độ thấp cần một mô hình kinh tế khác với các mô hình cổ điển để tiến tới bắt kịp các nước đã công nghiệp hóa lâu đời². Trong khi đó Đảng Cộng sản Việt Nam lại đứng trên quan điểm

1. Hồ Bá Thâm: *Văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2012, tr. 34.

2. Đào Thế Tuấn: *Các lý thuyết về phát triển*, tạp chí *Xã hội học*, số 1/1992.

của chủ nghĩa cộng sản do C. Mác xây dựng. Ý thức hệ là một yếu tố mang tính cốt lõi và sống còn của Đảng vì nếu thay thế nó, Đảng sẽ không còn giữ được bản chất và sứ mệnh của mình. Tuy nhiên, rõ ràng là có sự khác biệt nhất định giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát triển mà nếu không dung hòa được chúng thì triển vọng theo đuổi hình mẫu kiến tạo phát triển ở Việt Nam sẽ khó lòng thực hiện được. Khi nói đến chủ nghĩa cộng sản, chúng ta không thể quên điểm cốt lõi của nó là chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất. Thay thế chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa bằng chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa được coi là nhiệm vụ cơ bản của cách mạng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa¹. Trong khi đó, sự tồn tại của các nhà nước kiến tạo phát triển lại dựa vào mối quan hệ giữa giới lãnh đạo chính trị với nhóm tư bản thân hữu. Vậy nên, nếu không có những điều chỉnh phù hợp thì rõ ràng chủ nghĩa cộng sản sẽ không thể tương thích với chủ nghĩa phát triển được. Tuy nhiên, một điều khá may mắn đó là trong quá trình nhận thức, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những thay đổi nhất định. Cụ thể, hiện nay, chúng ta đang hướng tới xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng

1. Vụ biên soạn, Ban Tuyên huấn Trung ương: *Triết học Mác-Lênin trích tác phẩm kinh điển*, Nxb. Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1979, tr. 251.

cường vai trò quản lý của Nhà nước theo hướng vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội¹... Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế². Điều đó có các ý nghĩa sau: (1) Đảng không phủ nhận hoàn toàn vai trò của thị trường và kinh tế tư nhân mà chỉ hướng tới uốn nắn nó theo một định hướng cao hơn; (2) Đảng tiếp tục khẳng định vai trò của Nhà nước trong quản lý kinh tế và đề cao việc tăng cường vai trò này. Những quan điểm trên có ý nghĩa to lớn trong việc dung hòa giữa chủ nghĩa cộng sản và học thuyết phát triển. Vấn đề phải giải quyết là làm thế nào để quá trình phát triển không làm mất đi bản sắc của chủ nghĩa cộng sản. Để giải quyết điều đó, một số định hướng cơ bản đã được chỉ ra như: (1) Bảo vệ nền tảng của sở hữu công cộng, đặc biệt là với đất đai; (2) Bảo đảm phân phối hướng đến lợi ích cho nhân dân lao động; (3) Sự can thiệp của Nhà nước nhằm bảo đảm

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 98, 103.

bình đẳng cho mọi người dân¹. Đây là những nguyên tắc nhằm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong khi vẫn theo đuổi chủ nghĩa phát triển một cách hiệu quả.

Thứ ba, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa hài hòa với quá trình phát triển kinh tế.

Việc duy trì một hình mẫu phát triển như các nước Đông Á có thể dẫn tới tình trạng chuyên chế và kéo theo đó là dân chủ bị ảnh hưởng. Điều này không chỉ đến từ sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế mà còn đến từ những hệ lụy xã hội mà quá trình phát triển tạo ra. Trong khi đó, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một trong những thành quả mà Đảng luôn tin tưởng, bồi đắp và tạo dựng. Việc Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đưa cụm từ *dân chủ* lên trước cụm từ *công bằng, văn minh* đã cho thấy Đảng ta đã xác định rõ vị trí của dân chủ và thực hành dân chủ trong quá trình phát triển xã hội². Do đó, chúng ta có thể phần nào loại trừ được nguy cơ mất dân chủ như đã xảy ra ở một số nước theo hình mẫu kiến tạo phát triển bởi vấn đề này luôn luôn được Đảng quan tâm sát sao. Để có thể bảo đảm được điều đó, yếu tố

1. Phùng Danh Cường, Hoàng Thị Kim Oanh: *Tính đặc thù của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 06/2018.

2. Nguyễn Quốc Sửu: *Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng*, Tạp chí *Cộng sản*, 27/10/2016.

cần thiết nhất là phải giữ vững được sự tập trung, thống nhất trong nội bộ Đảng. Thực tế các nước cho thấy, việc mâu thuẫn trong nội bộ của lực lượng cầm quyền đã kéo theo các thế lực tranh giành nhau và áp đặt sự cai trị ngày một chuyên chế. Trong khi đó, sự tập trung, thống nhất lại là một vốn quý của các đảng theo đường lối cộng sản. V.I. Lênin đã nói, *“trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, giai cấp vô sản không có vũ khí nào khác hơn là tổ chức”*¹. Điều đó có nghĩa rằng, sức mạnh của đảng đại diện cho giai cấp công nhân đến từ việc nó được tổ chức đầy đủ về mọi mặt và không bị rơi vào phân chia, tranh giành, vô chính phủ. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng chính là cơ sở để bảo vệ dân chủ trong xã hội nếu chúng ta đi theo con đường của các nhà nước kiến tạo phát triển. Dân chủ ở đây là một phạm trù đa diện, với những mối liên hệ tới các lĩnh vực khác như kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, tựu chung lại, bảo đảm dân chủ sẽ khiến Đảng giữ vững được uy tín cũng như hình ảnh trước Nhân dân, qua đó tiếp tục duy trì sự lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội.

* *

*

1. V.I. Lênin, I. V. Xtalin: *Về dân chủ và kỷ luật trong Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974, tr. 41.

Tóm lại, ở Việt Nam, đảng chính trị có rất nhiều đặc thù trong mối liên hệ với Nhà nước. Một định hướng nhắm tới Nhà nước kiến tạo phát triển chắc chắn sẽ đặt ra nhiều vấn đề phải cân nhắc. Trong những vấn đề đó, có những yếu tố tiên quyết giúp hình mẫu này có thể được áp dụng dễ dàng ở Việt Nam, nhưng bên cạnh vẫn có những yếu tố khiến chúng ta phải sẵn sàng điều chỉnh nhằm bảo đảm mối liên hệ giữa Đảng với Nhà nước giữ được đúng bản chất và mục đích tốt đẹp của nó.

Việc nghiên cứu mối liên hệ giữa đảng chính trị với Nhà nước kiến tạo phát triển có ý nghĩa rất quan trọng bởi không một Nhà nước nào lại không được dẫn dắt bởi các đảng phái chính trị. Hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển đặt ra những thách thức và cơ hội cho đời sống chính trị. Một mặt nó tạo nên những thành công khó có thể tưởng tượng cho các đảng cầm quyền với những chính sách phát triển đúng đắn. Mặt khác, nó cũng là dấu chấm cho sự lãnh đạo của các đảng này khi chúng không thể giải quyết được những mâu thuẫn nội tại mà Nhà nước kiến tạo phát triển đặt ra. Vì vậy, việc nghiên cứu mối liên hệ giữa đảng chính trị với Nhà nước kiến tạo phát triển có giá trị trong việc giúp chúng ta nhận thức thêm về một số khía cạnh quan trọng sau:

- Nhà nước kiến tạo phát triển luôn song hành với sự cầm quyền dài lâu của một đảng mà với thời gian đó,

đảng này có thể thi hành những chính sách phát triển một cách thích đáng dựa trên đội ngũ lãnh đạo tinh hoa và mối liên hệ chặt chẽ với giới doanh nghiệp. Tuy nhiên, các xu hướng đối lập vẫn có khoảng trống để phát triển, đặc biệt là khi Nhà nước ngày càng trở nên chuyên chế và các vấn đề xã hội (việc làm, an sinh, dân số) gia tăng.

- Thực tiễn cho thấy các quốc gia theo hình mẫu kiến tạo phát triển đều có một giai đoạn phức tạp trong đời sống chính trị. Những mâu thuẫn nội tại của mô hình phát triển kinh tế thần tốc có thể gây ra xung đột to lớn về mặt chính trị như đã xảy ra ở Hàn Quốc. Trên hết, đảng cầm quyền phải nhận ra rằng, dân chủ mới là đích đến cuối cùng chứ không phải là kinh tế.

- Nhận thức về những điểm tích cực cũng như hạn chế trong môi trường chính trị ở Việt Nam đối với việc áp dụng hình mẫu kiến tạo phát triển chính là điều then chốt để tận dụng tốt nhất những bài học thành công của hình mẫu này, đồng thời ngăn chặn những nguy cơ có thể xảy ra nếu chúng ta thực sự muốn xây dựng mô hình Nhà nước kiến tạo phát triển.

Chương III

MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

Một trong những đặc trưng cơ bản của Nhà nước kiến tạo phát triển được thể hiện thông qua mối quan hệ giữa nó với các tổ chức xã hội. Tổ chức xã hội ở đây được hiểu như là các tổ chức do người dân lập ra trên cơ sở tự nguyện. Nó vừa được coi là một sản phẩm của quyền tự do lập hội lại vừa được coi là một thành tố có vai trò quan trọng trong việc tổ chức và vận hành quyền lực xã hội. Sự tồn tại và vận động của các tổ chức xã hội thể hiện một phần tính dân chủ của nhà nước. Ở những nơi mà đời sống hội đoàn dân sự phát triển, người dân liên kết nhau trong khuôn khổ các tổ chức tư nhân thì vai trò của nhà nước trong việc can thiệp và chỉ dẫn xã hội dường như giảm bớt. Nhà nước thường có xu hướng áp đặt người dân được làm gì và không được làm gì, trong khi đó, các tổ chức xã hội được lập ra với tôn chỉ, mục đích và hướng đi đa dạng lại có xu hướng tự quyết và thoát ra khỏi ảnh hưởng của nhà nước. Phần này hướng tới làm rõ mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển

với các tổ chức xã hội, từ lý luận đến thực tiễn trước khi đưa ra một cái nhìn tham khảo cho Việt Nam.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

Các quan điểm xoay quanh một định nghĩa thống nhất về Nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam hiện vẫn còn nhiều mâu thuẫn, đặc biệt là về việc phải định danh Nhà nước kiến tạo phát triển như một mô hình, một kiểu hay một xu hướng hoạt động của nhà nước. Dù vậy, nhìn nhận ở góc độ nào chúng ta cũng không thể không nói đến những đặc trưng cơ bản để nhận diện một cách rõ ràng về Nhà nước kiến tạo phát triển. Trong số sáu đặc trưng của Nhà nước kiến tạo phát triển mà Adrian Leftwich đưa ra, nhóm tác giả lưu ý một đặc trưng quan trọng, gắn liền với vấn đề được đề cập trong Chương này: *“Thường thì Nhà nước kiến tạo phát triển được thiết lập trong bối cảnh các tổ chức xã hội yếu. Chính quyền mạnh, kiểm soát chặt các tổ chức xã hội và không phải bận tâm nhiều về các nhóm đối lập. Kinh tế phát triển sẽ làm dân chủ xã hội phát triển”*¹. Đặc trưng này phần

1. Dẫn theo Đinh Ngọc Thắng, Nguyễn Văn Quân: *Nhà nước kiến tạo phát triển và xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển tại Việt Nam*, Tạp chí *Kiểm sát*, số 06/2017.

nào phản ánh một mối quan hệ không mấy tốt đẹp giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và các tổ chức xã hội, trong đó dường như bối cảnh xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển phần nào làm hạn chế và lu mờ vai trò của các tổ chức xã hội. Theo nhóm tác giả, có thể lý giải vấn đề này từ góc độ lý luận như sau:

Đầu tiên, phải khẳng định rằng về mặt bản chất thì Nhà nước kiến tạo phát triển phản ánh một xu hướng tăng cường sự can thiệp của nhà nước vào đời sống xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Tuy mức độ và cách can thiệp của Nhà nước kiến tạo phát triển không sâu rộng như Nhà nước toàn trị (hay Nhà nước chỉ huy) nhưng vẫn có thể thấy Nhà nước kiến tạo phát triển duy trì vai trò và ảnh hưởng của mình ở một mức độ nhất định, đặc biệt là thông qua các chính sách kinh tế, sản xuất. Sự can thiệp của nhà nước trong trường hợp này được lý giải là nhằm kích thích khả năng phát triển của khối tư nhân và khắc phục sự thất bại của thị trường (market-failure)¹. Không dừng lại ở đó, Nhà nước kiến tạo phát triển còn nhấn mạnh vào vai trò của đội ngũ lãnh đạo tinh hoa, bởi đây là lực lượng chủ yếu hoạch

1. Ngô Huy Đức, Nguyễn Thị Thanh Dung: *Nhà nước kiến tạo phát triển - Khái niệm và những yếu tố thành công*, Tạp chí *Thông tin khoa học xã hội*, số 11/2015.

định và triển khai những bước can thiệp của nhà nước¹. Thực tế cho thấy, sự thịnh vượng của các quốc gia châu Á trong nửa cuối thế kỷ XX có sự đóng góp to lớn của các vị lãnh đạo tài năng như Lý Quang Diệu ở Xingapo hay Park Chung Hee ở Hàn Quốc. Nhìn chung, dưới sự quản lý của Nhà nước kiến tạo phát triển, các thành phần, bộ phận của xã hội nói chung và nền kinh tế nói riêng chịu một sự tác động nhất định của nhà nước thông qua các chính sách tài chính, tiền tệ với những mức độ khác nhau. Có thể khẳng định việc Nhà nước kiến tạo phát triển can thiệp vào đời sống xã hội và nền kinh tế còn phụ thuộc vào bối cảnh lịch sử, và trong đó có những giai đoạn Nhà nước thiết lập một sự can thiệp chặt chẽ đối với xã hội. Chẳng hạn, trong giai đoạn mới thành lập, Nhà nước Xingapo do Lý Quang Diệu lãnh đạo đã tiến hành nhiều chính sách can thiệp sâu vào đời sống xã hội kể cả các việc như đổ rác, cấm ăn kẹo cao su, v.v., đến mức báo chí nước ngoài đã nhạo báng Nhà nước của ông như một

1. V. Fritz, A. Rocha Menocal: *(Re)building Developmental States: From Theory to Practice*, Overseas Development Institute, 111 Westminster Bridge Road, London, 09/2006. Nguyên văn: “When considering developmental states, political leadership is crucial because of the way it affects the quality and autonomy of the bureaucracy. In turn, the kind of leadership that emerges is shaped by the nature of the elite and wider social structures, and can also be influenced by external factors”.

“Nhà nước vú em”¹. Hay tại Hàn Quốc, Nhà nước này đã được Jones và Sakong mô tả như là “một chủ nghĩa can thiệp cao độ nhằm cố gắng gây ảnh hưởng tới những vấn đề kinh tế vi mô của các đơn vị sản xuất thông qua sự tham gia trực tiếp của nhà nước ở các doanh nghiệp công hay việc khuyến khích, ép buộc, nịnh nọt các doanh nghiệp tư”². Nói chung, trong bối cảnh vận động của Nhà nước kiến tạo phát triển, không thể tránh khỏi một hiện tượng - đó là Nhà nước can thiệp (đôi khi là thô bạo) vào đời sống xã hội và nền kinh tế.

Từ những lý luận cơ bản trên, để làm rõ mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và các tổ chức xã hội, cần quay trở lại với bản chất của các tổ chức xã hội. Để khẳng định nguồn gốc phát xuất của vấn đề các tổ chức xã hội cần phải truy nguyên về quyền lập hội. Đây là một quyền hết sức cơ bản được ghi nhận tại Điều 20 Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hợp quốc và cụ thể hóa tại Điều 22 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và

1. Lý Quang Diệu: *Hồi ký, Tập 2: Từ thế giới thứ ba vươn lên thứ nhất*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.

2. Leroy P. Jones, Il Sakong, *Government, Business, and Entrepreneurship in Economic Development: The Korean Case*, Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts and London, 1980, tr. 288.

chính trị năm 1963¹. Ở đây, khi nhìn nhận vấn đề các tổ chức xã hội dưới góc độ tiếp cận dựa trên quyền, cần phải thấy rằng việc thành lập và vận hành các tổ chức xã hội là xuất phát từ những “*đặc tính và nhu cầu tự nhiên của con người*”². Do vậy, sự tồn tại của các tổ chức xã hội luôn gắn liền với các giá trị cơ bản của quyền con người, đó là tự do và bình đẳng. Điều đó kéo theo xu hướng đòi hỏi dân chủ hóa và tự do hóa đối với các tổ chức xã hội và ngược lại là tối thiểu hóa hay giảm bớt sự can thiệp của nhà nước. Để bảo vệ cho quan điểm này, các nhà lý luận của chủ nghĩa tự do mới (Neo-libertarianism) đã đưa những lập luận nhằm chỉ ra khi Nhà nước can thiệp càng sâu vào đời sống xã hội thì quyền tự do của con người càng bị xâm phạm. Chẳng hạn F.A. Hayek đã nói: “*nếu hoạt động kinh tế của chúng ta bị kiểm soát thì muốn làm bất cứ chuyện gì chúng ta đều phải báo trước dự định và mục tiêu của mình. Nhưng báo trước vẫn chưa đủ, chúng ta còn phải được chính quyền chấp thuận. Như vậy là toàn bộ đời sống của chúng ta đã bị kiểm soát rồi*”³. Và điều

1. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng: *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, tr. 289.

2. Lã Khánh Tùng, Nghiêm Hoa, Vũ Công Giao: *Hội và tự do hiệp hội*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr. 10.

3. F. A. Hayek: *Đường về nô lệ*, Phạm Nguyên Trường dịch, Nxb. Tri Thức, Hà Nội, 2012, tr. 193.

đó dẫn đến nhu cầu có một Nhà nước ít can thiệp, minh bạch, công chính như C.F. Bastiat mô tả đó là “*một chính phủ cực kỳ đơn giản, dễ được chấp nhận, không tốn kém, nhỏ gọn*”¹. Tuy vậy, lý thuyết về Nhà nước kiến tạo phát triển lại cổ xúy cho việc Nhà nước mở rộng cả về phạm vi lẫn mức độ can thiệp của mình bằng các biện pháp khác nhau nhằm điều chỉnh các tổ chức kinh tế và xã hội vận động phù hợp với chiến lược phát triển của mình. Do vậy, về bản chất có thể khẳng định và chứng minh một cách logic rằng, trong quá trình xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển, cùng với sự gia tăng vai trò dẫn dắt của nhà nước thì các tổ chức xã hội có nguy cơ bị kiểm tỏa. Hay có thể khẳng định: “*bên cạnh chính trị tinh hoa thì sự hạn chế của các tổ chức xã hội là một phần cố hữu của lý thuyết Nhà nước kiến tạo phát triển*”². Và một điều có thể dễ dàng nhận thấy, đó là các tổ chức xã hội thường không nằm trong nhóm đối tượng được Nhà nước kiến tạo phát triển quan tâm một cách đặc biệt. Thường thì các nhà nước kiến tạo phát triển có xu hướng “gần gũi” với các tổ chức kinh tế, với nhiều xu hướng như các

1. Claude Federic Bastiat: *Luật pháp*, Phạm Nguyên Trường dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2015, tr. 47.

2. Emmanuel Teitelbaum: *Mobilizing Restraint: Democracy and Industrial Conflict in Postreform South Asia*, Cornell University Press, 2011, p. 5. Nguyên văn: “*Elite politics and the exclusion of civil society are thus an inherent part of developmental narrative*”.

tập đoàn kinh tế lớn (đối với Nhà nước Hàn Quốc) hay các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Đài Loan - Trung Quốc). Trong khi đó, các tổ chức xã hội hoạt động với những mục đích đa dạng, thậm chí có xu hướng đối trọng với các doanh nghiệp, chẳng hạn như là các tổ chức bảo vệ quyền lợi của người lao động. Từ đó có thể hiểu được thái độ của nhà nước sẽ nghiêng về phía nào nếu có mâu thuẫn về lợi ích giữa các tổ chức xã hội và các nhóm kinh tế chủ chốt.

Một nguyên nhân khác có thể giải thích cho sự thiếu thiện cảm của nhà nước đối với các tổ chức xã hội trong tình huống này, đó là xu hướng hoạt động hay chức năng của các tổ chức đó dường như ngược lại với Nhà nước. Cần phải thấy rằng, các tổ chức xã hội tự nguyện, do người dân lập ra và phản ánh lợi ích cũng như mối quan tâm của người dân trong những vấn đề cụ thể. Vì thế, một trong những vai trò hay khía cạnh hoạt động chính của các tổ chức này đó là phản biện xã hội¹. Khi thực hiện vai trò phản biện này, đối tượng hướng đến của nó là các chính sách, chủ trương của nhà nước. Một điều dễ thấy là trong xã hội càng xuất hiện nhiều vấn đề nóng, đặc biệt là bất công xã hội, khoảng cách giàu nghèo gia tăng thì tiếng nói phản biện xã hội càng lớn. Tuy nhiên,

1. Nguyễn Minh Phương: *Vai trò của xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí *Triết học*, số 2/2006.

các nhà nước theo hình mẫu kiến tạo phát triển lại duy trì một chính sách nhất quán và có xu hướng nghiêng theo phía các ông chủ công nghiệp, vì thế đây chính là lĩnh vực chứng kiến sự bất bình đẳng trong thu nhập lớn nhất. Thông thường để xác định mức độ bất bình đẳng thu nhập người ta sử dụng chỉ số Gini (có giá trị từ 0-1, tương ứng với mức bất bình đẳng từ không có đến tuyệt đối). Bảng sau¹ cho thấy mức độ bất công trong thu nhập của lĩnh vực phi nông nghiệp ở Hàn Quốc luôn lớn hơn so với lĩnh vực nông nghiệp, trong giai đoạn 1965-1986.

Bảng 5. Bất bình đẳng trong thu nhập ở Hàn Quốc trên hai lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp (1965-1986)

Năm	1965	1970	1976	1982	1986
Nông nghiệp	0.285	0.295	0.327	0.306	0.297
Phi nông nghiệp	0.417	0.346	0.412	0.371	0.342

Do đó, điều dễ hiểu là các vấn đề xã hội phát sinh sẽ càng lớn trong một đất nước phát triển theo hướng công nghiệp hóa. Vì thế mà vai trò của các tổ chức xã hội, đặc biệt các tổ chức hoạt động theo hướng đòi quyền lợi và

1. Số liệu lấy từ Kookshin Ahn: *Trends in and Determinants of Income Distribution in Korea*, Journal of Economic Development, Volume 22, Number 2, December 1997, p. 31.

công bằng xã hội sẽ ngày càng được chú ý tới. Như John Minns nhận xét, cái giá phải trả của phát triển là sự bóc lột tầng lớp lao động¹. Trong bối cảnh Nhà nước kiểm soát còn mạnh, việc phân phối thu nhập để tiến tới công bằng xã hội là chưa dễ dàng. Vì vậy, dễ hiểu rằng nếu có một tổ chức nào đó đòi hỏi quyền lợi, phản biện chính sách theo hướng yêu cầu Nhà nước phải giảm bớt đi sự ưu ái cho giới chủ sản xuất thì chắc chắn tổ chức đó sẽ bị đối xử một cách tiêu cực.

Nhìn chung từ góc độ nào thì cũng có thể thấy rằng về mặt lý luận, Nhà nước kiến tạo phát triển không phải là một xu hướng “thân thiện” với sự tồn tại của các tổ chức xã hội. Bản thân các tổ chức xã hội là một nhóm đa dạng các lợi ích đan xen và thậm chí xung đột nhau giữa các lĩnh vực. Do vậy, *cách hành xử tập trung vào kinh tế của Nhà nước kiến tạo phát triển dường như có thể bất chấp những mâu thuẫn này để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế*. Từ đó có thể thấy, việc thiết lập một khuôn khổ cần thiết để Nhà nước kiến tạo phát triển có thể gần gũi và dung hòa hơn với các tổ chức xã hội là điều hết sức cần thiết trong bối cảnh chúng ta vừa cần phát triển kinh tế, vừa cần bảo đảm quyền con người.

1. John Minns: *Of miracles and models: the rise and decline of the developmental state in South Korea*, Third World Quarterly, Vol. 22, No. 6, 2001.

Sau khi đã giải quyết được một vấn đề mang tính bản chất trong mối liên hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và các tổ chức xã hội, đó là sự kiểm tỏa từ phía Nhà nước lên các tổ chức xã hội, chúng ta phải cân nhắc thêm một vấn đề nữa, đó là sự vận động của Nhà nước kiến tạo phát triển sẽ đem lại hệ quả gì cho các tổ chức xã hội. Một trong những thành quả đáng ghi nhận nhất của Nhà nước kiến tạo phát triển là sự tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế. Vậy sự tăng trưởng đó có tác động gì tới các tổ chức xã hội. Theo nhóm tác giả, để giải quyết vấn đề này cần phải xem xét một số phương diện sau:

- Kinh tế tăng trưởng dẫn tới nhu cầu dân chủ hóa xã hội:

Nền kinh tế với vai trò một bộ phận của cơ sở hạ tầng sẽ có tác động to lớn tới thượng tầng kiến trúc của xã hội, trong đó có vấn đề về quyền làm chủ của Nhân dân. B.M. Friedman trong một nghiên cứu quan trọng đã chỉ ra vai trò trước hết của phát triển kinh tế là sự gia tăng tiêu chuẩn sống của đại đa số người dân rồi sau đó mới là tạo ra các cơ hội lớn hơn, thúc đẩy thống nhất trong đa dạng, tạo nên các giá trị của một xã hội vận động, liêm chính và dân chủ¹. Thật vậy, việc người dân được sống trong một xã hội hiện đại và công nghiệp, nơi mà

1. Benjamin M. Friedman: *The moral consequences of economic growth*, Society Journal, 2006.

họ vừa có mức sống cao lại vừa có đóng góp đáng kể cho xã hội đã thúc đẩy ý thức về quyền làm chủ của họ. Điều đó trước hết đến từ sự chuyển biến của những giá trị cơ bản trong quan niệm, đức tin từ một xã hội cũ sang xã hội mới. Mức độ dân chủ của một xã hội thể hiện trong quan niệm của họ về các vấn đề xã hội và điều đó có sự liên quan chặt chẽ tới mức độ phát triển của nền kinh tế. Bảng sau cho thấy điều đó:

Bảng 6. Dân chủ và kinh tế¹

Quốc gia	Tỷ lệ người được khảo sát cho rằng dân chủ là tuyệt đối quan trọng	GDP/đầu người (USD)
Thụy Điển	73.5%	59.180
Ôxtrâyliya	44.7%	29.496
Nigeria	27.9%	3.221

Mặc dù sự thịnh vượng không đi đôi với thái độ dân chủ theo nghĩa là cứ đạt tới một mức độ thu nhập nào đó thì người dân sẽ có ý thức về dân chủ tốt hơn (chẳng hạn như các nước Ảrập rất giàu có nhưng chỉ số dân chủ rất thấp), nhưng rõ ràng rằng có sự khác biệt giữa các xã hội về quan niệm dân chủ. Theo đó, *“thế giới quan của những người sống trong xã hội giàu có khác biệt một cách có hệ thống so với những người trong xã hội có thu*

1. Số liệu (năm 2014) được khai thác từ <http://www.worldvaluessurvey.org/WVSONline.jsp>.

nhập thấp về một loạt các quy chuẩn rộng lớn liên quan đến chính trị, xã hội và tôn giáo. Sự khác biệt diễn ra ở hai chiều kích căn bản: truyền thống đối lập với các giá trị cởi mở; và sự tồn tại đối lập với giá trị tự thể hiện”¹. Rõ ràng rằng, cuộc sống hiện đại với các giá trị nhân bản được coi trọng sẽ phá vỡ dần những truyền thống lạc hậu và khép kín. Trong bối cảnh kinh tế phát triển, con người ngày càng sống tốt hơn với một xã hội năng động và hội nhập, nhu cầu dân chủ của họ sẽ tăng cao hơn. Seymour Martin Lipset đã lý giải điều này như sau: (1) Phát triển kinh tế dẫn đến công nghiệp hóa, với số người làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ tăng dần so với số người làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp vốn trì trệ, lạc hậu và ít đòi hỏi dân chủ; (2) Phát triển kinh tế dẫn đến đô thị hóa, với số lượng dân cư thành thị có mức sống cao, ý thức và văn hóa chính trị cởi mở ngày càng tăng; (3) Phát triển kinh tế dẫn đến giáo dục được coi trọng, qua đó các giá trị dân chủ được phổ biến². Nói chung, trong vấn đề dân chủ hóa, phát triển kinh tế là yếu tố

1. Donald Inglehart & Christian Welzel: *How Development Leads to Democracy: What We Know about Modernization*, Foreign Affairs, 2009, Vol. 88, No. 2, pp. 33-48.

2. Seymour Martin Lipset: *Some Social Requisites of Democracy: Economic Development and Political Legitimacy*, The American Political Science Review, 1959, Vol. 53, No.1 (March), pp. 69-105.

tiên quyết bởi nó tạo ra các điều kiện tiên đề để quá trình này có thể diễn ra một cách mạnh mẽ và hiệu quả.

- Dân chủ hóa xã hội và sự phát triển của đời sống hiệp hội:

Trong một xã hội được dân chủ hóa, một hệ quả tất yếu là quyền của người dân ngày càng được quan tâm, đặc biệt là vấn đề quyền làm chủ của họ. Nhìn một góc độ rộng hơn, quyền làm chủ của người dân không chỉ gắn với các vấn đề kinh điển như quyền bầu cử, quyền được trưng cầu ý kiến mà còn gắn với các quyền khác, trong đó có quyền tự do lập hội. Quyền này có mối liên hệ rất chặt chẽ với dân chủ bởi các lý do sau: (1) Trong một xã hội dân chủ, các ý kiến khác biệt được tôn trọng và việc phổ biến, bảo vệ các ý kiến này là hoàn toàn hợp pháp. Khi quyền lập hội được bảo vệ, những người có cùng ý kiến, quan điểm có thể tập hợp và đấu tranh cho quan điểm của mình tốt hơn; (2) Trong một xã hội dân chủ, quyền làm chủ của người dân có thể được thực hiện bằng nhiều cách. Người dân có thể thực hiện quyền làm chủ không chỉ thông qua bầu cử, ứng cử, bỏ phiếu trưng cầu ý dân mà còn thông qua việc tác động tới các chính sách của nhà nước bằng các hội đoàn, tổ chức mà mình tham gia; (3) Trong một xã hội dân chủ, tiếng nói của thiểu số cũng cần được coi trọng. Khi các nhóm thiểu số có chung một nơi để tập hợp và sinh hoạt thì quyền lợi của họ có thể

được bảo vệ một cách tốt hơn. Nói chung, các tổ chức xã hội với tư cách là trọng tâm, linh hồn của đời sống hiệp hội chính là biểu hiện rõ rệt của một xã hội dân chủ. Hay có thể nói rằng, đời sống hiệp hội là một chỉ số của xã hội dân chủ¹. Thật vậy, mức độ dân chủ thường được đánh giá bởi bốn chỉ số cơ bản: (1) Mức độ tự do của cuộc bầu cử quốc gia; (2) An ninh của cử tri; (3) Ảnh hưởng từ các thế lực nước ngoài đến Nhà nước (4) Khả năng của các tổ chức xã hội trong việc góp phần thực thi chính sách².

Trở lại với vấn đề, rõ ràng rằng dân chủ hóa có vai trò thúc đẩy cho đời sống hiệp hội phát triển. Điều đó có nghĩa là quá trình dân chủ hóa dẫn tới nhu cầu ra đời các tổ chức xã hội. Không những thế, dân chủ hóa còn đòi hỏi Nhà nước tôn trọng vị thế cũng như vai trò của các tổ chức xã hội hơn. Các tổ chức này có thể được tham gia sâu hơn vào đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như chính trị. Đặc biệt, vai trò phản biện xã hội của các tổ chức này nhằm đòi hỏi công bằng, phúc lợi sẽ được gia tăng. Nói chung, điều này cũng phần nào cho thấy Nhà nước phải giảm bớt vai trò của mình và thậm chí phải lắng nghe cũng như chấp nhận những tiếng nói từ phía

1. Lã Khánh Tùng, Nghiêm Hoa, Vũ Công Giao: *Hội và tự do hiệp hội*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr. 14.

2. https://graphics.eiu.com/PDF/Democracy_Index_2010_web.pdf.

các tổ chức xã hội trong việc xây dựng và hoạch định chính sách kinh tế.

Tóm lại, thông qua hai lập luận trên, chúng ta có thể thấy được vai trò của sự phát triển kinh tế với đời sống hiệp hội. Một cách trực quan, có thể thấy được hai yếu tố này tương đối song hành với nhau. Kinh tế càng phát triển thì đời sống hiệp hội càng nở rộ. Bảng sau cho thấy một phần về điều đó:

Bảng 7. Chỉ số đời sống hiệp hội và mức độ phát triển kinh tế¹

Quốc gia	Chỉ số đời sống hiệp hội	GDP/đầu người (USD)
Hà Lan	74	51.241
Tây Ban Nha	40	32.709
Braxin	29	7.313

Như vậy, rõ ràng rằng sự tăng trưởng kinh tế mà các nhà nước kiến tạo phát triển tạo ra là một động lực to lớn khiến cho các tổ chức xã hội ở những quốc gia này phát triển. Điều này phần nào mâu thuẫn với đặc trưng ban đầu đã được chứng minh, đó là việc các Nhà nước

1. Các chỉ số trên được tập hợp từ các nguồn: The Johns Hopkins Center for Civil Society Studies: *Out of the Shadows: Putting civil society on the economic map of the world*, OECD Forum on statistics, Knowledge and policy, Istanbul, June 29, 2007.

kiến tạo thường có xu hướng chèn ép tổ chức xã hội. Vậy khi các tổ chức này ngày càng phát triển thì nó có thể tác động ngược lại như thế nào đối với Nhà nước. Để làm rõ điều này, cần chú ý tới một số điểm quan trọng sau:

- Xu hướng đòi hỏi các quyền dân chủ, trong đó có quyền lập hội là tự nhiên và chính đáng, trong khi đó Nhà nước có thể chưa chấp nhận ngay việc giảm bớt vai trò của mình cũng như cho phép tiếng nói đối lập được gây ảnh hưởng. Điều này có thể dẫn tới những đấu tranh, phản ứng của người dân để đòi hỏi quyền này. Mâu thuẫn giữa các tổ chức xã hội với Nhà nước kiến tạo phát triển là không thể tránh khỏi, đặc biệt khi chúng ta xét đến một khía cạnh của đời sống hội đoàn, đó là các hiệp hội của người lao động, hay là công đoàn. Quyền lập hội bao hàm cả quyền về công đoàn trong đó¹. Mặt khác, như đã nói ở trên, các nhà nước kiến tạo phát triển có xu hướng bảo vệ quyền của giới tư sản, tức là người chủ lao động, nên chắc chắn không thể dễ dàng chấp nhận sự trỗi dậy của các tổ chức do người lao động tự lập và bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Điều này phần nào được thể hiện thông qua quan điểm cứng rắn của một số

1. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Nghiên cứu quyền con người và quyền công dân: *Giới thiệu Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1996)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, tr. 389.

nhà nước đối với dân chủ. Chính Lý Quang Diệu đã phát biểu: “Việc mở rộng quyền cá nhân đến mức mỗi cá nhân có thể làm bất cứ điều gì cá nhân đó muốn đã trở thành có hại cho một xã hội có kỷ cương. Ở phương Đông, mục tiêu chủ yếu là tạo ra một xã hội có kỷ cương cao để mọi người đều có thể hưởng được tới mức tối đa các quyền tự do của mình. Những quyền tự do như vậy chỉ tồn tại được ở những xã hội có trật tự chứ không phải ở một xã hội mang những yếu tố đối địch và vô chính phủ”¹. Trong trường hợp này, yếu tố văn hóa và truyền thống lại góp phần như một tác nhân để Nhà nước ngăn cản tiến trình dân chủ và tiếng nói đối lập.

- Nhà nước phải hòa hoãn và tận dụng những vai trò của các tổ chức xã hội để thích nghi với hoàn cảnh mới và tiến tới một xã hội hài hòa. Trong một nền quản trị tốt, vai trò của các nhân tố có tác dụng hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau. Cụ thể: (1) Nhà nước có vai trò tạo nên một nền tảng chính sách và môi trường pháp lý tốt; (2) Thị trường có vai trò tạo nên cơ hội cho người dân phát triển; (3) Các tổ chức xã hội có vai trò huy động sự tham gia của người dân². Trong quá trình đạt được điều đó, vai trò của nhà

1. Bài phỏng vấn của Fareed Zakaria với Lý Quang Diệu trên Tạp chí *Foreign Affairs*, tháng 3 năm 1994.

2. Sheila Lo Dingcong: *Civil Society and Public Administration*, A report presented in PA 208 class at the UP NCPAG, 2016.

nước phải giảm đi. Điều này có tính quy luật là ở chỗ, Nhà nước kiến tạo phát triển không phải là một hình mẫu mang tính thường tại mà ngược lại nó mang tính thời đại. Nhà nước kiến tạo phát triển luôn luôn phải đối phó với những sự thay đổi về các yếu tố bên trong lẫn các tác nhân ngoại cảnh. Vậy nên, chúng phải đối mặt với những vấn đề xã hội ngày càng phát sinh và đôi khi trở nên “hụt hơi” và không thể theo kịp. Trên góc độ kinh tế, các cuộc khủng hoảng kinh tế cũng có tác động to lớn tới tương quan giữa Nhà nước và các tổ chức xã hội. Thực tế cho thấy, nếu như khủng hoảng kinh tế khiến người dân mất niềm tin vào Nhà nước và quyền lực của giới lãnh đạo bị lung lay thì đó lại là cơ hội để các tổ chức xã hội phát triển. Một ví dụ điển hình là trong thời kỳ khủng hoảng tại Hy Lạp, các tổ chức xã hội lại có những động lực để phát triển mạnh hơn cả về phạm vi lẫn tính chất của hoạt động nhằm cung cấp sự hỗ trợ xã hội cho các nhóm bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế¹. Vậy nên rõ ràng rằng, các tổ chức xã hội sẽ ngày càng thể hiện vai trò cạnh tranh hơn đối với Nhà nước.

Tóm lại, trong phần này chúng ta cần thấy được tính chất của mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển

1. Marilena Simiti: *Civil Society and the Economy: Greek civil society during the Economic Crisis*, ECPR General conference, Charles University in Prague, 7 - 10 September, 2016.

không phải là bất biến mà ngược lại luôn có sự biến đổi nhất định. Ban đầu, các nhà nước kiến tạo phát triển có xu hướng kìm nén đời sống hiệp hội, khiến các tổ chức xã hội hoặc không có khả năng ra đời hoặc không thể phát huy hết vai trò của mình. Sau đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế và trào lưu dân chủ hóa, các tổ chức xã hội dần phát triển và khẳng định được vị thế của mình. Thậm chí, chúng có thể cạnh tranh ảnh hưởng với Nhà nước. Điều này cũng đồng nghĩa với việc Nhà nước kiến tạo phát triển mất dần vị thế và phai mờ dần bản chất của mình trước khi chuyển hóa thành các hình mẫu khác.

II. THỰC TIỄN MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI Ở MỘT SỐ QUỐC GIA

Có thể nói mặc dù thực tiễn hết sức đa dạng và phong phú nhưng các quốc gia châu Á với hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển chia sẻ nhiều đặc điểm chung. Trong phần này, nhóm tác giả trình bày một số vấn đề liên quan tới thực tiễn mối liên hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và các tổ chức xã hội ở một số quốc gia châu Á điển hình như sau:

1. Nhật Bản

Nhật Bản là một quốc gia điển hình nơi Nhà nước

kiến tạo phát triển đã đạt được những thành quả phát triển kinh tế mạnh mẽ trong những thập niên thuộc nửa cuối thế kỷ XX. Bên cạnh đó, các tổ chức xã hội ở Nhật Bản cũng có một lịch sử lâu đời, và cho đến nay đã có được những chỗ đứng vững chắc với một khuôn khổ pháp lý cởi mở và dân chủ¹. Vị thế của các tổ chức xã hội Nhật Bản trong mối quan hệ với nhà nước, đó là trong bối cảnh một “*nhà nước mạnh với nhiều đặc điểm của hệ thống quan liêu kiểu Weber*” thì “*các tổ chức xã hội Nhật Bản gặp nhiều khó khăn trong việc tìm hãm nhà nước*”². Thậm chí, theo Makido Noda, người đứng đầu chương trình nghiên cứu của Viện Nghiên cứu các tổ chức cơ sở (Institute on Japan’s grassroots organisation) thì “*Nhật Bản không thực sự có một hệ thống các tổ chức xã hội đúng nghĩa cho tới gần đây, và hiện tại thì nó vẫn còn rất yếu*”³. Năm 2008 là năm đầu tiên Nhật Bản tham gia vào đánh giá chỉ số xã hội công dân (CSI), một con số phản ánh rõ nét đời sống hội đoàn tại các quốc gia và chỉ số của

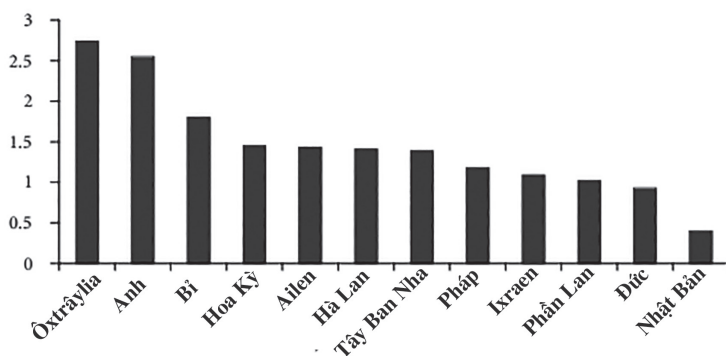
1. Nguyễn Văn Quân: *Tự do hiệp hội tại Nhật Bản: Khuôn khổ pháp lý và triển vọng*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 9/2015.

2. Francis Fukuyama: *The Strong Asian State*. Political Order and Political Decay: From the Industrial Revolution to the Globalization of Democracy. Farrar, Straus and Giroux, 2014.

3. Dẫn theo Hirata Keiko: *Civil Society in Japan: The Growing Role of NGOs in Tokyo’s Aid and Development Policy*, New York: St. Martin’s Press, 2002. Tham khảo: http://www.csun.edu/~kh246690/civil_society_ch1.pdf. Truy cập ngày 30/4/2017.

Nhật Bản cũng rất thấp¹. Mặc dù là nước có quy mô kinh tế lớn thứ ba thế giới nhưng chỉ số xã hội công dân của Nhật Bản lại thuộc nửa dưới. Sơ đồ sau² cho thấy phần nào sự yếu kém của các tổ chức xã hội ở Nhật Bản so với thế giới khi tỷ lệ nguồn nhân lực trong các tổ chức này ở Nhật Bản là thấp hơn nhiều so với các nước châu Âu.

Sơ đồ 4. Tỷ lệ nhân lực làm việc cho các tổ chức xã hội



Như vậy, có thể thấy trên thực tế, vị trí của các tổ chức xã hội Nhật Bản cũng phần nào phản ánh quy luật chung đã được chỉ ra ở phần lý luận về cách ứng xử của Nhà nước kiến tạo phát triển đối với các tổ chức xã hội.

1. <https://www.civicus.org/downloads/CSI/Japan.pdf>.

2. Theo số liệu từ Johns Hopkins Comparative Nonprofit Sector Project.

Tác giả Nguyễn Văn Quân cũng đưa ra số liệu trong số 90.000 tổ chức phi lợi nhuận ở Nhật Bản thì chỉ có 223 tổ chức được ưu đãi đặc biệt về thuế để lập luận rằng: *“chính sách và pháp luật chính thức của nhà nước có phần tụt hậu so với thực tiễn của đời sống hiệp hội”*¹. Một lý giải nữa cho sự áp chế các tổ chức xã hội ở Nhật Bản đến từ truyền thống văn hóa Nho giáo. Quan niệm Nho giáo đề cao tập thể hơn cá nhân và thậm chí khái niệm *chủ nghĩa cá nhân (kojin-shugi)* ở Nhật Bản còn mang nghĩa tiêu cực và gần với sự ích kỷ, tự cao². Nhật Bản do đó đề cao đức tính phục tùng hơn là tự quyết và do vậy nhà nước lại càng có xu hướng áp chế đối với các tổ chức xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, thực tiễn Nhật Bản cho thấy sự tăng trưởng kinh tế như một hệ quả của những thành công mà Nhà nước kiến tạo phát triển mang đến đã phần nào tác động ngược lại, thúc đẩy các tổ chức xã hội phát triển. Tác giả Robert Pekkanen lập luận: *“Các tổ chức xã hội là một nhân tố không được thừa nhận trong Nhà nước kiến tạo phát triển, ở cả thành công và thất bại của nó. Một xã hội công dân có phần thụ động đã biểu hiện*

1. Nguyễn Văn Quân: *Tự do hiệp hội tại Nhật Bản: Khuôn khổ pháp lý và triển vọng*, Tlđđ.

2. Hirata Keiko: *Civil Society in Japan: The Growing Role of NGOs in Tokyo's Aid and Development Policy*, Tlđđ, tr. 24.

đặc tính của Nhà nước kiến tạo phát triển và sự tách biệt với giới chính trị. Dù thế, sự thành công của Nhà nước kiến tạo phát triển đã mang Nhật Bản tới một cấp độ mới của sự thịnh vượng và dẫn tới sự gia tăng đáng kể của các tổ chức xã hội¹. Một dấu ấn thường được nhắc tới khi nói về sự phát triển của các tổ chức xã hội ở Nhật Bản đó là vụ động đất năm 1995 ở tỉnh Kobe, khi mà các tổ chức xã hội mang tính thiện nguyện đã hoạt động một cách năng nổ và tạo được một dấu ấn tốt trong lòng công chúng và xã hội Nhật Bản. Sau đó, Nhật Bản chứng kiến một sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng của các tổ chức xã hội. Những mối liên hệ giữa các đảng phái chính trị, trong đó có Đảng Dân chủ tự do (LDP) với các tổ chức xã hội cũng cao lên. Robert Pekkanen dẫn chứng rằng, ngày 30/3/2004 một tiểu ban của LDP (*senmon iinkai*) đã tổ chức hội nghị nhằm xin phiếu từ các tổ chức phi chính phủ². Thực tế cho thấy, hiện vấn đề vai trò và vị thế của các tổ chức xã hội Nhật Bản đã có nhiều thay đổi nhưng vẫn trong quá trình định hình cho những bước phát triển tiếp theo.

1, 2. Robert Pekkanen: *After the Developmental State: Civil Society in Japan*, Journal of East Asian Studies, Vol. 4, No. 3, 2004, tr. 363, 379.

Tóm lại, trong suốt quá trình lịch sử của mình, đặc biệt từ giai đoạn hậu chiến, với Hiến pháp dân chủ và tôn trọng quyền con người, đời sống tự do hiệp hội ở Nhật Bản phản ánh rõ nét những quy luật vận động của nó trong một nhà nước chuyển dần sang hình mẫu kiến tạo phát triển và rồi lại phai nhạt dần với sự xâm nhập của hình mẫu phúc lợi. Tsukinaka chia các giai đoạn lịch sử (từ năm 1945) của các tổ chức xã hội ở Nhật Bản ra thành các giai đoạn, với đặc điểm tiêu biểu có thể theo dõi ở bảng sau:

Bảng 8. Các giai đoạn lịch sử của đời sống hiệp hội tại Nhật Bản¹

Giai đoạn	Đặc điểm
1945 - 1957	Các tổ chức xã hội phát triển đa dạng, đặc biệt là nghiệp đoàn
1958 - 1975	Trong khi các doanh nghiệp gia tăng thì các tổ chức xã hội thu nhỏ hoặc sáp nhập lại

1. Tsujinaka Yutaka: “Nihon no ShiminShakai to Macro Trend (Japanese Civil Society and Macro Trend)”, in Yutaka. Tsujinaka (ed.) (2009): ShiminSHakaiKouzou to Governance SougoukenkyuZenkokuJichitai (Shi Ku Chou Son) ChousaHoukokusho (Civil Society and Government J-JIGS2-LG An Interim Report).Tsukuba: Tsukuba University, 2009, tr. 12, 13.

1976 - 1996	Chi tiêu chính phủ bị cắt giảm, quan điểm về các tổ chức xã hội dần thay đổi. Mặc dù còn bị chi phối bởi các nhóm lợi ích kinh tế nhưng lĩnh vực hoạt động của các tổ chức xã hội đã đa dạng hơn
Từ 1997 - nay	Các tổ chức phi lợi nhuận tăng chóng mặt, đặc biệt là sau Đạo luật năm 1998 về các tổ chức phi lợi nhuận

Theo dõi các thông số trên, có thể dễ dàng nhận ra giai đoạn Nhà nước kiến tạo phát triển Nhật Bản tồn tại vững mạnh nhất cùng đồng thời với giai đoạn các tổ chức xã hội bị kiểm chế nhất. Trong khi đó, với những giai đoạn sau, dường như nhà nước đã có sự chấp nhận và thích nghi dần với môi trường cạnh tranh cùng với các tổ chức xã hội. Tuy nhiên, một hệ quả mà thời kỳ hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển lên ngôi tại Nhật Bản vẫn còn dai dẳng tới tận ngày nay đó là mặc dù các tổ chức xã hội đã có vị thế và nhận được sự quan tâm nhất định, nó vẫn không bao giờ thách thức được quyền lực của nhà nước và giới cầm quyền. Tom Ginsburg chỉ ra rằng, ở Nhật Bản các nhóm không được khởi kiện. Luật hành chính không cho phép các tổ chức phi chính phủ đứng ra kiện với tư cách bảo vệ quyền lợi cho một tập thể nào đó. Ông cũng cho thấy rằng tỷ lệ chính quyền thua kiện ở Nhật Bản là rất thấp, chỉ dưới 10% bởi tòa án dường như

chỉ giải quyết những vụ việc nhỏ lẻ¹. Nói chung, mặc dù vị thế và vai trò của các tổ chức xã hội ở Nhật Bản đã có sự chuyển biến nhất định theo hướng tích cực nhưng rõ ràng những di sản mà thời kỳ Nhà nước kiến tạo phát triển để lại vẫn phần nào khiến cho chúng còn thiếu sức sống và vai trò cần thiết. Ngày nay, cùng với xu thế dân chủ, các tổ chức xã hội ở Nhật Bản đã được quan tâm hơn mặc dù nhà nước vẫn giữ thế thượng phong trong mối quan hệ này.

2. Hàn Quốc

Vấn đề các tổ chức xã hội và Nhà nước kiến tạo phát triển ở Hàn Quốc lại có nhiều điểm đặc thù về mặt lịch sử. Giáo sư Choe Hyondok lý giải về sự kìm hãm các tổ chức xã hội trong thời kỳ 1961-1987 qua ba nguyên tắc của chính quyền Park Chung Hee đó là “chống cộng”, “Nhà nước độc tài” và “phát triển kinh tế”². Cụ thể, chính sách chống cộng sản và đối đầu Nam - Bắc Triều Tiên khiến xã hội vận động theo hướng nhất nguyên, trong đó những người chống lại chính sách và hoạt động ngoài

1. Tom Ginsburgs: *Dismalting the “developmental state”? Administrative procedure reform in Japan and Korea*, American journal of comparative law, Vol. 49, No. 4, 2001.

2. Choe Hyondok: *Xã hội dân sự và kinh tế thị trường ở Hàn Quốc. Nguyên lý “công tính” trong bối cảnh chủ nghĩa tự do mới*, Tạp chí *Triết học*, số 4/2009.

tâm quản lý của nhà nước có thể bị quy kết là “cộng sản” và mất hết mọi quyền tồn tại trong xã hội. Vì vậy, nhà nước nắm vị thế độc quyền và tạo ra một ưu thế tuyệt đối so với các tổ chức xã hội, thậm chí đã có những tổ chức xã hội “quốc doanh” được lập nên mà Choe Hyondok gọi là tổ chức phi chính phủ giả hiệu (pseudo-NGOs). Mục tiêu phát triển kinh tế cũng góp phần thừa nhận sự phân hóa giữa giới chủ tư bản và công nhân, kìm hãm sự liên kết của công nhân trong các tổ chức công đoàn tự do. Sau Hiến pháp năm 1987, Hàn Quốc tiến vào thời kỳ dân chủ và cho tới ngày nay, mục tiêu đòi hỏi dân chủ vẫn là sứ mệnh hàng đầu của các tổ chức xã hội ở Hàn Quốc. Theo một thống kê, đến năm 2013 có tới 50.000 tổ chức đấu tranh vì dân chủ ở Hàn Quốc, trong đó phần nhiều là của những người lao động¹. Quá trình dân chủ hóa mạnh mẽ cùng với sự phát triển của các tổ chức xã hội ở Hàn Quốc đang tác động mạnh mẽ tới các tập đoàn kinh tế lớn hay thường được gọi là các *chaebol*. Được coi là một trong những dấu ấn quan trọng của chính quyền Park Chung Hee, các *chaebol* là một động lực quan trọng khiến kinh tế Hàn Quốc phát triển vượt bậc, từ một nước có thu nhập bình quân đầu người 100\$ vào năm 1960

1. Lê Văn Cường: *Mấy nét về các tổ chức xã hội ở Hàn Quốc hiện nay*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 4/2015.

tới 12.000\$ trong những năm sau này¹. Có thể khẳng định rằng, các *chaebol* là sản phẩm của Nhà nước kiến tạo phát triển Hàn Quốc, như giáo sư Cho Mu-hyun đã khẳng định: “*Hàn Quốc có thể được định nghĩa là một “nhà nước kiến tạo” nơi chính phủ tích cực can thiệp và phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp. Xét ở một số khía cạnh, điều này là cần thiết bởi thị trường khi đó là không hoàn hảo. Và thế là các chaebol được ra đời*”². Dù vậy, trước sức ép dân chủ hóa và sự phát triển của các tổ chức xã hội, những năm gần đây các *chaebol* đã gặp phải những khủng hoảng to lớn. Thực sự chính các *chaebol* cũng đang phải tự điều chỉnh và thay đổi, hay như cách nói của giáo sư Lee Jong-Wha, đó là phải “*thuần hóa*” nhằm thích ứng với bối cảnh mới³. Điều này cho thấy, các tổ chức xã hội ở Hàn Quốc ngày càng đóng vai trò cao hơn trong xã hội và thúc đẩy quá trình tự do hóa ở đất nước này.

1. Kim Byung-kook, Ezra F. Vogel: *Kỷ nguyên Park Chung Hee và quá trình phát triển thần kỳ của Hàn Quốc*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2015.

2. Dẫn theo Cho Mu-hyun: *The chaebols: The rise of South Korea's mighty conglomerates*, ngày 16/4/2015. <https://www.cnet.com/news/the-chaebols-the-rise-of-south-koreas-mighty-conglomerates/> Truy cập ngày 30/4/2017.

3. Lee Jong-Wha: *Cơ hội thuần hóa các chaebol của Hàn Quốc*, Project Syndicate, ngày 19/01/2017. Biên dịch: Lâm Minh Đạt, hiệu đính: Lê Hồng Hiệp.

Tuy nhiên, nếu quá trình dân chủ hóa ở Nhật Bản diễn ra khá yên bình thì các tổ chức xã hội ở Hàn Quốc đã phải chiến đấu thực sự để có được vị thế tốt hơn. Điều đó thể hiện ở giai đoạn dân chủ hóa phải trả giá bằng nhiều sinh mạng ở Hàn Quốc. Một cách khái lược, quá trình này có thể điểm qua bởi một số cột mốc sau¹:

(1) Năm 1970, Nghiệp đoàn độc lập đầu tiên được hình thành sau nhiều năm và liên tục đấu tranh cho quyền lợi người lao động trong hoàn cảnh bị coi là bất hợp pháp và bị quấy rối bởi chính quyền trong nhiều năm.

(2) Năm 1979, các nữ công nhân tại Công ty thương mại YH tự thành lập công đoàn riêng và bắt đầu biểu tình ngồi. Cuộc biểu tình bị đàn áp, một phụ nữ bị giết nhưng công chúng đã thức tỉnh.

(3) Sau vụ ám sát Park Chung Hee năm 1979 và đảo chính năm 1980, phong trào công nhân, sinh viên, trí thức chống độc tài nổ ra và bị đàn áp. Khoảng 200 người bị thảm sát vào ngày 18/5/1980, sau đó, tất cả công đoàn tự do bị phá hủy, 500 phóng viên và 80 giáo sư bị sa thải.

(4) Năm 1987, trước áp lực của liên minh các tổ chức xã hội với tên gọi Phong trào quốc gia vì một hiến pháp

1. Phần này khái quát lại từ John Minns: *Of miracles and models: the rise and decline of the developmental state in South Korea*, Third World Quartely, Vol. 22, No. 6, 2001.

dân chủ, nền độc tài toàn trị ở Hàn Quốc lung lay dữ dội. Hiến pháp mới ra đời và tổng thống được bầu cử trực tiếp.

(5) Kể từ đó, sự áp chế của nhà nước dần dần yếu đi trong khi thế quân bình lực lượng giữa chính quyền và các tổ chức xã hội đối lập bắt đầu đảo chiều. So với năm 1987, vào năm 1989 số lượng nghiệp đoàn tăng 3 lần.

Lý giải cho sự thành công của các tổ chức xã hội khi giành lại tầm ảnh hưởng từ tay nhà nước, Sunhyuk Kim cho rằng mấu chốt là nằm ở sự đa dạng của các tổ chức xã hội¹. Chính từ sự liên kết một cách đa dạng và chặt chẽ giữa các tổ chức công nhân, sinh viên, trí thức và cả tôn giáo đã tạo nên một động lực mạnh mẽ khiến chính quyền phải khoan nhượng và chấp nhận dân chủ hóa. Phong trào quốc gia vì một hiến pháp dân chủ (Kungmin Undong Ponbu) chính là tổ chức thể hiện tiêu biểu điều đó khi nó là sự tập hợp của 25 nhóm chủ chốt, bao gồm tất cả các lĩnh vực và khu vực chủ yếu ở Hàn Quốc.

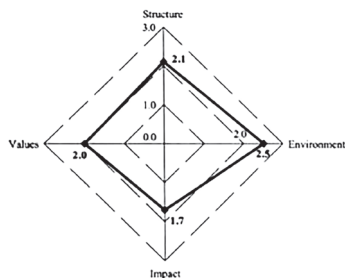
Dù vậy, các tổ chức xã hội ở Hàn Quốc vẫn chưa có được một không gian tồn tại tốt. Điều đó không có nghĩa

1. Sunhyuk Kim, South Korea: *Confrontational Legacy and Democratic Contributions*, trích từ *Civil Society and Political Change in Asia Expanding and Contracting Democratic Space*, Edited by Muthiah Alagappa Stanford University Press, Stanford, California, 2004.

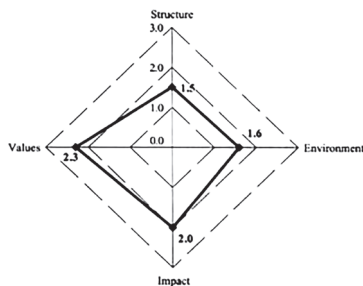
là các tổ chức xã hội ở Hàn Quốc không năng động mà một phần nguyên nhân lại đến từ phía nhà nước đã không tạo môi trường thích hợp cho chúng hoạt động và phát huy năng lực. Phân tích sơ đồ sau¹ có thể giúp chúng ta hiểu hơn về điều này.

Sơ đồ 5. Các chỉ số về tổ chức xã hội ở Hà Lan và Hàn Quốc

Civil Society Diamond for the Netherlands



Civil Society Diamond for South Korea



1. Mark Lyons: *Measuring and Comparing Civil Societies*, Cosmopolitan Civil Societies Journal, Vol. 1, No. 1, 2009.

Với một nước có trình độ phát triển cao về xã hội như Hà Lan, mặc dù không mạnh bằng Hàn Quốc về độ ảnh hưởng hay giá trị nhưng môi trường cho các tổ chức xã hội ở Hà Lan được đánh giá rất cao. Cấu trúc của các tổ chức xã hội ở đây cũng rất chặt chẽ. Điều này phần nào cho thấy sự kém thiện chí của Nhà nước Hàn Quốc cho dù đến những năm gần đây vẫn còn hiện hữu.

Ngày nay, mặc dù đời sống hiệp hội ở Hàn Quốc vẫn chưa thực sự lớn mạnh như các nước châu Âu nhưng bước chuyển mình của các tổ chức xã hội ở Hàn Quốc là một minh chứng rõ rệt cho mối quan hệ giữa một nhà nước theo hình mẫu kiến tạo phát triển với đời sống hiệp hội. Vượt qua những rào cản và áp lực do nhà nước tạo ra khiến các tổ chức xã hội bị kìm nén, xu hướng tự do hóa được sinh ra từ chính hệ quả của sự phát triển kinh tế được tạo nên bởi Nhà nước kiến tạo phát triển. Chúng tôi xin mượn một kết luận của giáo sư Kangkook Lee để tổng kết lại những phân tích về thực tiễn mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và các tổ chức xã hội: *“Nhu lịch sử đã cho thấy, Nhà nước kiến tạo phát triển tự nó đã phát triển qua thời gian, cũng như nền kinh tế đang tăng trưởng, đặc biệt là đối với mối quan hệ quyền lực giữa chính quyền và giới kinh doanh. Cùng với sự thay đổi đó, chính quyền dường như mất bớt đi sức mạnh*

đối với giới kinh doanh và nhu cầu tự do hóa đặt ra lại làm giới hạn thêm vai trò của nhà nước”¹.

III. VẤN ĐỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

Có thể thấy, ở Việt Nam hiện nay ít có chủ đề nào lại giành được sự quan tâm và chia sẻ như Nhà nước kiến tạo phát triển. Nó có thể được nhìn nhận như một khởi đầu đầy triển vọng cho một giai đoạn phát triển của Việt Nam trong thời gian tới. Tuy nhiên, với những phân tích về cả lý luận lẫn thực tiễn lịch sử ở các nước, nơi mô hình Nhà nước kiến tạo phát triển đã được thử nghiệm nhiều thập kỷ qua, không khó để có thể nhìn ra một số viễn cảnh của mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và các tổ chức xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới sẽ được định hình như thế nào. Để thấy được điều đó, trước hết, theo nhóm tác giả cần có những đánh giá nhất định về đời sống hiệp hội ở Việt Nam.

Xét trên khía cạnh đời sống hiệp hội, ở Việt Nam có nhiều dạng thức tồn tại của các tổ chức xã hội nói chung và đôi khi khiến chúng ta trở nên bối rối khi đối mặt với

1. Kangkook Lee: *From Developmental State to What?: study on change of developmental state*. Xem thêm tại: www.ritsumei.ac.jp/~leekk/study/ds.doc, truy cập ngày 30/4/2017.

vấn đề này. Sở dĩ có điều đó là bởi vì pháp luật Việt Nam thiết lập sự tồn tại của các “tổ chức chính trị - xã hội” có tính chất đặc biệt. Điểm quan trọng đầu tiên là chỉ có những tổ chức này mới thuộc hệ thống chính trị theo Hiến pháp Việt Nam¹. Về bản chất, các tổ chức này khác xa các tổ chức tự nguyện và hoàn toàn độc lập với nhà nước mà nhóm tác giả sử dụng trong này là “tổ chức xã hội”². Vấn đề thuật ngữ không quá quan trọng nhưng có thể gây nhầm lẫn trong thống kê và nhận diện tình hình. Chẳng hạn theo một thống kê, ở Việt Nam, trung bình mỗi người là thành viên của 2,33 tổ chức, cao hơn nhiều nếu so với những nước trong khu vực châu Á, như Trung Quốc (0,39) và Xingapo (0,86). Theo khảo sát này, tỷ lệ những người thuộc ít nhất một tổ chức là 73,5%, một tỷ lệ tương đối cao³. Thống kê này đã dựa trên số liệu

1. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2018, tr. 152.

2. Những khái niệm “hội”, “tổ chức xã hội”, “xã hội dân sự”, “tổ chức phi chính phủ” có nội hàm gần gũi với nhau nhưng có thể gây ra rối loạn nếu sử dụng cùng lúc. Ở đây nhóm tác giả nhấn mạnh đặc tính tự nguyện và độc lập của các tổ chức xã hội. Tham khảo thêm Vũ Công Giao, Lê Thị Thúy Hương: *Hội và tự do hiệp hội ở Việt Nam: Lịch sử phát triển và khung pháp lý*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 07/2016.

3. Đặng Ngọc Dinh: *Tình hình và đặc điểm của xã hội dân sự ở Việt Nam - Những mặt tích cực và các vấn đề cần hoàn thiện*, tr. 129-130, trong *Xã hội dân sự - Một số vấn đề chọn lọc*, Vũ Duy Phú chủ biên, Viện Những vấn đề phát triển, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008.

người Việt Nam tham gia vào cả các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, v.v.. Số lượng những người được coi là thành viên của các tổ chức này ở Việt Nam khoảng 31 triệu người¹, trong khi đó số lượng tổ chức xã hội độc lập với nhà nước vẫn chưa có thống kê rõ ràng bởi quy định pháp lý để xác định tính chính danh của chúng vẫn chưa được hoàn thiện². Đời sống hiệp hội ở Việt Nam đã có những bước tiến nhất định nhưng vẫn còn nhiều điểm hạn chế, đặc biệt là trong sự phụ thuộc vào Nhà nước. Điều này phần nào thể hiện qua một số chi tiết đáng chú ý như³:

(1) Về sự phát triển của hội, năm 1986, cả nước chỉ có gần 30 hội quần chúng hoạt động trong phạm vi toàn quốc. Con số này tương ứng với năm 1990, 2002 và 2015 là 100, 240 và 498.

1. Nguyễn Thanh Tuấn: *Xã hội dân sự: Từ kinh điển Mác - Lênin đến thực tiễn Việt Nam hiện nay*, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 06/7/2007.

2. Nhằm cụ thể hóa quyền tự do lập hội được ghi nhận tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013, Quốc hội đã đưa vào chương trình xây dựng luật từ rất sớm nhưng cho đến năm 2020, sau nhiều lần hoãn để sửa chữa và xin ý kiến, luật về hội vẫn chưa được thông qua.

3. Nguyễn Minh Phương: *Một số vấn đề về hội và quản lý nhà nước về hội ở nước ta hiện nay*, trích trong Vũ Công Giao (Chủ biên): *Bảo đảm quyền tự do lập hội theo Hiến pháp 2013 - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2016, tr. 88-104.

(2) Số lượng các hội đặc thù (gắn với nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước) được Nhà nước công nhận và giao biên chế là rất lớn, ở trung ương có 28 hội với 647 biên chế, ở địa phương có 8.736 hội với 6.771 biên chế.

(3) Hiện 30% hội có trụ sở do Nhà nước hỗ trợ, 10% thuê, 3% tự có và còn lại là mượn nhà của các hội viên làm trụ sở.

Nhìn chung các tổ chức xã hội khá đa dạng nhưng còn nhiều hạn chế, bất cập. Trong đó nổi bật là các vấn đề như¹: (1) Năng lực của các tổ chức xã hội còn thấp, thiếu vai trò của các tổ chức giáo dục, nghiên cứu; (2) Mức độ kiểm soát của Nhà nước rất chặt chẽ trong các lĩnh vực, kể cả về tiếp cận thông tin, xuất bản của các tổ chức xã hội; (3) Không gian hoạt động của các tổ chức xã hội còn hẹp, sự liên kết với doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, Nhà nước còn thấp. Trong bối cảnh vị thế và vai trò các tổ chức xã hội ở Việt Nam còn tương đối khiêm tốn thì họ đang phải cố gắng thích nghi với môi trường pháp lý và tìm cách vươn lên khẳng định giá trị của bản thân. Các tổ chức xã hội không chọn cách đối lập lại với Nhà nước mà có thể đóng vai trò hợp tác, hỗ trợ cho Nhà

1. Lê Quang Bình, Nguyễn Thị Thu Nam, Phạm Thanh Trà, Phạm Quỳnh Hương: *Đánh dấu không gian xã hội dân sự Việt Nam*. <http://isee.org.vn/Content/Home/Library/507/danh-dau-khong-gian-xa-hoi-dan-su-viet-nam.pdf>.

nước nhằm được sự ủng hộ trước khi có thể đứng vững và làm những công việc mà vốn Nhà nước vẫn nắm giữ.

Tiếp theo, cần thấy được những điểm khái quát về tình hình kinh tế Việt Nam và tác động của nó đến đời sống hội đoàn nói riêng, nền dân chủ nói chung. Hiện nay, mặc dù chưa chính thức theo đuổi hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển nhưng đổi mới và hội nhập đã góp phần tạo nên một nền kinh tế Việt Nam với diện mạo phát triển nổi bật¹. Thành tựu tăng trưởng của Việt Nam tuy không đạt tới mức “thần kỳ” như các nhà nước kiến tạo phát triển thành công ở châu Á nhưng cũng góp phần thay đổi xã hội Việt Nam một cách nhất định. Nói đến mối liên hệ giữa đời sống hiệp hội với nền kinh tế, có thể khẳng định rằng không những kinh tế phát triển dẫn tới các tổ chức hội đoàn cũng nở rộ mà chính các tổ chức này cũng đóng vai trò nhất định trong việc thúc đẩy kinh tế phát triển. Điều này thể hiện thông qua một số khía cạnh sau²:

1. Nguyễn Thế Bình: *30 năm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Thành tựu, thách thức và những bài học*, Tạp chí Phát triển và hội nhập, số 22/2015.

2. Đinh Công Tuấn, Đề tài khoa học cấp Bộ: *Vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong phát triển kinh tế và xã hội ở một số quốc gia trong Liên minh châu Âu*, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, nghiệm thu tháng 3/2017.

(1) Các tổ chức xã hội thúc đẩy sự tham gia của người dân vào đời sống kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội; từ đó tạo nên một không khí dân chủ, cởi mở, thúc đẩy liên chính, minh bạch, hạn chế tham nhũng từ những liên kết bất chính giữa doanh nghiệp với Nhà nước.

(2) Các tổ chức xã hội góp phần cung ứng các dịch vụ xã hội mà doanh nghiệp thường không đầu tư tới do hiệu quả thấp; qua đó chúng góp phần cho sự hài hòa của thị trường và bổ sung thêm những kênh đầu tư gián tiếp cho doanh nghiệp.

(3) Các tổ chức xã hội góp phần lan tỏa các giá trị trí tuệ của con người, qua đó hỗ trợ Nhà nước, doanh nghiệp trong việc xây dựng nền kinh tế tri thức, hướng tới tăng trưởng bền vững.

Tóm lại ở Việt Nam, những gì mà các tổ chức xã hội đang thực hiện cho thấy các tổ chức này về cơ bản đã hợp tác và thích nghi với điều kiện thể chế và sự phát triển của nền kinh tế. Đây là một bước đi phù hợp, linh hoạt nhằm đạt được mục đích cuối cùng là duy trì và phát triển đời sống hiệp hội. Tuy nhiên có một điều khác biệt đó là ở Việt Nam, mức độ hợp tác giữa các tổ chức xã hội với các cơ quan nhà nước lại cao hơn với các doanh nghiệp. Điều này thể hiện ở các chỉ số tương ứng là 2.36 so với 2.14. Điều này được giải thích là doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn còn xa lạ với các tổ chức xã hội và chủ yếu

họ chỉ quan tâm tới lợi nhuận. Tuy nhiên, vẫn có những điểm sáng có thể trở thành hình mẫu tích cực cho việc gia tăng hợp tác giữa khối doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, trong đó có thể kể tới các tổ chức từ thiện, các tổ chức gắn với địa phương, v.v.. Ngày nay, các tổ chức xã hội ngày càng có nhiều cải tiến về phương thức, hình thức hoạt động, chẳng hạn như tận dụng mạng xã hội facebook, tận dụng mối liên hệ với các tổ chức quốc tế¹, tạo hình ảnh đẹp nhờ truyền thông để có thể hợp tác một cách tốt hơn với doanh nghiệp cũng như Nhà nước. Tuy nhiên, điểm cốt lõi làm nên giá trị của các tổ chức xã hội vẫn là sự tự nguyện, minh bạch và tính độc lập của nó. Chính điều này sẽ làm nên sự tồn tại bền vững của đời sống hiệp hội.

Một vấn đề nhạy cảm nhưng cần phải giải quyết đó là mối quan hệ với các tổ chức đại diện người lao động. Bài học của Hàn Quốc đã đề cập ở phần trên cho chúng ta thấy mâu thuẫn giữa nhà nước với các tổ chức xã hội, nhất là các nghiệp đoàn, có thể tiến tới mức nào nếu chúng ta theo đuổi hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển một cách thái quá. Để tránh vấp phải những hệ

1. Ví dụ như với Ngân hàng Phát triển châu Á, có thể xem tại tài liệu: Asian Development Bank: *Tổ chức xã hội dân sự - Tài liệu cơ bản - Tài liệu hướng dẫn về quan hệ hợp tác với các tổ chức xã hội dân sự*, Philipppin, 2008.

quả xấu có thể xảy ra về vấn đề nghiệp đoàn, chúng ta cần nhận thức được một số vấn đề cơ bản như sau:

Quan niệm cơ bản về quyền công đoàn (trade union/labour union rights) cho rằng quyền của công nhân được tham gia và thiết lập những tổ chức do họ tự mình chọn lựa, mà không cần cấp phép trước¹. Như vậy, quan niệm về quyền công đoàn gắn chặt với quan niệm về công đoàn, trong đó, công đoàn là tổ chức tự nguyện, độc lập, do công nhân thành lập và hoạt động vì mục đích của công nhân. Quyền công đoàn là một dạng cơ bản của quyền lập hội, gắn với chủ thể là công nhân. Công đoàn với tư cách một dạng đặc thù của hội không nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của luật quốc tế về nhân quyền. Điều 22 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966; Điều 8 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 đều đã nhắc tới vấn đề này.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề công đoàn lại càng được đặt ra một cách cấp thiết. Đặc biệt Hiệp định CPTPP đặt ra 5 nguyên tắc về quyền công đoàn với Việt Nam gồm: quyền tự do tham gia công đoàn

1. Susan L. Kang: *Human rights and labor solidarity: Trade Unions in the Global Economy*, University of Pennsylvania Press, 2012, tr. 45. Nguyên văn: “Fundamental to trade union rights is the rights of workers, without distinction whatsoever, to join and establish organizations of their own choosing, without prior authorization”.

của công nhân, quyền tự quản của công đoàn, tự chủ trong việc nhận đại diện của công đoàn trong các đơn vị không có công đoàn, cán bộ công đoàn được lựa chọn mang tính đại diện, ngăn chặn giới chủ can thiệp vào hoạt động của công đoàn. Trong quá trình sửa đổi Bộ luật Lao động, chúng ta cũng đã phải đưa những quy định về tổ chức của người lao động vào dự thảo. Như vậy, đặt ra khả năng Công đoàn Việt Nam - một tổ chức chính trị - xã hội được Hiến pháp ghi nhận sẽ có thể phải chia sẻ, thậm chí đánh mất vị trí của mình vào những công đoàn độc lập khác. Một thách thức khác đến từ một nhận thức chính trị rằng, công đoàn độc lập là một chiêu bài “diễn biến hòa bình” do các tổ chức phản động trong và ngoài nước thúc đẩy để mưu đồ lật đổ chế độ chính trị hiện tại của Việt Nam. Điều này đã được nhận diện công khai như sau: *“Gần đây, ở nước ta, nhiều tổ chức được mang cái mũ “độc lập” mọc ra. Nhiều hội, đoàn với điều lệ, mục tiêu, chương trình hoạt động khác nhau nhưng có điểm chung đều là muốn xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước, xuyên tạc, bóp méo hệ thống chính trị, thành lập các đoàn, hội đối lập với các cơ quan của hệ thống chính trị. Chúng hướng tới nhiều đối tượng khác nhau: Thanh niên, phụ nữ, luật sư, nhà văn, nhà báo, công nhân, nông dân với các tên gọi rất*

mỹ miều: Tập hợp thanh niên dân chủ, Hội phụ nữ nhân quyền, Hội tù nhân lương tâm, Văn đoàn độc lập, Hội nhà báo độc lập, Công đoàn độc lập...¹. Vì vậy, vấn đề quyền tự do của các tổ chức xã hội, trong đó có các tổ chức của người lao động phải được cân nhắc kỹ lưỡng nhằm tránh việc đẩy chúng vào thế đối nghịch với Nhà nước, gây nên những căng thẳng xã hội với hậu quả khó lường.

Trong bối cảnh đó, theo nhóm tác giả, chúng ta cần có những nhận thức và hành động cơ bản như sau:

Thứ nhất, đó là vấn đề hài hòa hóa mối quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức xã hội. Như đã trình bày, có thể Nhà nước kiến tạo phát triển không mấy thiện cảm với các tổ chức xã hội, thậm chí chưa có ngay một cái nhìn dễ chấp nhận với chúng, nhưng không thể phủ nhận rằng, sự phát triển theo hướng tự do hóa của các tổ chức xã hội là điều cần thiết. Một tương lai hợp tác giữa nhà nước và các tổ chức xã hội là hoàn toàn triển vọng. Một ví dụ có thể kể tới là ở Nhật Bản, để khuyến khích người dân giảm bớt lượng muối trong thực phẩm hàng ngày xuống dưới mức 7 gram thì chính phủ đã tài trợ cho các Hiệp hội dinh dưỡng của tư nhân để phổ biến và khuyến khích thành viên của họ kiểm soát lượng muối ăn thông qua

1. Nguyễn Văn Minh: *Cảnh giác với liều thuốc dân chủ “hội, đoàn độc lập”*, báo *Quân đội nhân dân*, ngày 23/6/2014.

các biện pháp tiên tiến¹. Vì vậy, ngay từ trong giai đoạn bắt đầu chuyển mình theo hướng xây dựng Nhà nước kiến tạo, Nhà nước ta cần tránh rơi vào thái độ thờ ơ, xa cách đối với các tổ chức xã hội mà cần có thái độ “*hòa mình*”² vào xã hội, tôn trọng và chấp nhận vai trò của các tổ chức xã hội. Đó là một bước chuẩn bị quan trọng cho tương lai để tránh rơi vào tình trạng xã hội phải đấu tranh dân chủ mạnh mẽ và gây nên những khủng hoảng chính trị lớn như những gì đang diễn ra ở Hàn Quốc. Điều này cũng đã được đưa ra bởi một nhóm nghiên cứu với khuyến nghị: “*nhà nước không chỉ tương tác gần gũi với khu vực doanh nghiệp mà cần hòa mình vào cùng các tổ chức xã hội*”, “*thu hút các tổ chức xã hội vào quá trình phát triển chung của đất nước và điều hòa các mâu thuẫn nảy sinh giữa các tổ chức trong quá trình này*”³.

Thứ hai, cần nhận thức về tính chất thời đại của Nhà nước kiến tạo phát triển và xu thế dân chủ hóa không thể tránh khỏi của các tổ chức xã hội. Cuộc khủng

1. Theo Yukio Mamori: *Do Diets Good for Longevity Really Exist? - Lessons from the eating habits of countries with long-lived populations*, JMAJ, Jan/Feb 2009, Vol. 52, No. 1, pp. 17-22.

2. Tham khảo thêm Peter Evans: *Embedded Autonomy: States and Industrial Transformation*, Princeton University Press, 1995.

3. Đinh Tuấn Minh và Phạm Thế Anh: *Từ Nhà nước điều hành sang Nhà nước kiến tạo phát triển*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2016, tr. 19.

hoảng kinh tế châu Á năm 1997 và quá trình toàn cầu hóa cùng những vấn nạn chung của nhân loại về môi trường, sự cạn kiệt tài nguyên và biến đổi khí hậu đang khiến các nhà nước nhận thức lại về vai trò của mình¹. Xu hướng can thiệp mạnh mẽ của nhà nước như những gì đã diễn ra tại các nhà nước kiến tạo phát triển châu Á trong vài thập niên trước đã trở nên lỗi thời. Điều đó phần nào nhấn mạnh tính thời đại của Nhà nước kiến tạo phát triển. Tức là bản thân nó cũng chỉ có những giá trị lịch sử nhất định và chỉ đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong một khoảng thời gian cụ thể trước khi phải đổi thay nhằm thích ứng với bối cảnh và tình hình mới. Trong khi đó, xu hướng dân chủ, pháp quyền và tự do hóa lại là quy luật bất biến của xã hội. Chất xúc tác của quá trình này không có gì hơn đó là sự phát triển kinh tế. Ngay cả ở những nước Đông Á có truyền thống văn hóa Nho giáo lâu đời như Nhật Bản, Hàn Quốc, sự phát triển của nền kinh tế cũng đã cuốn đi những tàn tích văn hóa tưởng như đã ăn sâu vào dòng máu của dân tộc này, để mở đường cho xu hướng nhân bản, tôn trọng quyền con người với những giá trị cơ bản nhất của nó là tự do và bình đẳng. Sự phát triển của các tổ chức xã hội bất chấp những rào cản từ cả văn hóa lẫn nhà nước đã chứng

1. Nguyễn Văn Thanh: *Về một chủ nghĩa tư bản mới*, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 06/02/2011.

minh cho điều này. Vì vậy, trong thời gian tới, đặc biệt là khi triển khai Hiến pháp năm 2013, Nhà nước ta cần có những chính sách và cơ chế phù hợp nhằm tiếp tục mở rộng và phát huy dân chủ, bảo vệ quyền tự do lập hội. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể đón đầu được xu thế dân chủ mà sự phát triển kinh tế mang lại.

* *

*

Tóm lại, mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và các tổ chức xã hội là một vấn đề quan trọng cần giải quyết trong bối cảnh cả hai đều là những vấn đề nổi bật trong đời sống chính trị và khoa học pháp lý. Nhận thức về mối quan hệ này là điều cần thiết để hoạch định các chính sách trong thời gian tới theo hướng hài hòa hóa sự liên hệ giữa nhà nước và các tổ chức xã hội, đồng thời tự do hóa và thúc đẩy những nền tảng phát triển cho các tổ chức xã hội. Thông qua đó, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy một số vấn đề cơ bản sau:

- Trong bối cảnh nhà nước tập trung theo đuổi các chính sách kinh tế, với việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho một nhóm tư bản công nghiệp phát triển thì việc các tổ chức xã hội bị mất đi chỗ đứng và thậm chí bị đối xử một cách thiếu thiện chí là hoàn toàn có thể giải thích được, thứ nhất là do hệ chính sách mang tính nhất nguyên khó chấp nhận những phản biện đến từ các tổ chức xã

hội; thứ hai, là nhà nước không dễ gì cắt giảm vai trò và tầm ảnh hưởng của mình để nhường nó cho các tổ chức xã hội. Thứ ba, một bộ phận của các tổ chức xã hội là các công đoàn, nghiệp đoàn đôi khi không được coi trọng trong một xã hội mà Nhà nước gắn bó với giới chủ lao động. Do đó, môi trường và khung pháp lý cho các tổ chức xã hội tồn tại sẽ không có cơ hội rộng mở khi Nhà nước kiến tạo phát triển vẫn đang ngự trị.

- Sự phát triển kinh tế mà Nhà nước kiến tạo phát triển mang lại là một động lực và đòn bẩy khiến cho đời sống hiệp hội được thăng hoa. Việc chất lượng sống được gia tăng khiến người dân ý thức hơn về quyền làm chủ của mình và xu hướng tìm đến các hội đoàn tự nguyện là hoàn toàn khách quan. Điều này được thúc đẩy nhờ các yếu tố xúc tác là công nghiệp hóa, đô thị hóa và mở mang giáo dục; điều mà các nhà nước kiến tạo phát triển cũng hết sức quan tâm. Trong quá trình các tổ chức xã hội giành lại vị thế của nó, những xu thế khác nhau có thể xảy ra. Nếu như ở Nhật Bản chúng kiến sự tiến triển hài hòa trong mối quan hệ giữa các tổ chức xã hội với nhà nước thì Hàn Quốc lại là nơi cho thấy mâu thuẫn lên tới đỉnh điểm trong mối quan hệ này. Và mặc dù quá trình lớn mạnh của các tổ chức xã hội có thể diễn ra theo xu thế nào đi chăng nữa thì dân chủ hóa vẫn là điều khách quan và thiết yếu trong một xã hội có nền tảng kinh tế cao.

- Ở Việt Nam, song hành với sự phát triển kinh tế, chúng ta đã đạt tới một trình độ dân chủ khá cao với một đời sống hiệp hội tuy còn nhiều hạn chế nhưng đã ngày càng phát triển. Việc theo đuổi một hình mẫu nhà nước tập trung vào kinh tế và gắn bó với giới doanh nghiệp phải được cân nhắc một cách kỹ lưỡng để tránh làm mất những thành quả đó. Đặc biệt trong lĩnh vực nhạy cảm như công đoàn, cần hết sức cân nhắc bài học của Hàn Quốc khi các tổ chức của người lao động ở nước này đã bị dồn ép tới độ phải gây ra những rối loạn xã hội. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, các tiêu chuẩn về quyền công đoàn đang trở thành áp lực khiến Việt Nam phải thay đổi quy định của pháp luật theo hướng tự do và cởi mở hơn. Việc xem xét tới hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển chắc chắn phải được cân nhắc sao cho không ảnh hưởng tới xu thế tự do hóa công đoàn, vốn mới chỉ được nhen nhóm ở đất nước chúng ta.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về Nhà nước kiến tạo phát triển nói riêng và mối quan hệ giữa nó với đảng chính trị cũng như các tổ chức xã hội nói chung đòi hỏi những cách tiếp cận đa diện, trong đó có nhiều yếu tố chạm tới những chiều cạnh kinh tế, chính trị và thậm chí là văn hóa, xã hội. Đặc biệt nó liên quan đến các lý thuyết về chủ nghĩa can thiệp (interventionism) và chủ nghĩa phát triển (developmentalism). Trong đó, phát triển có thể coi là một sự lý giải cho can thiệp. Thực tế cho thấy, các nhà nước trên thế giới từ xưa đến nay đều biểu hiện những mức độ và cách thức can thiệp khác nhau. Vì thế mà chúng ta có được những khái niệm như: Nhà nước tối thiểu, Nhà nước phúc lợi, Nhà nước chỉ huy và Nhà nước kiến tạo phát triển. Thậm chí mỗi quốc gia trong sự phát triển của mình cũng có những khi điều chỉnh sự can thiệp đó. Chẳng hạn, ngay ở nước Mỹ, nơi người ta tin vào châm ngôn “chính phủ tốt nhất khi nó cai quản ít nhất”, nhà nước cũng đã có những hành động quan

trọng đối với sự phát triển của thị trường¹. Rõ ràng rằng, đặc trưng quan trọng nhất của Nhà nước kiến tạo phát triển đó chính là sự can thiệp của nó nhằm đạt được phát triển. Để hiểu về sự can thiệp này, có thể tóm lại ở mấy ý như sau:

- Động lực của sự can thiệp: Đưa nền kinh tế vươn lên khỏi nghèo nàn, lạc hậu (như ở Hàn Quốc), khôi phục lại nền kinh tế sau chiến tranh (như ở Nhật Bản), bảo vệ sự độc lập còn non yếu (Đài Loan (Trung Quốc), Xingapo).

- Cơ sở cho sự can thiệp: Nền văn hóa coi trọng tập thể và sẵn sàng chịu đựng, hy sinh; chủ nghĩa bảo hộ, được chấp nhận và hỗ trợ của Hoa Kỳ.

- Các biện pháp can thiệp: chính sách thuế, chính sách tín dụng, chính sách cấp phép giới hạn, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo hộ đầu tư trong nước (Hàn Quốc, Nhật Bản), khuyến khích đầu tư nước ngoài (Xingapo), xây dựng đặc khu kinh tế (Hong Kông (Trung Quốc))².

Và thực tế đã chứng minh tính đúng đắn của sự can thiệp thông qua những thành công rực rỡ của các nhà

1. Ngân hàng Thế giới: *Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 1997 - Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 36.

2. Hoàng Thị Thanh Nhân: *Công nghiệp hóa hướng ngoại "Sự thần kỳ" của các NIE châu Á*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 84-87.

nước kiến tạo phát triển Đông Á. Điều được nhắc đi nhắc lại trong sự thần kỳ kinh tế mà các nước này tạo ra đó là “kỷ luật” trong sản xuất và xuất khẩu¹. Và thứ “kỷ luật” đó chỉ có thể tồn tại và dung hòa trong một nơi mà Keizo Nagatani gọi là “*nền văn hóa kinh tế châu Á*”². Vì thế, nghiên cứu về thành tựu của Nhà nước kiến tạo phát triển không thể bỏ qua những yếu tố gắn kết với nó trong một nền văn hóa và chính trị, đó là đảng chính trị và các tổ chức xã hội. Một cách tổng quát, những điều quan trọng trong mối quan hệ giữa các thành tố này có thể tóm gọn như sau:

- Một đảng chính trị lãnh đạo lâu dài là yếu tố quan trọng để tạo nên thành công cho các nhà nước kiến tạo phát triển. Đảng cai trị và tạo ra chính sách thông qua một đội ngũ tinh hoa, kỷ trị cùng mối liên kết chặt chẽ với giới doanh nghiệp.

- Khi nhà nước can thiệp quá sâu, đồng thời những bất công xã hội dần nổi lên, các lực lượng đối lập gia tăng

1. Tính kỷ luật thể hiện rất cao ở chỗ: Nhật Bản chỉ cho phép doanh nghiệp miễn thuế khi có thành tích xuất khẩu, Hàn Quốc buộc doanh nghiệp phải báo cáo hàng tháng về tình hình xuất khẩu, Đài Loan (Trung Quốc) quy định tỷ giá theo hướng có lợi cho xuất khẩu. Xem thêm Joe Studwell: *Châu Á vận hành như thế nào*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2017, tr. 146, 147.

2. Vũ Tuấn Anh (Chủ biên): *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 300.

sức ép đòi hỏi dân chủ. Các tổ chức xã hội cùng với đảng thiếu số liên kết tạo nên phong trào chính trị làm suy yếu đảng cầm quyền.

- Chuyển đổi dân chủ diễn ra làm chuyển biến vai trò của cả nhà nước, các đảng chính trị lẫn các tổ chức xã hội.

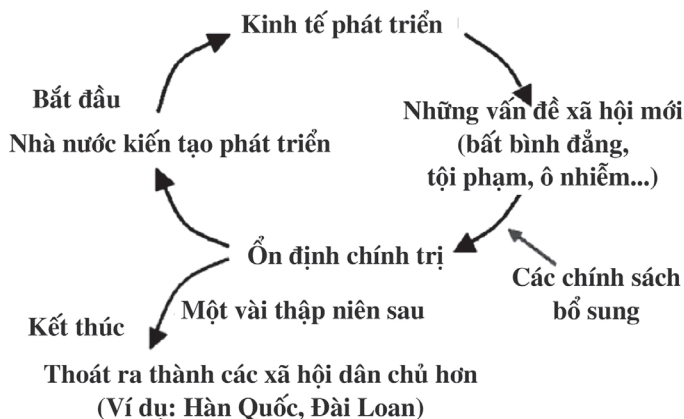
Như vậy, vấn đề cốt yếu ta có thể rút ra đó là bài học liên quan đến dân chủ. Chính nhà độc tài Park Chung Hee cũng nhận ra được cái kết của kinh tế phát triển là một môi trường dân chủ. Phát biểu trước người dân Hàn Quốc, vào năm 1972, ông nói: *“Đối với các quốc gia đang phát triển, hiện đại hóa kinh tế là điều kiện tiên quyết tuyệt đối để thúc đẩy dân chủ... Dân chủ chỉ nở hoa ở mảnh đất phát triển kinh tế màu mỡ”*¹. Các giá trị dân chủ tạm thời bị đánh đổi để nhà nước tập trung thúc đẩy phát triển kinh tế nhưng chính điều đó lại tạo nên một động lực để những đòi hỏi dân chủ tiếp tục được đưa ra. Cuối cùng, sự lãnh đạo lâu dài của các đảng chính trị truyền thống phải chấm dứt mở đường cho nhóm đối lập và các tổ chức xã hội ngày một phát triển. Nhà nước sau sự chuyển biến chính trị đó cũng không còn nguyên vẹn hình mẫu kiến tạo phát triển nữa mà có xu hướng dân

1. Park Chung Hee, New Year press conference (January 1, 1972).

chủ hóa, phúc lợi hóa. Sơ đồ sau¹ (trích từ một nghiên cứu của JICA và Đại học Kinh tế quốc dân) khái quát hóa quy luật này. Cụ thể, sau khi đạt được mức độ phát triển kinh tế cao, nhà nước đối mặt với ngày càng nhiều vấn đề xã hội. Để đạt được ổn định chính trị, nó phải bổ sung thêm các chính sách nhưng sau nhiều thập kỷ, dần dần nó chuyển biến và không còn là Nhà nước kiến tạo phát triển nữa mà trở thành một hình mẫu dân chủ hơn.

Sơ đồ 6. Nhà nước kiến tạo phát triển Đông Á

Chủ nghĩa kiến tạo phát triển ở Đông Á



1. National Economic University (NEU)/Japan International Cooperation Agency (JICA): *Vietnam's Industrialization Strategy in the Age of Globalization*, <http://www.grips.ac.jp/forum/module/vietnam/main.html>.

Mặc dù hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển ở các nước Đông Á đã dần chấm dứt vai trò của nó¹ nhưng việc nghiên cứu chúng vẫn có ý nghĩa rất quan trọng. Đặc biệt là đối với Việt Nam, chúng ta có thể rút ra những bài học tham khảo như sau:

Việc vận dụng những bài học từ hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển phải đặt trong bối cảnh mới, khi xu hướng tự do hóa thương mại đang tăng dần. Việc bảo hộ đầu tư trong nước và gia tăng xuất khẩu như mô hình của Hàn Quốc, Nhật Bản sẽ rất khó có thể đạt được. Để thích ứng với xu hướng đó, bản thân các nước này cũng phải tiến hành *“hội nhập một cách chiến lược chứ không phải là hội nhập chặt chẽ”*² bởi lợi ích quốc gia có thể bị ảnh hưởng. Đặc biệt, xu hướng này cùng với các hiệp định thương mại tự do sẽ thúc đẩy các quốc gia dân chủ, công khai, minh bạch và có trách nhiệm giải trình hơn³. Đây là một trở lực cho việc theo đuổi hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển nhưng lại là một đòi hỏi khách quan.

1. Hiện nay chỉ còn Xingapo là nước vẫn còn duy trì được sự cầm quyền của một đảng từ trước đến nay.

2. Trung tâm Phương Nam: *Tự do hóa và toàn cầu hóa - Rút ra những kết luận đối với công cuộc phát triển*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Hà Nội, 1998, tr. 47.

3. Lê Thị Hoài Thu, Vũ Công Giao (Chủ biên): *Ảnh hưởng của thương mại tự do đến nhân quyền*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2016, tr. 17.

Với việc đi theo hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển cần phải đặt trong những mối quan tâm hiện nay, trong đó có pháp quyền và phát triển bền vững. Nếu không hạn chế được xu hướng chuyên chế của nhà nước thì pháp quyền có thể bị ảnh hưởng, đặc biệt đối với phát triển bền vững, một định hướng lớn của chúng ta¹. Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế đơn thuần chỉ tập trung chủ yếu vào các “tiện nghi vật chất” mà có thể phải đánh đổi bằng tài nguyên, phúc lợi, môi trường². Cần cân nhắc hình mẫu này có phù hợp với những giá trị đó hay không.

Trong quá trình phát triển, chúng ta cần tìm được một định hướng đúng đắn. Việc áp dụng máy móc và vội vàng chính sách kế hoạch hóa tập trung đã thất bại. Với một nền kinh tế còn lạc hậu về công nghệ, ưu tiên đầu tiên phải là công nghiệp hóa, mà bài học từ Chính sách

1. Xem thêm Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam).

2. Ngân hàng Thế giới: *Báo cáo phát triển thế giới 2003: Phát triển bền vững trong một thế giới năng động - Thay đổi thể chế, tăng trưởng và chất lượng cuộc sống*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 59-60.

kinh tế mới (NEP) của VI. Lênin¹ đã chỉ ra nhưng rất tiếc chúng ta lại không tiếp thu từ sớm. Dù vậy, sự thay đổi trong đường lối kinh tế của Việt Nam đã dần chuyển theo hướng tự do hóa hơn trong đó nổi bật là phương thức “*thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm hẳn sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp*”². Nếu chúng ta học tập các nước Đông Á theo mô hình can thiệp trực tiếp vào doanh nghiệp thì định hướng trên cần phải xem xét lại.

Vận dụng hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển phải cân nhắc tới những nguy cơ về kinh tế cũng như chính trị. Tăng trưởng kinh tế thông qua sản xuất công nghiệp sẽ phụ thuộc rất lớn vào tài nguyên. Cuộc khủng hoảng dầu lửa bắt đầu từ năm 1979 đã khiến mức tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản giảm dần với mức 3%/năm

1. Những nội dung lớn của NEP là: (1) Sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ để phát triển nền kinh tế quốc dân; (2) Cho phép tư bản phát triển trong điều kiện nhà nước điều tiết; (3) Kích thích sản xuất vật chất. Theo Vũ Huy Từ: *Tư tưởng chính sách kinh tế mới (NEP) của Lênin và việc đổi mới quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay*, trích trong Tủ sách Đại học Kinh tế quốc dân: *Về vấn đề quản lý kinh tế ở Liên Xô và Việt Nam*, Hà Nội, 1988, tr. 39, 40.

2. Doãn Hùng, Nguyễn Ngọc Hà, Đoàn Minh Tuấn: *Đảng Cộng sản Việt Nam - Những tìm tòi và đổi mới trên con đường lên chủ nghĩa xã hội (1986-2006)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2007, tr. 97.

vào cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX¹. Ngoài vấn đề đó ra, chúng ta cũng còn phải đối mặt với những hệ lụy khác như bất ổn kinh tế vĩ mô, tham nhũng, doanh nghiệp nhà nước yếu kém, tài chính công mất cân bằng².

Nền tảng chính trị cho việc theo đuổi hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam là rất tốt vì môi trường chính trị một đảng đã được duy trì từ lâu. Tuy nhiên, phải nhận thức được rằng, chính trị và kinh tế có mối liên hệ rất khăng khít. Nói một cách hình ảnh thì “chính trị là con tin của kinh tế”. Các chính sách kinh tế có thể ảnh hưởng lớn với nền chính trị nếu nó không giải quyết được những vấn đề phát sinh. Việc thực thi các chính sách nhằm tăng trưởng kinh tế để duy trì uy tín chính trị và tính chính danh cho chính quyền lại đồng thời làm phát sinh tham nhũng và vấn đề môi trường³. Như vậy, nếu không điều chỉnh tốt các vấn đề này thì việc tăng cường can thiệp theo hình mẫu Nhà nước kiến

1. Okuhira Yasuhiro, Michitoshi Takahata, Shigenobu Kishimoto: *Chính trị và kinh tế Nhật Bản*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 154.

2. Phạm Đỗ Chí, Trần Nam Bình (Chủ biên): *Đánh thức con rồng ngủ quên - Kinh tế Việt Nam đi vào thế kỷ XXI*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 332-337.

3. Xem thêm Lê Vĩnh Triên: *Các thế lưỡng nan trong kinh tế và phát triển ở Việt Nam*, ngày 20/02/2018, <http://nghiencuuquocte.org/2018/02/20/luong-nan-trong-kinh-te-va-phat-trien-viet-nam/>

tạo phát triển sẽ có nguy cơ lớn làm ảnh hưởng đến ổn định chính trị.

Cần thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức xã hội vào quá trình phát triển. Việc gạt họ ra khỏi quá trình này là điều không tốt và thậm chí còn gây hại cho nền chính trị khi đẩy một bộ phận quan trọng của xã hội vào thế ngày càng đối nghịch với Nhà nước. Trong đó, một khía cạnh vẫn được tranh cãi đó là sự tham gia của công đoàn với tư cách tổ chức độc lập của người lao động đang được xem xét trong bối cảnh tự do hóa kinh tế theo các chuẩn mực về nhân quyền của thế giới¹. Bài học từ Nhật Bản và đặc biệt là Hàn Quốc cho thấy cần hài hòa quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức xã hội.

Nhà nước kiến tạo phát triển là một hình mẫu đầy tiềm năng và rất cần được xem xét trong khi Việt Nam đang tìm một con đường cho sự tăng trưởng. Những thử nghiệm của hình mẫu này tại các nhà nước ở Đông Á đã cho chúng ta thấy được những kinh nghiệm quý báu. Việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhà nước, đảng chính trị, các tổ chức xã hội trên cơ sở tôn trọng, tăng cường và phát huy dân chủ gắn liền với bảo đảm ổn định chính trị là điều cần thiết. Đây cũng là một trong số những

1. Đầu Công Hiệp: *Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và vấn đề quyền công đoàn ở Việt Nam*, Tạp chí Pháp luật và phát triển, số 06/2016.

định hướng cơ bản mà Việt Nam luôn được khuyến cáo đi theo¹.

Trong bối cảnh hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển đã hoàn tất sứ mệnh lịch sử của nó ở nhiều nước, việc Việt Nam có nên áp dụng hay không vẫn còn là một vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn bởi quy luật cho thấy, việc theo đuổi hình mẫu này vẫn còn chứa đựng không ít rủi ro.

1. Xem thêm Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhóm Ngân hàng Thế giới: *Việt Nam 2035 - Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 21.
3. A. Gélédan: *Lịch sử tư tưởng kinh tế*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.
4. Asian Development Bank: *Tổ chức xã hội dân sự - Tài liệu cơ bản - Tài liệu hướng dẫn về quan hệ hợp tác với các tổ chức xã hội dân sự*, Philippin, 2008.
5. Benjamin M. Friedman: *The moral consequences of economic growth*, Society Journal, 2006.
6. Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
7. Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

8. Bộ môn Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội: *Mô hình nhà nước kiến tạo phát triển qua nghiên cứu của các học giả nước ngoài*, tài liệu tham khảo, 2017.

9. Choe Hyondok: *Xã hội dân sự và kinh tế thị trường ở Hàn Quốc. Nguyên lý “công tính” trong bối cảnh chủ nghĩa tự do mới*, Tạp chí *Triết học*, số 4/2009.

10. Claude Federic Bastiat: *Luật pháp*, Phạm Nguyên Trường dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2015.

11. Đặng Ngọc Dinh: *Tình hình và đặc điểm của xã hội dân sự ở Việt Nam - Những mặt tích cực và các vấn đề cần hoàn thiện*, trong *Xã hội dân sự - Một số vấn đề chọn lọc*, Vũ Duy Phú chủ biên, Viện Những vấn đề phát triển, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008.

12. Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.

13. Đào Thế Tuấn: *Các lý thuyết về phát triển*, Tạp chí *Xã hội học*, số 1/1992.

14. Đậu Công Hiệp: *Bàn về mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển và xã hội dân sự*, Tạp chí *Pháp luật và phát triển*, số 4/2018.

15. Đậu Công Hiệp: *Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và vấn đề quyền công đoàn ở Việt Nam*, Tạp chí *Pháp luật và phát triển*, số 06/2016.

16. Đinh Công Tuấn, Đề tài khoa học cấp Bộ: *Vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong phát triển kinh tế và xã*

hội ở một số quốc gia trong Liên minh châu Âu, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, nghiệm thu tháng 3/2017.

17. Đinh Công Tuấn: *Một số bài học rút ra từ mô hình phát triển Bắc Âu*, Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 1/2012.

18. Đinh Ngọc Thắng, Nguyễn Văn Quân: *Nhà nước kiến tạo phát triển và xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển tại Việt Nam*, Tạp chí *Kiểm sát*, số 06/2017.

19. Đinh Tuấn Minh: *Nền kinh tế thị trường tự do tuyệt đối: tại sao không?*, Kỷ yếu hội thảo: *Những khía cạnh triết học trong nền tảng kinh tế thị trường tại Việt Nam*, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

20. Đinh Tuấn Minh, Phạm Thế Anh: *Từ Nhà nước điều hành sang Nhà nước kiến tạo phát triển*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2017.

21. Đỗ Minh Hợp, Trần Thanh Giang: *Chủ nghĩa vị lợi nhìn từ góc độ đạo đức học*, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 2010.

22. Đỗ Quang Hưng: *Về xây dựng Nhà nước pháp quyền về tôn giáo*, Tạp chí *Mặt trận*, ngày 16/8/2018.

23. Đỗ Văn Thắng: *Từ “chính phủ phục vụ” trong tư tưởng Hồ Chí Minh đến “chính phủ kiến tạo” ngày nay*, Tạp chí *Quản lý nhà nước*, số 253/2017.

24. Doãn Hùng, Nguyễn Ngọc Hà, Đoàn Minh Tuấn: *Đảng Cộng sản Việt Nam - Những tìm tòi và đổi mới trên con đường lên chủ nghĩa xã hội (1986-2006)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2007.

25. F.A. Hayek: *Đường về nô lệ*, Phạm Nguyên Trường dịch, Nxb. Tri Thức, Hà Nội, 2012.

26. Hà Thị Mai Hiền: *Xã hội dân sự và mối quan hệ của xã hội dân sự với nhà nước và pháp luật*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 1/2008.

27. Hồ Bá Thâm: *Văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2012.

28. Hồ Tấn Sáng: *Đảng cầm quyền với việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển, phục vụ nhân dân*, Tạp chí Tổ chức nhà nước, số 4/2017.

29. Hồ Việt Hạnh: *Đảng đổi lập kiểm soát chính quyền - Tình huống chính trị đặc biệt của Nhật Bản*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 09/2009.

30. Hoàng Thị Thanh Nhân: *Công nghiệp hóa hướng ngoại “Sự thần kỳ” của các NIE châu Á*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

31. Hoàng Văn Hiến, Lê Nam Trung Hiếu: *Tác động của chiến tranh Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế Hàn Quốc (1965-1971)*, Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Khoa học Huế, tập 3, số 2/2005.

32. Joe Studwell: *Châu Á vận hành như thế nào*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2017.

33. John Locke: *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2015.

34. John Naisbitt: *Tám xu hướng phát triển của châu Á đang làm thay đổi thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

35. Joseph E. Stiglitz, Shahid Yusuf: *Nhìn lại sự thần kỳ của các nước Đông Á*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2009.

36. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Nghiên cứu quyền con người và quyền công dân: *Giới thiệu Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1996)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.

37. Kim Byung Kook, Ezra F. Vogel: *Kỷ nguyên Park Chung Hee và quá trình phát triển thần kỳ của Hàn Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2017.

38. Lã Khánh Tùng, Nghiêm Hoa, Vũ Công Giao: *Hội và tự do hiệp hội*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2015.

39. Lê Đình Chân: *Luật Hiến pháp - Khuôn mẫu dân chủ*, tập 2, tủ sách Đại học, Sài Gòn, 1975.

40. Lê Hữu Nghĩa: *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở nước ta trong tình hình mới*, Tạp chí Cộng sản, ngày 11/8/2017.

41. Lê Như Thanh: *Những thách thức đối với nền hành chính công Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 10/2014.

42. Lê Thị Hoài Thu, Vũ Công Giao (Chủ biên): *Ảnh hưởng của thương mại tự do đến nhân quyền*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2016.

43. Lê Thị Thu Mai: *Dân chủ hóa ở Hàn Quốc, Nhật Bản và những giá trị tham khảo đối với Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2016.

44. Lê Tùng Lâm: *Hàn Quốc dưới chế độ độc tài phát triển Park Chung Hee (1961-1979)*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.

45. Lê Văn Cường: *Mấy nét về các tổ chức xã hội ở Hàn Quốc hiện nay*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 4/2015.

46. Lee Jong-Wha: *Cơ hội thuần hóa các chaebol của Hàn Quốc*, Project Syndicate, ngày 19/01/2017. Biên dịch: Lâm Minh Đạt, hiệu đính: Lê Hồng Hiệp.

47. Lý Quang Diệu: *Hồi ký, Tập 1: Câu chuyện Singapore*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2017.

48. Lý Quang Diệu: *Hồi ký, Tập 2: Từ thế giới thứ ba vươn lên thứ nhất*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.

49. M.Y. Yoshino: *Hệ thống quản lý của Nhật Bản - Truyền thống và sự đổi mới*, Viện Kinh tế thế giới, Hà Nội, 1987.

50. Mai Ngọc Cường: *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1996.

51. Ngân hàng Thế giới: *Báo cáo phát triển thế giới 2003: Phát triển bền vững trong một thế giới năng động - Thay đổi thể chế, tăng trưởng và chất lượng cuộc sống*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

52. Ngân hàng Thế giới: *Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 1997 - Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

53. Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam: *Việt Nam 2035 - Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ - Báo cáo tổng quan*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2015.

54. Ngô Huy Đức, Nguyễn Thị Thanh Dung: *Nhà nước kiến tạo phát triển - khái niệm và thực tế*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 11/2016.

55. Nguyễn Anh Thái (Chủ biên): *Lịch sử thế giới hiện đại (1917-1995)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013.

56. Nguyễn Đăng Dung: *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.

57. Nguyễn Đăng Dung: *Ý tưởng về một nhà nước chịu trách nhiệm*, Nxb. Đà Nẵng, 2007.

58. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng: *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.

59. Nguyễn Đức Luận: *Đường lối kinh tế của Đảng từ khi đất nước hoàn toàn giải phóng đến nay (1975-2005)*, Hội thảo Khoa học Quốc gia: “*Việt Nam những chặng đường lịch sử: 1954-1975, 1975-2005*”, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, 2005.

60. Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Thị Hồng Điệp, Nguyễn Anh Thu: *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: Nhận thức và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 14/4/2017.

61. Nguyễn Minh Phương: *Một số vấn đề về hội và quản lý nhà nước về hội ở nước ta hiện nay*, trích trong Vũ Công Giao (Chủ biên): *Bảo đảm quyền tự do lập hội theo Hiến pháp 2013 - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2016.

62. Nguyễn Minh Phương: *Vai trò của xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí *Triết học*, số 2/2006.

63. Nguyễn Quốc Sửu: *Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng*, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 27/10/2016.

64. Nguyễn Thanh Tuấn: *Xã hội dân sự: Từ kinh điển Mác - Lênin đến thực tiễn Việt Nam hiện nay*, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 06/7/2007.

65. Nguyễn Thế Bính: *30 năm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Thành tựu, thách thức và những bài học*, Tạp chí *Phát triển và hội nhập*, số 22/2015.

66. Nguyễn Thị Lê: *Phát triển con người trên thế giới: Khái niệm và đo lường*, Tạp chí *Nghiên cứu con người*, số 1/2014.

67. Nguyễn Thị Thanh Thủy: *Xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí *Quản lý nhà nước*, số 250/2016.

68. Nguyễn Thị Việt Hương: *Những nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và định hướng triển khai*, Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Kết quả và vấn đề triển khai thi hành Hiến pháp sửa đổi năm 2013*, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội, 2014.

69. Nguyễn Văn Bông: *Luật Hiến pháp và chính trị học*, Sài Gòn, 1967.

70. Nguyễn Văn Giang, Nguyễn Đức Nhuận: *Về nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 3/2013.

71. Nguyễn Văn Minh: *Cảnh giác với liều thuốc dân chủ “hội, đoàn độc lập”*, báo *Quân đội nhân dân*, ngày 23/6/2014.

72. Nguyễn Văn Quân: *Tự do hiệp hội tại Nhật Bản: Khuôn khổ pháp lý và triển vọng*, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 9/2015.

73. Nguyễn Văn Thanh: *Về một chủ nghĩa tư bản mới*, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 06/02/2011.

74. Okuhira Yasuhiro, Michitoshi Takahata, Shigenobu Kishimoto: *Chính trị và kinh tế Nhật Bản*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

75. Ph. Ăngghen: *Chống Duyrinh*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.

76. Phạm Đỗ Chí, Trần Nam Bình (Chủ biên): *Đánh thức con rồng ngủ quên - Kinh tế Việt Nam đi vào thế kỷ XXI*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

77. Phạm Thị Hồng Điệp: *Mô hình nhà nước phúc lợi kiểu Đông Á và những gợi ý cho Việt Nam*, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Chuyên san *Kinh tế và kinh doanh*, số 4/2014.

78. Phan Trung Lý, Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Sỹ Dũng (Chủ biên): *Một số vấn đề cơ bản của hiến pháp các nước trên thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

79. Phùng Danh Cường, Hoàng Thị Kim Oanh: *Tính đặc thù của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 06/2018.

80. Ryotaro Komiya, Masahiro Okuno, Kotaro Suzumura: *Chính sách công nghiệp Nhật Bản*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.

81. Tô Văn Hòa, Đậu Công Hiệp: *Tư tưởng “ngũ quyền hiến pháp” của Tôn Trung Sơn và sự vận dụng trong Hiến pháp Đài Loan năm 1946*, Tạp chí *Luật học*, số 12/2016.

82. Trần Thị Quang Hồng: *Nhà nước kiến tạo phát triển: sự hình thành của một mô hình quản trị nhà nước và những gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 9/2017.

83. Trần Văn Thọ: *Cú sốc thời gian và kinh tế Việt Nam*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2016.

84. Trung tâm Phương Nam: *Tự do hóa và toàn cầu hóa - Rút ra những kết luận đối với công cuộc phát triển*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Hà Nội, 1998.

85. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Luật Hiến pháp nước ngoài*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2016.

86. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2018.

87. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2016.

88. V.I. Lênin, I.V. Xtalin: *Về dân chủ và kỷ luật trong Đảng*, Nxb. Sự thật, 1974.

89. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 33, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

90. Viện Phát triển quốc tế Harvard: *Việt Nam cải cách kinh tế theo hướng rồng bay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

91. Vụ biên soạn, Ban Tuyên huấn Trung ương: *Triết học Mác - Lênin trích tác phẩm kinh điển*, Nxb. Sách giáo khoa Mác - Lênin, 1979.

92. Vũ Công Giao, Lê Thị Thúy Hương: *Hội và tự do hiệp hội ở Việt Nam: Lịch sử phát triển và khung pháp lý*, Tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 07/2016.

93. Vũ Công Giao, Ngô Minh Hương (Đồng chủ biên): *Tiếp cận dựa trên quyền - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.

94. Vũ Công Giao: *Những thuận lợi và thách thức với việc xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam*, Tạp chí *Công thương*, số 7/2017.

95. Vũ Hoàng Nam: *Kinh nghiệm phát triển tập đoàn kinh tế ở một số nước trong khu vực*, Tạp chí *Kinh tế đối ngoại*, số 11/2013.

96. Vũ Huy Từ: *Tư tưởng chính sách kinh tế mới (NEP) của Lênin và việc đổi mới quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay*, trích trong Tủ sách Đại học Kinh tế quốc dân, *Về vấn đề quản lý kinh tế ở Liên Xô và Việt Nam*, Hà Nội, 1988.

97. Vũ Tuấn Anh (Chủ biên): *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.

Tài liệu tiếng nước ngoài

1. A. David Adesnik, Sunhyuk Kim: *If At First You Don't Succeed: The Puzzle of South Korea's Democratic Transition*, CDDRL Working Papers, July 2008.

2. Adrian Leftwich: *Bringing politics back in: Towards a model of the developmental state*, The Journal of Development Studies, Volume 31, 1995 - Issue 3.

3. Ah-reum Kim: *Formation of the Sasanggye Group and its Roles in Rebuilding South Korea, 1953-1959*, 2014, No. 86.

4. Artur Ursanov, Eline Chivot: *Beyond the Welfare State*, The Hague Centre for Strategic Studies.

5. Aurel Croissant: *Electoral Politics in South Korea*, trích từ *Electoral politics in Southeast & East Asia*, Friedrich-Ebert-Stiftung, Office for Regional Co-operation in Southeast Asia, Xingapo, 2002.

6. Barry Buzan: *People, states, and fear: the national security problem in international relations*, University of North Carolina Press, 1983.

7. Bruce Cumings: *Origins of the Korean War, Vol. 1: Liberation and the Emergence of Separate Regimes, 1945-1947 (Studies of the East Asian Institute)*, Princeton University Publishing House, 1981.

8. Chalmers Johnson: *Political Institutions and Economic Performance: The Government-Business Relationship in Japan, South Korea, and Taiwan*, in *Asian economic development: Present and future*, Cornell University Press, 1985.

9. Christopher J.Gorud: *Economic Development Under Dominant-Party Regimes*, Government Department Honors Thesis, 2011.

10. Dan Slater, Joseph Wong: *The Strength to Concede: Ruling Parties and Democratization in Developmental Asia*, Perspective on Politics, Vol. 11/No. 3, 2013.

11. Davi Levi-Faur: *States making & market building for the global South: The developmental state vs. The regulatory state*, Jerusalem Papers in Regulation and Governance, Working paper No. 44, July 2012.

12. David Hundt, *Neoliberalism, the developmental state and civil society in Korea*, Asian Studies Review, Volume 39, Issue 3, 2015.

13. David Kar Wor Ma: *Explaining judicial independence in the east asian developmental states: the case of Taiwan*, A thesis submitted to the faculty at the University of North Carolina at Chapel Hill in partial

fulfillment of the requirements for the degree of Doctor of Philosophy in the Department of Political Science of the College of Arts & Sciences, 2015.

14. Donald Inglehart & Christian Welzel: *How Development Leads to Democracy: What We Know about Modernization*, Foreign Affairs, 2009, Vol. 88, No. 2, pp. 33-48.

15. Edward P. Stringham: *Anarchy and the Law: The Political Economy of Choice*, Transaction Publishers, 2011.

16. Edward Webb: *Totalitarianism and Authoritarianism*, trích trong John T. Ishiyama and Marijke Breuning, *21st Century Political Science, A Reference Handbook*, Thousand Oaks, CA: SAGE Publications, 2011.

17. Edward Webster, Khayaat Fakier: *From welfare state to development state: an introduction to the debates on the labour market and social security in South Africa*, ICDD Research Cluster 4.2. Work, Livelihood and Economic Security in the 21 century 1st Workshop - Kassel - April 2010.

18. Emmanuel Teitelbaum: *Mobilizing Restraint: Democracy and Industrial Conflict in Postreform South Asia*, Cornell University Press, 2011.

19. Francis Fukuyama: *The Strong Asian State. Political Order and Political Decay: From the Industrial Revolution to the Globalization of Democracy*. Farrar, Straus and Giroux, 2014.

20. Jochen Clasen, Nico A. Siegel: *Investigating Welfare State Change: The 'dependent Variable Problem' in Comparative Analysis*, Edward Elgar Publishing, 2007.

21. John Minns: *Of miracles and models: the rise and decline of the developmental state in South Korea*, Third World Quarterly, Vol. 22, No. 6, 2001.

22. John W. Masland: *Post-War Government and Politics of Japan*, The Journal of Politics, Vol. 9, No. 4 (Nov., 1947), pp. 565-587.

23. Johnson Chalmers: *MITI and the Japanese Miracle: The Growth of Industrial Policy, 1925-1975*, Stanford University Press, 1982.

24. Jonathan Wolff, Robert Nozick: *Property, Justice and the Minimal State*, John Wiley & Sons, 2013.

25. Kookshin Ahn: *Trends in and Determinants of Income Distribution in Korea*, Journal of Economic Development, Volume 22, Number 2, December 1997.

26. Kyung Mo Seo, Tae Hyun Koh: *1972 Korea and Yushin*, Sungkyun Kwan University, 2015.

27. Lee Kuan Yew: "*Singapore: Politics*", in L.K. Yew, One Man's View of the World (Singapore: Straits Times Press), 2013, pp. 205-216.

28. Leroy P. Jones, Il Sakong: *Government, Business, and Entrepreneurship in Economic Development: The Korean Case*, Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts and London, 1980.

29. Luis Mah: *Lessons from Korea to Africa: Leaders, Politics and Developmental States*, European Conference on African Studies, 2011.

30. M. J. Vinod, Meena Deshpande: *Contemporary political theory*, PHI Learning Pvt. Ltd, 2013.

31. Marilena Simiti: *Civil Society and the Economy: Greek civil society during the Economic Crisis*, ECPR General conference, Charles University in Prague, 7 - 10 September, 2016.

32. Mark Beeson: *Developmental States in East Asia: A comparison of the Japanese and Chinese Experiences*, Asian perspective 33(2):5-39, January 2009.

33. Mark Beeson, Hung Hung Pham: *Developmentalism with Vietnamese Characteristics: The Persistence of State-led Development in East Asia*, Journal of Contemporary Asia Vol. 42, No. 4, November 2012, pp. 539-559.

34. Mark Lyons: *Measuring and Comparing Civil Societies*, Cosmopolitan Civil Societies Journal, Vol.1, No.1, 2009.

35. Michio Muramatsu, Ellis S. Krauss: *The Conservative Policy Line and the Development of Patterned Pluralism*, "The Conservative Policy Line and the Development of Patterned Pluralism," in Kozo Yamamura and Yasukichi Yasuba (eds.), *The Political Economy of Japan*, Stanford, Calif.: Stanford University Press, 1987.

36. Multi-party political system could ruin Xingapo: Ong Ye Kung, TODAY, 24/01/2017.

37. Nasir Tyabji: *Japanese Miracle: Review Article of Chalmers Johnson MITI and the Japanese Miracle: The Growth of Industrial Policy, 1925-75*, Social Scientist, Vol. 12, No. 4 (Apr., 1984).

38. Park Chung Hee, 1972 New Year press conference (January 1, 1972).

39. Pauline Debanes, Sébastien Lechevalier: *Resurgence of the Concept of the Developmental State: Which Empirical Reality for Which Theoretical Revival?*, Critique internationale, No. 63, 2014.

40. Peter B. Evans: *Predatory, Developmental, and Other Apparatuses: A Comparative Political Economy Perspective on the Third World State*, Sociological Forum, Vol. 4, No. 4, 1989, p. 574.

41. Peter Evans: *Embedded Autonomy: States and Industrial Transformation*, Princeton University Press, 1995.

42. Robert E. Goodin: *Reasons for Welfare, The Political Theory of the Welfare State*, Princeton University Press, 1988.

43. Robert H. Wade: *Bringing the State Back In: Lessons from East Asia's Development Experience*, This article is published simultaneously in the book *Towards a prosperous wider Europe. Macroeconomic policies for a growing neighborhood*, edited by Michael Dauderstädt, Friedrich-Ebert-Foundation, Bonn 2005.

44. Robert Pekkanen: *After the Developmental State: Civil Society in Japan*, Journal of East Asian Studies, Vol. 4, No. 3, 2004.

45. Seymour Martin Lipset: *Some Social Requisites of Democracy: Economic Development and Political Legitimacy*, The American Political Science Review, 1959, Vol. 53, No.1 (March), pp. 69-105.

46. Sheila Lo Dingcong: *Civil Society and Public Administration*, A report presented in PA 208 class at the UP NCPAG, 2016.

47. Shigehisa Kasahara: *The Asian developmental state and the flying geese paradigm*, United Nation conference on trade and development, November 2013.

48. Sinda Gregory, Toshifumi Miyawaki: *Haruki Murakami: Tôi tự tạo ra quy tắc cho mình*, bài phỏng vấn trên tờ The Review of Contemporary Fiction, Vol. XXII, No. 2, 2003.

49. Sunhyuk Kim, South Korea: *Confrontational Legacy and Democratic Contributions*, trích từ *Civil Society and Political Change in Asia Expanding and Contracting Democratic Space*, Edited by Muthiah Alagappa Stanford University Press, Stanford, California, 2004.

50. Susan L. Kang: *Human rights and labor solidarity: Trade Unions in the Global Economy*, University of Pennsylvania Press, 2012.

51. The Johns Hopkins Center for Civil Society Studies: *Out of the Shadows: Putting civil society on the economic map of the world*, OECD Forum on statistics, Knowledge and policy, Istanbul, June 29, 2007.

52. Carlos Aguiar de Medeiros: *The Political Economy of the Rise and Decline of Developmental States*. Panoeconomicus, 2011, vol. 58, issue 1, 43-56.

53. Thomas Kalinowski: *From developmental state to developmental society?: the role of civil society organizations in recent Korean development and possible lessons for developing countries*, International Studies Review, Vol. 10, No. 1, 2009.

54. Tom Ginsburg: *Dismalting the “developmental state”? Administrative procedure reform in Japan and Korea*, American journal of comparative law, Vol. 49, No. 4, 2001.

55. Tsujinaka Yutaka: “Nihon no ShiminShakai to Macro Trend (Japanese Civil Society and Macro Trend)”, in Yutaka. Tsujinaka (ed.) (2009): *ShiminSHakaiKouzou to Governance SougoukenkyuZenkokuJichitai (Shi Ku Chou Son) ChousaHoukokusho (Civil Society and Government J-JIGS2-LG An Interim Report)*. Tsukuba: Tsukuba University, 2009.

56. UNDP: *Democratization in a Developmental state: The case of Ethiopia - Issues, Challenges and Prospects*, 2012.

57. V. Fritz, A. Rocha Menocal: *(Re)building Developmental States: From Theory to Practice*, Overseas Development Institut,e 111 Westminster Bridge Road, London, 09/2006.

58. Vicky Randall: *Political Parties and Democratic developmental states*, Development Policy Review, 25(5), 2007.

59. William Mass, Hideaki Miyajima: *The organization of the developmental state: fostering private capabilities and the roots of the Japanese miracle*, Business and Economic History, Vol. 22, No. 1, (Fall 1993).

60. Yin Wah Chueds: *The Asian developmental state, Reexaminations and new departures*, Palgrave Macmillan, 2016.

61. Yukio Mamori: *Do Diets Good for Longevity Really Exist? - Lessons from the eating habits of countries with long-lived populations*, JMAJ, Jan/Feb 2009, Vol. 52, No. 1.

62. Ziya Onis: *The Logic of the Developmental State*, Comparative Politics, Vol. 24, No. 1 (Oct., 1991).

Các trang web

1. <http://www.nhandan.com.vn/hangthang/chinh-tri/item/31846702-nha-nuoc-kien-tao-phat-trien.html>.

2. <http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Thu-tuong-dat-hang-Hoc-vien-Chinh-tri-quoc-gia-Ho-Chi-Minh/20179/27046.vgp>.

3. Vũ Công Giao: *Nhà nước kiến tạo phát triển: mô hình và triển vọng*, http://tcnn.vn/Plus.aspx/vi/News/125/0/1010067/0/38326/Nha_nuoc_kien_tao_phat_trien_mo_hinh_va_trien_vong.

4. Lê Thị Thu Mai: *Nhà nước kiến tạo phát triển từ lý luận đến thực tiễn*, <http://tapchimattran.vn/nguyen-cuu/nha-nuoc-kien-tao-phat-trien-tu-ly-thuyet-den-thuc-tien-9929.html>.

5. Huỳnh Thế Du: *Luận giải về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Cambridge, 2013, http://viet-studies.info/kinhte/201329_HuynhTheDu.pdf.

6. <https://iapss.org/2015/07/18/the-japanese-developmental-state-a-review-of-the-miracle/>

7. UNDP: *Democratization in a Developmental state: The case of Ethiopia - Issues, Challenges and Prospects*, 2012.

8. <http://www.et.undp.org/content/dam/ethiopia/docs/Democratization%20in%20a%20Developmental%20State.pdf>.

9. http://chimviet.free.fr/vannhat/nguyennamtran/GiaoTrinhLSNhatBan/NNT_GTLichSuNB_4_ch07.htm.

10. Nguyễn Trung Hiếu: *Mô hình “chính phủ kiến tạo” của Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam*, Chương trình Nghiên cứu Kinh tế học mở rộng thuộc VEPR. <https://broadeneconomics.org/2018/07/02/mo-hinh-chinh-phu-kien-tao-cua-han-quoc-va-bai-hoc-cho-viet-nam-nguyen-trung-hieu/>.

11. *Đời sống thời bao cấp (bài 7): Chợ đen*, <https://thethaovanhoa.vn/van-hoa-giai-tri/doi-song-thoi-bao-cap-bai-7-cho-den-n20140611153441454.htm>.

12. <https://vi.talkingofmoney.com/how-did-glass-steagall-act-affect-commercial-and-investment-banking>.

13. <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/309704/11-trieu-nguoi-an-luong-ngan-sach-nao-kham-noi.html>.

14. <http://tapchiquptd.vn/zh/an-pham-tap-chi-in/de-kinh-te-nha-nuoc-giu-vai-tro-chu-dao-trong-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu/2667.html>.

15. <http://nld.com.vn/kinh-te/tap-doan-nha-nuoc-thua-lo-chon-von-ca-chuc-ngan-ti-dong-20160711100646857.htm>.

16. <http://dantri.com.vn/van-hoa/vi-sao-phim-nha-nuoc-do-tien-nhieu-van-chet-20160422141417008.htm>.

17. <http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/nghien-cuu-khoa-hoc-de-xep-ngan-keo-20150612233339071.htm>.

18. <http://vneconomy.vn/thoi-su/loi-ich-nhom-va-cai-cach-the-che-20120831112155300.htm>.

19. *Tóm lược Dân chủ (Democracy in Brief)*, Ấn phẩm của Chương trình thông tin quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

20. <https://photos.state.gov/libraries/vietnam/8616/ebook/democracy-in-brief-vn.pdf>.

21. <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/quoc-te/2015-03-24/liem-chinh-trung-thuc-va-nhung-di-san-khong-lo-cua-ly-quang-dieu-19112.aspx>.

22. Stephanie Ho: *History of general elections in Xingapo*, singaporeinfopedia, http://eresources.nlb.gov.sg/infopedia/articles/SIP_549_2004-12-28.html.

23. <https://www.quora.com/Why-has-the-Liberal-Democratic-Party-of-Japan-been-in-power-for-so-long>.

24. <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2008/3330/Ve-dang-Dan-chu-tu-do-cam-quyen-o-Nhat-Ban.aspx>.

25. <http://www.worldvaluessurvey.org/WVSOnline.jsp>. https://graphics.eiu.com/PDF/Democracy_Index_2010_web.pdf.

26. Hirata Keiko: *Civil Society in Japan: The Growing Role of NGOs in Tokyo's Aid and Development Policy*, New York: St. Martin's Press, 2002. Tham khảo: http://www.csun.edu/~kh246690/civil_society_ch1.pdf.

27. <https://www.civicus.org/downloads/CSI/Japan.pdf>.

28. Cho Mu-hyun: *The chaebols: The rise of South Korea's mighty conglomerates*, 16/4/2015, <https://www.cnet.com/news/the-chaebols-the-rise-of-south-koreas-mighty-conglomerates/>.

29. Kangkook Lee: *From Developmental State to What?: study on change of developmental state*. Xem thêm tại: www.ritsumei.ac.jp/~leekk/study/ds.doc.

30. Lê Quang Bình, Nguyễn Thị Thu Nam, Phạm Thanh Trà, Phạm Quỳnh Hương: *Đánh dấu không gian xã hội dân sự Việt Nam*. <http://isee.org.vn/Content/Home/>

Library/507/danh-dau-khong-gian-xa-hoi-dan-su-viet-nam.pdf.

31. National Economic University (NEU)/Japan International Cooperation Agency (JICA): *Vietnam's Industrialization Strategy in the Age of Globalization*, <http://www.grips.ac.jp/forum/module/vietnam/main.html>.

32. Lê Vĩnh Triển: *Các thể lưỡng nan trong kinh tế và phát triển ở Việt Nam*, 20/02/2018, <http://nghiencuuquocte.org/2018/02/20/luong-nan-trong-kinh-te-va-phat-trien-viet-nam/>.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>Chương I</i>	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN	13
I. KHÁI NIỆM NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN	14
II. NỀN TẢNG VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN	30
III. VAI TRÒ VÀ QUY LUẬT TỒN TẠI CỦA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN	41
IV. NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN TRONG BỐI CẢNH CHÚC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY	53
<i>Chương II</i>	
MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VỚI ĐẢNG CHÍNH TRỊ	62
I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VÀ ĐẢNG CHÍNH TRỊ	64

II. THỰC TIỄN MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VÀ ĐẢNG CHÍNH TRỊ Ở MỘT SỐ QUỐC GIA	80
III. VẤN ĐỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ ĐẢNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN	97
<i>Chương III</i>	
MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI	110
I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI	111
II. THỰC TIỄN MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI Ở MỘT SỐ QUỐC GIA	129
III. VẤN ĐỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN	143
<i>Kết luận</i>	158
<i>Tài liệu tham khảo</i>	169

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

GS.TS. Nguyễn Minh Đoan (Chủ biên)

* CƠ CHẾ PHÁP LÝ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC

NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG

NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GS.TSKH. Nguyễn Văn Thâm

* XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC -

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HIỆN NAY

TS. Nguyễn Khánh Ly - TS. Đoàn Văn Dũng (Đồng chủ biên)

* XÂY DỰNG MÔ HÌNH CHÍNH PHỦ NHỎ, XÃ HỘI LỚN -

XU HƯỚNG TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ

ĐẶT RA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ISBN 978-604-37-6626-2



9 786043 766262



8935279131365

Giá: 54.000đ